

5. CHƯƠNG NISSAGGIYA

Bạch chư Đại đức, ba mươi điều *Nissaggiya Pācittiya* này được đưa ra đọc tụng.

5.1. PHẨM Y

5.1.1. ĐIỀU HỌC THỨ NHẤT VỀ *KATHINA*

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Vesālī, ở tháp thờ Gotamaka. Vào lúc bấy giờ, ba y đã được đức Thế Tôn cho phép đến các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư [nghĩ rằng]: “Ba y đã được đức Thế Tôn cho phép” nên đi vào làng với ba y nọ, mặc ở trong tu viện với ba y khác, và đi xuống tắm với ba y khác nữa. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Tại sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại sử dụng y phụ trội?” Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Nay các Tỳ-khưu, nghe nói các người sử dụng y phụ trội, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Nay những kẻ rồ dại, vì sao các người lại sử dụng y phụ trội vậy? Nay những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và nay các Tỳ-khưu, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“*Vị Tỳ-khưu nào sử dụng y phụ trội thì phạm tội Nissaggiya Pācittiya.*”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

[Sự quy định căn bản]

2. Vào lúc bấy giờ, có y phụ trội phát sanh đến Đại đức Ānanda. Đại đức Ānanda có ý định dâng y ấy đến Đại đức Sāriputta. Và Đại đức Sāriputta cư ngụ ở Sāketa. Khi ấy, Đại đức Ānanda đã khởi ý điều này: “Điều học đã được đức Thế Tôn quy định là: ‘Không được sử dụng y phụ trội’ và y phụ trội này đã được phát sanh đến ta. Và ta có ý định dâng y này đến Đại đức Sāriputta mà Đại đức Sāriputta cư ngụ ở Sāketa; vậy ta nên thực hành như thế nào?” Sau đó, Đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay Ānanda, bao lâu nữa Sāriputta sẽ đi đến đây?

– Bạch Thế Tôn, ngày thứ chín hoặc ngày thứ mười.

Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khuru rằng:

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép cất giữ¹ y phụ trội tối đa mười ngày. Và nay các Tỳ-khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“*Khi vấn đề y đã được dứt điểm đối với vị Tỳ-khuru, tức là khi Kaṭhina đã hết hiệu lực, y phụ trội được cất giữ tối đa mười ngày. Vượt quá hạn ấy thì [y ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pācittiya.*”²

[Sự quy định lần hai]

3. Khi vấn đề y đã được dứt điểm: Y của vị Tỳ-khuru đã được làm xong, hoặc là đã bị mất, hoặc là đã bị hư hỏng, hoặc là đã bị cháy, hoặc là niềm mong mỏi về y đã bị tan vỡ.

Khi Kaṭhina đã hết hiệu lực: Là đã hết hiệu lực do bất cứ tiêu đề nào trong tám tiêu đề,³ hoặc là đã hết hiệu lực giữa chừng do hội chúng.⁴

Tối đa mười ngày: Là được cất giữ nhiều nhất là mười ngày.

Y phụ trội nghĩa là chưa được chú nguyện để dùng riêng, chưa được chú nguyện để dùng chung.

Y nghĩa là bất cứ loại y nào thuộc về sáu loại y⁵ [có kích thước] tối thiểu⁶ cần phải chú nguyện để dùng chung.

Vượt quá hạn ấy thì [y ấy] nên được xả bỏ: Đến lúc hừng đông ngày thứ mười một thì phạm vào tội *Nissaggiya*, [y ấy] cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và nay các Tỳ-khuru, nên được xả bỏ như vậy: Vị Tỳ-khuru ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các Tỳ-khuru trưởng thượng, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vậy: “Bạch các ngài, y này của tôi đã quá hạn mười ngày, cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ [y] này đến hội chúng.” Sau khi xả bỏ, nên sám hối tội. Tội nên được ghi nhận bởi vị Tỳ-khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực và y đã xả bỏ nên được cho lại:

¹ Động từ *Dhāreti* có nghĩa chính là “mang, mặc, v.v...” nhưng để phù hợp với ngữ cảnh, từ dịch Việt đã được biến đổi ít nhiều như là “cất giữ, sử dụng, v.v...”

² *Nissaggiya Pācittiya* có hai phần: *Nissaggiya* liên quan đến đồ vật cần được xả bỏ, *Pācittiya* là tội ứng đối trị.

³ Tám tiêu đề (*Mātikā*) về sự hết hiệu lực của *Kaṭhina*: Do sự ra đi, do [y] được hoàn tất, do tự mình quyết định, do bị mất, do nghe được [tin], do sự tan vỡ của niềm mong mỏi, do sự vượt qua ranh giới, do sự hết hiệu lực cùng một lúc (*TTTDPGVN*, tập 11, tr. 328; *TTPV*, tập 5, *Mv.* II, chương VII, tr. 116).

⁴ Hội chúng thực hiện hành sự thấu hỏi, khiến *Kaṭhina* hết hiệu lực (ND).

⁵ Sáu loại y: “Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép sáu loại y: Loại bằng sợi lanh, loại bằng bông vải, loại bằng tơ lụa, loại bằng sợi len, loại bằng gai thô, loại bằng chỉ bò” (*TTTDPGVN*, tập 11, tr. 366; *TTPV*, tập 5, *Mv.* II, chương VII, tr. 183).

⁶ Chú nguyện để dùng chung: “Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép chú nguyện để dùng chung y [có kích thước] tối thiểu với chiều dài là tám ngón tay với chiều rộng là bốn ngón tay theo ngón tay tiêu chuẩn” (*TTTDPGVN*, tập 11, tr. 384; *TTPV*, tập 5, *Mv.* II, chương VIII, tr. 213).

“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Y này thuộc về vị Tỳ-khuru tên [như vậy], là vật phạm vào *Nissaggiya* đã được xả bỏ đến hội chúng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho lại y này đến vị Tỳ-khuru tên [như vậy].”

4. Vị Tỳ-khuru ấy nên đi đến nhiều vị Tỳ-khuru, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các Tỳ-khuru trưởng thượng, ngồi chồm hổm, chấp tay lên và nên nói như vậy: “Bạch các ngài, y này của tôi đã quá hạn mười ngày, cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến các Đại đức.” Sau khi xả bỏ, nên sám hối tội. Tội nên được ghi nhận bởi vị Tỳ-khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực và y đã xả bỏ nên được cho lại:

“Xin chư Đại đức hãy lắng nghe tôi. Y này thuộc về vị Tỳ-khuru tên [như vậy], là vật phạm vào tội *Nissaggiya* đã được xả bỏ đến chư Đại đức. Nếu là thời điểm thích hợp cho chư Đại đức, chư Đại đức nên cho lại y này đến vị Tỳ-khuru tên [như vậy].”

5. Vị Tỳ-khuru ấy nên đi đến một vị Tỳ-khuru, đắp thượng y một bên vai, ngồi chồm hổm, chấp tay lên và nên nói như vậy: “Bạch Đại đức, y này của tôi đã quá hạn mười ngày, cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ y này đến Đại đức.” Sau khi xả bỏ, nên sám hối tội. Tội nên được ghi nhận bởi vị Tỳ-khuru ấy và y đã xả bỏ nên được cho lại: “Tôi cho lại Đại đức y này.”

6. Khi quá hạn mười ngày, nhận biết là đã quá hạn thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Khi quá hạn mười ngày, có sự hoài nghi thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Khi quá hạn mười ngày, [lầm] tưởng là chưa quá hạn thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Khi chưa được chú nguyện để dùng riêng, [lầm] tưởng là đã được chú nguyện để dùng riêng thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Khi chưa được chú nguyện để dùng chung, [lầm] tưởng là đã được chú nguyện để dùng chung thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Khi chưa được phân phát, [lầm] tưởng là đã được phân phát thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Khi không bị mất trộm, [lầm] tưởng là đã bị mất trộm thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Khi không bị hư hỏng, [lầm] tưởng là đã bị hư hỏng thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Khi không bị cháy, [lầm] tưởng là đã bị cháy thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Khi không bị cướp, [lầm] tưởng là đã bị cướp thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Y phạm vào tội *Nissaggiya*, không xả bỏ rồi sử dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi chưa quá hạn mười ngày, [lầm] tưởng là đã quá hạn thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi chưa quá hạn mười ngày, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi chưa quá hạn mười ngày, nhận biết là chưa quá hạn thì vô tội.

7. Trong thời hạn mười ngày, vị chú nguyện để dùng riêng, vị chú nguyện để dùng chung, vị phân phát, [y] bị mất trộm, [y] bị hư hỏng, [y] bị cháy, [những người khác] cướp rồi lấy đi, [các vị khác] lấy do sự thân thiết, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

8. Vào lúc bảy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư không cho lại y đã được xả bỏ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khưu, không nên không cho lại y đã được xả bỏ; vị nào không cho lại thì phạm tội *Dukkata*.

Dứt điều học thứ nhất về *Kaṭhina*.

--oo0oo--

5.1.2. ĐIỀU HỌC THỨ NHÌ VỀ *KATHINA*

1. Lúc bảy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, các vị Tỳ-khưu sau khi đã trao y tận tay các Tỳ-khưu, rồi ra đi, du hành trong xứ sở với y nội và thượng y [y vai trái].⁷ Các y ấy được để lại lâu ngày trở nên mốc meo. Các Tỳ-khưu đem phơi nắng các y ấy. Đại đức Ānanda trong lúc đi dạo quanh các chỗ trú ngụ đã nhìn thấy các Tỳ-khưu ấy đang phơi nắng các y ấy, sau khi nhìn thấy đã đi đến gặp các vị Tỳ-khưu ấy, sau khi đến đã nói với các vị Tỳ-khưu ấy điều này:

– Nay các Đại đức, các y bị mốc meo này là của vị nào vậy?

Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã kể lại sự việc ấy cho Đại đức Ānanda. Đại đức Ānanda phản nản, phê phán, chê bai rằng: “Vì sao các Tỳ-khưu sau khi trao y tận tay các Tỳ-khưu, lại ra đi, du hành trong xứ sở với y nội và thượng y?” Sau đó, Đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu sau khi trao y tận tay các Tỳ-khưu, rồi ra đi, du hành trong xứ sở với y nội và thượng y, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Nay các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rồ dại ấy, sau khi trao y tận tay các Tỳ-khưu, lại ra đi, du hành trong xứ sở với y nội và thượng y vậy? Nay các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và nay các Tỳ-khưu, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Khi vấn đề y đã được dứt điểm đối với vị Tỳ-khưu, tức là khi Kaṭhina đã hết hiệu lực, nếu vị Tỳ-khưu xa lìa [một trong] ba y, dầu chỉ một đêm thì phạm tội Nissaggiya Pācittiya.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

[Sự quy định căn bản]

2. Vào lúc bảy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ ở thành Kosambī bị bệnh. Các thân quyến đã phái người đưa tin đến gặp vị Tỳ-khưu ấy [nói rằng]:

– Ngài Đại đức hãy đi đến. Chúng tôi sẽ hộ độ.

⁷ *Santaruttara* = *sa+antara+uttara* = *sa+antaravāsaka+uttarasanga* = với + y nội + thượng y (y vai trái).

Các Tỳ-khuru cũng đã nói như vậy:

– Nay Đại đức, hãy đi. Các thân quyến sẽ hộ độ Đại đức.

Vị ấy đã nói như vậy:

– Nay các Đại đức, điều học đã được đức Thế Tôn quy định rằng: “Không được xa lìa ba y”; và tôi thì bị bệnh nên không thể mang theo ba y mà ra đi được. Tôi sẽ không đi.

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

3. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khuru rằng:

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép ban cho sự đồng ý về việc không phạm tội vì xa lìa ba y đối với Tỳ-khuru bị bệnh. Và nay các Tỳ-khuru, nên ban cho như vậy: Vị Tỳ-khuru bị bệnh ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các Tỳ-khuru trưởng thượng, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vậy: “Bạch các ngài, tôi bị bệnh không thể mang theo ba y mà ra đi được. Bạch các ngài, tôi đây thỉnh cầu hội chúng sự đồng ý về việc không phạm tội vì xa lìa ba y.” Nên được thỉnh cầu lần thứ nhì. Nên được thỉnh cầu lần thứ ba. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khuru này tên [như vậy], bị bệnh không thể mang theo ba y mà ra đi được. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng sự đồng ý về việc không phạm tội vì xa lìa ba y. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho sự đồng ý về việc không phạm tội vì xa lìa ba y đến vị Tỳ-khuru tên [như vậy]. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khuru này tên [như vậy], bị bệnh không thể mang theo ba y mà ra đi được. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng sự đồng ý về việc không phạm tội vì xa lìa ba y. Hội chúng ban cho sự đồng ý về việc không phạm tội vì xa lìa ba y đến vị Tỳ-khuru tên [như vậy]. Đại đức nào đồng ý việc ban cho sự đồng ý về việc không phạm tội vì xa lìa ba y đến vị Tỳ-khuru tên [như vậy] xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Sự đồng ý về việc không phạm tội vì xa lìa ba y đã được hội chúng ban cho vị Tỳ-khuru tên [như vậy]. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

Và nay các Tỳ-khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Khi vấn đề y đã được dứt điểm đối với vị Tỳ-khuru, tức là khi Kathina đã hết hiệu lực, nếu vị Tỳ-khuru xa lìa [một trong] ba y, dầu chỉ một đêm thì [y ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pācittiya, ngoại trừ có sự đồng ý của các Tỳ-khuru.”

[Sự quy định lần hai]

4. Khi vấn đề y đã được dứt điểm: Y của vị Tỳ-khuru đã được làm xong, hoặc là đã bị mất, hoặc là đã bị hư hỏng, hoặc là đã bị cháy, hoặc là niềm mong mỏi về y đã bị tan vỡ.

Khi *Kaṭhina* đã hết hiệu lực: Là đã hết hiệu lực do bất cứ tiêu đề nào trong tám tiêu đề, hoặc là đã hết hiệu lực giữa chừng do hội chúng.

Nếu vị Tỳ-khuru xa lìa ba y, dầu chỉ một đêm: Nếu đã xa lìa hoặc là y hai lớp, hoặc là thượng y, hoặc là y nội, dầu chỉ một đêm.

Ngoại trừ có sự đồng ý của các Tỳ-khuru: Trừ ra có sự đồng ý của các Tỳ-khuru.

Thì [y ấy] nên được xả bỏ: Đến lúc hừng đông thì phạm vào tội *Nissaggiya*, [y ấy] cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và này các Tỳ-khuru, nên được xả bỏ như vậy: ...(nt)... “Bạch các ngài, y này của tôi đã xa lìa qua đêm, giờ cần được xả bỏ, ngoại trừ có sự đồng ý của các Tỳ-khuru. Tôi xả bỏ y này đến hội chúng.” ...(nt)... hội chúng nên cho lại ...(nt)... chư Đại đức nên cho lại ...(nt)... “Tôi cho lại Đại đức.”

5. Làng một địa hạt, nhiều địa hạt; gia trang một địa hạt, nhiều địa hạt; trang trại một địa hạt, nhiều địa hạt; nhà mái nhọn một địa hạt, nhiều địa hạt; tòa nhà vuông một địa hạt, nhiều địa hạt; tòa nhà lớn một địa hạt, nhiều địa hạt; tòa nhà dài một địa hạt, nhiều địa hạt; chiếc thuyền một địa hạt, nhiều địa hạt; đoàn xe một địa hạt, nhiều địa hạt; cánh đồng một địa hạt, nhiều địa hạt; ruộng lúa một địa hạt, nhiều địa hạt; khu vườn một địa hạt, nhiều địa hạt; trú xá một địa hạt, nhiều địa hạt; gốc cây một địa hạt, nhiều địa hạt; khoảng không gian một địa hạt, nhiều địa hạt.

6. Làng một địa hạt nghĩa là làng thuộc về một gia đình và được rào lại, sau khi đã để y ở trong làng thì nên hiện diện trong làng. [Nếu] không được rào lại, y đã được để ở tại nhà nào thì nên hiện diện tại nhà đó, hoặc là không nên rời khỏi tầm tay.⁸

7. Làng thuộc về nhiều gia đình và được rào lại, y đã được để ở tại nhà nào thì nên hiện diện tại nhà đó: Ở trong phòng hội họp, hoặc ở nơi ngưỡng cửa, hoặc là không nên rời khỏi tầm tay. Khi đi đến phòng hội họp, sau khi đã để y ở trong tầm tay thì nên hiện diện ở trong phòng hội họp hoặc ở nơi ngưỡng cửa, hoặc là không nên rời khỏi tầm tay. Sau khi đã để y ở trong phòng hội họp, nên hiện diện ở trong phòng hội họp hoặc ở nơi ngưỡng cửa, hoặc là không nên rời khỏi tầm tay. [Nếu] không được rào lại, y đã được để ở tại nhà nào thì nên hiện diện tại nhà đó, hoặc là không nên rời khỏi tầm tay.

8. Gia trang thuộc về một gia đình là được rào lại và có nhiều căn phòng, nhiều hậu phòng. Sau khi đã để y ở trong gia trang thì nên hiện diện trong gia

⁸ Ngài Buddhaghosa giải thích là 1 *hatthapāsa* (tầm tay) = 2,5 *ratana* (*VinA.* III. 652), và 1 *ratana* = 2 *vidatthiyo* (gang tay), 1 *vidatthi* = 12 lần bề rộng của ngón tay (*VibhA.* 343). Tài liệu *The Buddhist Monastic Code* của Thanissaro Bhikkhu cho biết: 1 *hatthapāsa* = 1,25m.

trang. [Nếu] không được rào lại, y đã được để ở trong căn phòng nào thì nên hiện diện ở trong căn phòng đó, hoặc là không nên rời khỏi tầm tay.

9. Gia trang thuộc về nhiều gia đình là được rào lại và có nhiều căn phòng, nhiều hậu phòng. Y đã được để ở trong căn phòng nào thì nên hiện diện ở trong căn phòng đó hoặc ở nơi ngưỡng cửa, hoặc là không nên rời khỏi tầm tay. [Nếu] không được rào lại, y đã được để ở trong căn phòng nào thì nên hiện diện ở trong căn phòng đó, hoặc là không nên rời khỏi tầm tay.

10. Trang trại thuộc về một gia đình và được rào lại, có nhiều căn phòng, nhiều hậu phòng. Sau khi đã để y ở trong trang trại thì nên hiện diện trong trang trại. [Nếu] không được rào lại, y đã được để ở trong căn phòng nào thì nên hiện diện ở trong căn phòng đó, hoặc là không nên rời khỏi tầm tay.

11. Trang trại thuộc về nhiều gia đình và được rào lại, có nhiều căn phòng, nhiều hậu phòng. Y đã được để ở trong căn phòng nào thì nên hiện diện ở trong căn phòng đó hoặc ở nơi ngưỡng cửa, hoặc là không nên rời khỏi tầm tay. [Nếu] không được rào lại, y đã được để ở trong căn phòng nào thì nên hiện diện ở trong căn phòng đó, hoặc là không nên rời khỏi tầm tay.

12. Nhà mái nhọn thuộc về một gia đình: Sau khi đã để y ở trong nhà mái nhọn thì nên hiện diện trong nhà mái nhọn. Nhà mái nhọn thuộc về nhiều gia đình là có nhiều căn phòng, nhiều hậu phòng. Y đã được để ở trong căn phòng nào thì nên hiện diện ở trong căn phòng đó hoặc ở nơi ngưỡng cửa, hoặc là không nên rời khỏi tầm tay.

13. Tòa nhà vuông thuộc về một gia đình: Sau khi đã để y ở trong tòa nhà vuông thì nên hiện diện trong tòa nhà vuông. Tòa nhà vuông thuộc về nhiều gia đình là có nhiều căn phòng, nhiều hậu phòng. Y đã được để ở trong căn phòng nào thì nên hiện diện ở trong căn phòng đó hoặc ở nơi ngưỡng cửa, hoặc là không nên rời khỏi tầm tay.

14. Tòa nhà lớn thuộc về một gia đình: Sau khi đã để y ở trong tòa nhà lớn thì nên hiện diện trong tòa nhà lớn. Tòa nhà lớn thuộc về nhiều gia đình là có nhiều căn phòng, nhiều hậu phòng. Y đã được để ở trong căn phòng nào thì nên hiện diện ở trong căn phòng đó hoặc ở nơi ngưỡng cửa, hoặc là không nên rời khỏi tầm tay.

15. Tòa nhà dài thuộc về một gia đình: Sau khi đã để y ở trong khu nhà dài thì nên hiện diện trong khu nhà dài. Tòa nhà dài thuộc về nhiều gia đình là có nhiều căn phòng, nhiều hậu phòng. Y đã được để ở trong căn phòng nào thì nên hiện diện ở trong căn phòng đó hoặc ở nơi ngưỡng cửa, hoặc là không nên rời khỏi tầm tay.

16. Chiếc thuyền thuộc về một gia đình: Sau khi đã để y ở trong chiếc thuyền thì nên hiện diện trong chiếc thuyền. Chiếc thuyền thuộc về nhiều gia đình là có nhiều căn phòng, nhiều hậu phòng. Y đã được để ở trong hậu phòng

nào thì nên hiện diện trong hậu phòng đó hoặc ở nơi ngưỡng cửa, hoặc là không nên rời khỏi tầm tay.

17. Đoàn xe thuộc về một gia đình: Sau khi đã để y ở trong đoàn xe thì không nên rời xa phía trước hoặc phía sau quá bảy *abbhantara*,⁹ không nên xa rời phía bên hông quá một *abbhantara*. Đoàn xe thuộc về nhiều gia đình: Sau khi đã để y ở trong đoàn xe thì không nên rời xa khỏi tầm tay.

18. Cánh đồng thuộc về một gia đình và được rào lại, sau khi đã để y ở bên trong cánh đồng thì nên hiện diện bên trong cánh đồng. [Nếu] không được rào lại thì không nên rời khỏi tầm tay. **Cánh đồng thuộc về nhiều gia đình** và được rào lại, sau khi đã để y ở bên trong cánh đồng thì nên hiện diện bên trong cánh đồng hoặc ở nơi ngưỡng cửa, hoặc là không nên rời khỏi tầm tay. [Nếu] không được rào lại thì không nên rời khỏi tầm tay.

19. Ruộng lúa thuộc về một gia đình và được rào lại, sau khi đã để y bên trong ruộng lúa thì nên hiện diện bên trong ruộng lúa. [Nếu] không được rào lại thì không nên rời khỏi tầm tay. **Ruộng lúa thuộc về nhiều gia đình** và được rào lại, sau khi đã để y ở bên trong ruộng lúa thì nên hiện diện ở nơi ngưỡng cửa hoặc là không nên rời khỏi tầm tay. [Nếu] không được rào lại thì không nên rời khỏi tầm tay.

20. Khu vườn thuộc về một gia đình và được rào lại, sau khi đã để y ở bên trong khu vườn thì nên hiện diện ở bên trong khu vườn. [Nếu] không được rào lại thì không nên rời khỏi tầm tay. **Khu vườn thuộc về nhiều gia đình** và được rào lại, sau khi đã để y ở bên trong khu vườn thì nên hiện diện ở nơi ngưỡng cửa hoặc là không nên rời khỏi tầm tay. [Nếu] không được rào lại thì không nên rời khỏi tầm tay.

21. Trú xá thuộc về một gia đình và được rào lại, sau khi đã để y ở bên trong trú xá thì nên hiện diện bên trong trú xá. [Nếu] không được rào lại, y đã được để ở tại trú xá nào thì nên hiện diện tại trú xá ấy, hoặc là không nên rời khỏi tầm tay. **Trú xá thuộc về nhiều gia đình** và được rào lại, y đã được để ở tại trú xá nào thì nên hiện diện tại trú xá ấy hoặc ở nơi ngưỡng cửa, hoặc là không nên rời khỏi tầm tay. [Nếu] không được rào lại, y đã được để ở tại trú xá nào thì nên hiện diện tại trú xá ấy hoặc là không nên rời khỏi tầm tay.

22. Gốc cây thuộc về một gia đình là toàn bộ bóng râm được chiếu xuống vào lúc nửa ngày [giữa trưa]. Sau khi đã để y ở bên trong bóng râm thì nên hiện diện bên trong bóng râm. **Gốc cây thuộc về nhiều gia đình** thì không nên rời khỏi tầm tay.

⁹ Ngài Buddhaghosa giải thích: 1 *abbhantara* = 28 *hattha* (cánh tay) (*VinA.* III. 654). Từ điển của Childers giải thích: *Hattha* là chiều dài, tính từ cùi chỏ của cánh tay đến đầu ngón tay út. Tài liệu *The Buddhist Monastic Code* của Thanissaro Bhikkhu cho biết: Khoảng cách của 7 *abbhantara* = 98m (Như vậy, 1 *abbhantara* = 14m, 1 *hattha* = 0,5m).

23. Khoảng không gian một địa hạt nghĩa là không ở trong thôn làng, ở trong rừng, khoảng không gian xung quanh bảy *abbhantara* là một địa hạt,¹⁰ từ đó trở đi là nhiều địa hạt.

24. Khi đã xa lìa, nhận biết là đã xa lìa thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*, ngoại trừ có sự đồng ý của các Tỳ-khuru. Khi đã xa lìa, có sự hoài nghi thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*, ngoại trừ có sự đồng ý của các Tỳ-khuru. Khi đã xa lìa, [lầm] tưởng là chưa xa lìa thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*, ngoại trừ có sự đồng ý của các Tỳ-khuru. Khi chưa nguyện xả, [lầm] tưởng là đã nguyện xả, ... Khi chưa được phân phát, [lầm] tưởng là đã phân phát, ... Khi không bị mất trộm, [lầm] tưởng là đã bị mất trộm, ... Khi không bị hư hỏng, [lầm] tưởng là đã bị hư hỏng, ... Khi không bị cháy, [lầm] tưởng là đã bị cháy, ... Khi không bị cướp, [lầm] tưởng là đã bị cướp thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*, ngoại trừ có sự đồng ý của các Tỳ-khuru. Y phạm vào tội *Nissaggiya*, không xả bỏ rồi sử dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi chưa bị xa lìa, [lầm] tưởng là đã bị xa lìa thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi chưa bị xa lìa, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi chưa bị xa lìa, nhận biết là chưa bị xa lìa thì vô tội.

25. Vị nguyện xả vào thời điểm rạng đông, vị phân phát, [y] bị mất trộm, [y] bị hư hỏng, [y] bị cháy, [những người khác] cướp rồi lấy đi, [các vị khác] lấy do sự thân thiết, với sự đồng ý của các Tỳ-khuru, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều học thứ nhì về *Kaṭhina*.

--oo0oo--

5.1.3. ĐIỀU HỌC THỨ BA VỀ *KAṬHINA*

1. Lúc bảy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, y ngoài hạn kỳ đã phát sanh đến vị Tỳ-khuru nọ. Y ấy trong khi được may cho vị ấy thì không đủ. Khi ấy, vị Tỳ-khuru ấy căng y ấy ra rồi vuốt tới vuốt lui cho thẳng. Đức Thế Tôn trong khi đi dạo quanh các trú xá đã nhìn thấy vị Tỳ-khuru ấy sau khi căng y ấy ra đang vuốt tới vuốt lui cho thẳng, sau khi nhìn thấy đã đi đến gặp vị Tỳ-khuru ấy, sau khi đến đã nói với vị Tỳ-khuru ấy điều này:

– Nay Tỳ-khuru, vì sao ngươi lại căng y ấy ra rồi vuốt tới vuốt lui cho thẳng vậy?

– Bạch ngài, y ngoài thời hạn này đã phát sanh đến con, trong khi được may lại không đủ. Chính vì thế nên con căng y này ra rồi vuốt tới vuốt lui cho thẳng.

– Nay Tỳ-khuru, ngươi có sự mong mỏi về y không?

– Bạch Thế Tôn, thưa có.

¹⁰ Tức là vòng tròn, bán kính 7 *abbhantara* (= 98m), lấy chỗ để y làm tâm điểm (ND).

Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỷ-khuru rằng:

– Nay các Tỷ-khuru, Ta cho phép sau khi thọ lãnh y ngoài hạn kỳ thì được giữ lại với sự mong mỏi về y.

2. Vào lúc bấy giờ, các Tỷ-khuru [nghĩ rằng]: “Đức Thế Tôn đã cho phép sau khi thọ lãnh y ngoài hạn kỳ thì được giữ lại với sự mong mỏi về y” nên khi thọ lãnh y ngoài hạn kỳ thì giữ lại hơn một tháng. Các y ấy được buộc thành đồng, treo ở sào máng y. Đại đức Ānanda trong khi đi dạo quanh các trú xá đã nhìn thấy các y ấy được buộc thành đồng, treo ở sào máng y, sau khi nhìn thấy đã nói với các Tỷ-khuru rằng:

– Nay các Đại đức, các y đã được buộc thành đồng, treo ở sào máng y là của vị nào vậy?

– Nay Đại đức, chúng là các y ngoài hạn kỳ của chúng tôi đã được giữ lại với sự mong mỏi về y.

– Nay các Đại đức, vậy các y này đã được giữ lại bao lâu rồi?

– Nay Đại đức, hơn một tháng.

Đại đức Ānanda phản nản, phê phán, chê bai rằng: “Vì sao các Tỷ-khuru sau khi thọ lãnh y ngoài hạn kỳ rồi giữ lại hơn một tháng?” Sau đó, Đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Nay các Tỷ-khuru, nghe nói các Tỷ-khuru sau khi thọ lãnh y ngoài hạn kỳ rồi giữ lại hơn một tháng, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Nay các Tỷ-khuru, vì sao những kẻ rồ dại ấy sau khi thọ lãnh y ngoài hạn kỳ rồi giữ lại hơn một tháng vậy? Nay các Tỷ-khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và nay các Tỷ-khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Khi vấn đề y đã được dứt điểm đối với vị Tỷ-khuru, tức là khi Kāṭhina đã hết hiệu lực, lại có y ngoài hạn kỳ phát sanh đến vị Tỷ-khuru, vị Tỷ-khuru đang mong muốn thì nên thọ lãnh. Sau khi thọ lãnh nên bảo thực hiện ngay lập tức, và nếu không đủ thì vị Tỷ-khuru ấy nên giữ lại y ấy tối đa một tháng khi có sự mong mỏi làm cho đủ phần thiếu hụt; nếu giữ lại quá hạn ấy, mặc dầu có sự mong mỏi, [y ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pācittiya.”

3. Khi vấn đề y đã được dứt điểm: Y của vị Tỷ-khuru đã được làm xong, hoặc là đã bị mất, hoặc là đã bị hư hỏng, hoặc là đã bị cháy, hoặc là niềm mong mỏi về y đã bị tan vỡ.

Khi Kāṭhina đã hết hiệu lực: Là đã hết hiệu lực do bất cứ tiêu đề nào trong tám tiêu đề, hoặc là đã hết hiệu lực giữa chừng do hội chúng.

Y ngoài hạn kỳ nghĩa là khi *Kaṭhina* không thành tựu thì được phát sanh trong mười một tháng, khi *Kaṭhina* thành tựu thì được phát sanh trong bảy tháng; [y] được dâng xác định trong thời gian trên thì [y] ấy gọi là y ngoài hạn kỳ.

Phát sanh: Là phát sanh từ hội chúng, hoặc từ nhóm, hoặc từ thân quyến, hoặc từ bạn bè, hoặc từ vải quăng bỏ,¹¹ hoặc từ vật sở hữu của bản thân.¹²

Đang mong muốn: Vị đang ước muốn thì nên thọ lãnh.

Sau khi thọ lãnh nên bảo thực hiện ngay lập tức: Nên bảo thực hiện trong mười ngày.

Nếu không đủ: Trong khi được may thì không đủ [y chưa hoàn thành].

Vị Tỳ-khưu ấy nên giữ lại y ấy tối đa một tháng: Nên giữ lại nhiều nhất là một tháng.

Làm cho đủ phần thiếu hụt: Với mục đích làm cho đủ phần thiếu hụt.

Khi có sự mong mỏi: Là sự mong mỏi [y] từ hội chúng, hoặc từ nhóm, hoặc từ thân quyến, hoặc từ bạn bè, hoặc từ vải quăng bỏ, hoặc từ vật sở hữu của bản thân.

Nếu giữ lại quá hạn ấy mặc dầu có sự mong mỏi: Khi y căn bản được phát sanh ngày ấy [và] y mong mỏi được phát sanh [cùng ngày] thì nên bảo thực hiện trong mười ngày. Khi y căn bản được phát sanh hai ngày, rồi y mong mỏi được phát sanh thì nên bảo thực hiện trong mười ngày. Khi y căn bản được phát sanh ba ngày... được phát sanh bốn ngày... được phát sanh năm ngày... được phát sanh sáu ngày... được phát sanh bảy ngày... được phát sanh tám ngày... được phát sanh chín ngày... được phát sanh mười ngày, rồi y mong mỏi được phát sanh thì nên bảo thực hiện trong mười ngày.

Khi y căn bản được phát sanh mười một ngày... được phát sanh mười hai ngày... được phát sanh mười ba ngày... được phát sanh mười bốn ngày ... được phát sanh mười lăm ngày... được phát sanh mười sáu ngày... được phát sanh mười bảy ngày... được phát sanh mười tám ngày... được phát sanh mười chín ngày... được phát sanh hai mươi ngày, rồi y mong mỏi được phát sanh thì nên bảo thực hiện trong mười ngày.

Khi y căn bản được phát sanh hai mươi một ngày thì nên bảo thực hiện trong chín ngày. Khi y căn bản được phát sanh hai mươi hai ngày... được phát sanh hai mươi ba ngày... được phát sanh hai mươi bốn ngày... được phát sanh hai mươi lăm ngày... được phát sanh hai mươi sáu ngày... được phát sanh hai

¹¹ Vải quăng bỏ (*pamsukūla*) được phát sanh lên do nhiều cách thức. Một trong những cách thức đã được các Tỳ-khưu thời ấy áp dụng là đi vào mộ địa nhặt lấy các vải quần tử thì đem về giặt sạch, cắt may thành y, nhuộm màu, v.v... (ND).

¹² Ngài Buddhaghosa giải thích “Từ vật sở hữu của bản thân” là phát sanh lên do bông vải, chỉ sợi, v.v... của bản thân (*VinA*. III. 659).

mười bảy ngày... được phát sanh hai mươi tám ngày... được phát sanh hai mươi chín ngày, rồi y mong mỗi được phát sanh thì nên bảo thực hiện trong một ngày. Khi y căn bản được phát sanh ba mươi ngày, rồi y mong mỗi được phát sanh, thì ngay trong ngày ấy [y căn bản] nên được chú nguyện để dùng riêng, nên được chú nguyện để dùng chung, nên được phân phát. Nếu vị không chú nguyện để dùng riêng, hoặc không chú nguyện để dùng chung, hoặc không phân phát, đến lúc hừng đông vào ngày thứ ba mươi một thì [y căn bản] phạm vào tội *Nissaggiya*, nên được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân.

Và này các Tỳ-khuru, nên được xả bỏ như vậy: ...(nt)... “Bạch các ngài, y ngoài hạn kỳ này của tôi đã quá hạn một tháng, cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ y này đến hội chúng.” ...(nt)... hội chúng nên cho lại ...(nt)... chư Đại đức nên cho lại ...(nt)... “Tôi cho lại Đại đức.”

4. Khi y căn bản được phát sanh là khác phẩm chất, rồi y mong mỗi được phát sanh và còn lại nhiều đêm, không nên bảo thực hiện trái với ước muốn.¹³

5. Khi quá hạn một tháng, nhận biết là đã quá hạn thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Khi quá hạn một tháng, có sự hoài nghi, ... Khi quá hạn một tháng, [lầm] tưởng là chưa quá hạn, ... Khi chưa được chú nguyện để dùng riêng, [lầm] tưởng là đã được chú nguyện để dùng riêng, ... Khi chưa được chú nguyện để dùng chung, [lầm] tưởng là đã được chú nguyện để dùng chung, ... Khi chưa được phân phát, [lầm] tưởng là đã được phân phát, ... Khi không bị mất trộm, [lầm] tưởng là đã bị mất trộm, ... Khi không bị hư hỏng, [lầm] tưởng là đã bị hư hỏng, ... Khi không bị cháy, [lầm] tưởng là đã bị cháy, ... Khi không bị cướp, [lầm] tưởng là đã bị cướp thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*.

6. Y phạm vào tội *Nissaggiya*, không xả bỏ rồi sử dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi chưa quá hạn một tháng, [lầm] tưởng là đã quá hạn thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi chưa quá hạn một tháng, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi chưa quá hạn một tháng, nhận biết là chưa quá hạn thì vô tội.

7. Trong thời hạn một tháng, vị chú nguyện để dùng riêng, vị chú nguyện để dùng chung, vị phân phát, [y] bị mất trộm, [y] bị hư hỏng, [y] bị cháy, [những

¹³ Ngài Buddhaghosa giải thích như sau: “Nếu y căn bản là mịn và y mong mỗi là thô, không thể kết hợp với nhau, và còn lại nhiều đêm nhưng vẫn không đủ cho đến hết tháng thì không nên cho thực hiện y trái với ước muốn, lại còn bị sự chê bai nữa. Nên chờ cho đến khi nhận lãnh y mong mỗi khác nữa rồi cho thực hiện trong khoảng thời gian [cho phép]. Cũng nên chú nguyện y mong mỗi làm vài phụ tùng (*parikkhāracolaṃ*). Nếu y căn bản là thô và y mong mỗi là mịn thì nên chú nguyện y căn bản làm vài phụ tùng, rồi lấy y mong mỗi làm y căn bản và giữ lại. Bằng phương thức này thì đạt được lại cả tháng ấy để giữ lại y” (*VinA*. III. 659). Có thể hiểu lời giải thích trên như sau: Trong vòng 20 ngày đầu, tính từ lúc y căn bản được phát sanh, nếu y mong mỗi được phát sanh thì số ngày để giữ y căn bản không còn đủ 30 ngày [mà chỉ còn 10 ngày, phù hợp với thời gian cất giữ của y mới được phát sanh chỉ được tối đa là 10 ngày]. Như vậy, hoặc là hy vọng trong 10 ngày còn lại sẽ có thêm y mong mỗi khác cùng loại, hoặc là chú nguyện y mong mỗi thành vài phụ tùng để y căn bản có thể tiếp tục giữ được đủ 30 ngày. Trường hợp y mong mỗi là tốt hơn thì có thể lấy y mong mỗi mới phát sanh làm y căn bản và nguyện y căn bản làm vài phụ tùng, như thế sẽ được tính đủ 30 ngày.

người khác] cướp rồi lấy đi, [các vị khác] lấy do sự thân thiết, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều học thứ ba về *Kaṭhina*.

--oo0oo--

5.1.4. ĐIỀU HỌC VỀ Y CŨ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, người vợ cũ của Đại đức Udāyi đã xuất gia nơi các Tỳ-khuru-ni. Cô ấy thường xuyên đi đến gặp Đại đức Udāyi. Đại đức Udāyi cũng thường xuyên đi gặp Tỳ-khuru-ni ấy. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Udāyi nhận phần phân phối vật thực ở nơi có sự hiện diện của Tỳ-khuru-ni ấy. Khi ấy vào buổi sáng, Đại đức Udāyi đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đến gặp Tỳ-khuru-ni ấy, sau khi đến đã để lộ ra vật kín phía trước [mặt] Tỳ-khuru-ni ấy, rồi đã ngồi xuống chỗ ngồi. Tỳ-khuru-ni ấy cũng đã để lộ ra vật kín phía trước [mặt] Đại đức Udāyi, rồi đã ngồi xuống chỗ ngồi. Khi ấy, Đại đức Udāyi bị khởi dục nên đã suy tưởng đến vật kín của Tỳ-khuru-ni ấy. Tinh dịch của vị ấy đã xuất ra.

2. Khi ấy, Đại đức Udāyi đã nói với Tỳ-khuru-ni ấy điều này:

– Này Sư tỷ, hãy đi và đem lại nước. Tôi sẽ giặt y nội.

– Thừa ngài, hãy trao lại. Chính tôi sẽ giặt.

Rồi [cô] đã dùng miệng nuốt vào một phần tinh dịch ấy, còn một phần đã đưa vào vật kín. Do việc ấy, cô ấy đã mang thai. Các Tỳ-khuru-ni đã nói như vậy:

– Tỳ-khuru-ni này không có Phạm hạnh, cô có thai.

– Này các Ni sư, tôi không phải là không có Phạm hạnh.

Rồi [cô] đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khuru-ni. Các Tỳ-khuru-ni phản nản, phê phán, chê bai rằng: “Vì sao ngài Đại đức Udāyi lại bảo Tỳ-khuru-ni giặt y cũ?”

Sau đó, các Tỳ-khuru-ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khuru. Các Tỳ-khuru nào ít ham muốn, các vị ấy phản nản, phê phán, chê bai rằng: “Vì sao Đại đức Udāyi lại bảo Tỳ-khuru-ni giặt y cũ?”

Sau đó, các vị Tỳ-khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này Udāyi, nghe nói người bảo Tỳ-khuru-ni giặt y cũ, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

– Này Udāyi, là nữ thân quyến của người hay không phải là nữ thân quyến?

– Bạch Thế Tôn, không phải là nữ thân quyến.

– Này kẻ rò dại, người nam không phải là thân quyến không biết điều gì thích hợp hay không thích hợp, điều gì làm hài lòng hay không làm hài lòng người nữ không phải là thân quyến. Này kẻ rò dại, trong trường hợp ấy, sao người lại bảo Tỳ-khuru-ni không phải là thân quyến giặt y cũ vậy? Này kẻ rò

dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt). Và này các Tỳ-khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị Tỳ-khuru nào bảo Tỳ-khuru-ni không phải là thân quyến giết, hoặc bảo nhuộm, hoặc bảo đập giữ y cũ thì [y ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội *Pācittiya*.”

3. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khuru: ...(nt)... Vị này là “vị Tỳ-khuru” được đề cập trong ý nghĩa này.

[Người nữ] không phải là thân quyến nghĩa là người nữ không có sự liên hệ họ hàng cho đến bảy thế hệ tổ tiên từ dòng bên mẹ, hoặc từ dòng bên cha.

Tỳ-khuru-ni nghĩa là người nữ đã được tu lên bậc trên ở cả hai hội chúng.

Y cũ nghĩa là đã được mặc một lần, đã được khoác lên một lần.

Vị chỉ thị rằng: “Hãy giết” thì phạm tội *Dukkata*. [Y] đã được giết thì phạm vào tội *Nissaggiya*. Vị chỉ thị rằng: “Hãy nhuộm” thì phạm tội *Dukkata*. Y đã được nhuộm thì phạm vào tội *Nissaggiya*. Vị chỉ thị rằng: “Hãy đập giữ” thì phạm tội *Dukkata*. Khi [y] đã được vỗ vào một lần bằng bàn tay hoặc bằng cây gậy thì phạm vào tội *Nissaggiya*, [y ấy] cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân.

4. Và này các Tỳ-khuru, nên được xả bỏ như vậy: ...(nt)... “Bạch các ngài, y cũ này của tôi đã được bảo Tỳ-khuru-ni không phải là thân quyến giết, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ y này đến hội chúng.” ...(nt)... hội chúng nên cho lại ...(nt)... chư Đại đức nên cho lại ...(nt)... “Tôi cho lại Đại đức.”

5. Không phải là thân quyến, nhận biết không phải là thân quyến, vị bảo giết y cũ thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Không phải là thân quyến, nhận biết không phải là thân quyến, vị bảo giết, bảo nhuộm y cũ thì phạm tội *Dukkata* với tội *Nissaggiya Pācittiya*. Không phải là thân quyến, nhận biết không phải là thân quyến, vị bảo giết, bảo đập giữ y cũ thì phạm tội *Dukkata* với tội *Nissaggiya Pācittiya*. Không phải là thân quyến, nhận biết không phải là thân quyến, vị bảo giết, bảo nhuộm, bảo đập giữ y cũ thì phạm hai tội *Dukkata* với tội *Nissaggiya Pācittiya*.

6. Không phải là thân quyến, nhận biết không phải là thân quyến, vị bảo nhuộm y cũ thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. ...(nt)... vị bảo nhuộm, bảo đập giữ y cũ thì phạm tội *Dukkata* với tội *Nissaggiya Pācittiya*. ...(nt)... vị bảo nhuộm, bảo giết y cũ thì phạm tội *Dukkata* với tội *Nissaggiya Pācittiya*. ...(nt)... vị bảo nhuộm, bảo đập giữ, bảo giết y cũ thì phạm hai tội *Dukkata* với tội *Nissaggiya Pācittiya*.

7. Không phải là thân quyến, nhận biết không phải là thân quyến, vị bảo đập giữ y cũ thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Không phải là thân quyến, nhận biết không phải là thân quyến, vị bảo đập giữ, bảo giết y cũ ...(nt)... vị bảo đập giữ,

bảo nhuộm ...(nt)... vị bảo đập giũ, bảo giặt, bảo nhuộm y cũ thì phạm hai tội *Dukkaṭa* với tội *Nissaggiya Pācittiya*.

8. Không phải là thân quyền, có sự hoài nghi, ...(nt)... Không phải là thân quyền, [lầm] tưởng là thân quyền, ...(nt)... Vị bảo giặt y cũ của vị khác thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị bảo giặt tấm lót ngồi [tọa cụ], tấm trải nằm [ngọa cụ] thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị bảo cô Ni tu lên bậc trên từ một hội chúng giặt thì phạm tội *Dukkaṭa*. Là thân quyền, [lầm] tưởng không phải là thân quyền, ...(nt)... phạm tội *Dukkaṭa*. Là thân quyền, có sự hoài nghi, ...(nt)... phạm tội *Dukkaṭa*. Là thân quyền, nhận biết là thân quyền ...(nt)... thì vô tội.

9. Khi vị [Tỳ-khuru-ni] là thân quyền đang giặt, có vị [Tỳ-khuru-ni] thứ nhì không phải là thân quyền [phụ giúp], vị [Tỳ-khuru-ni] giặt khi chưa được nói, vị bảo giặt [y] chưa được sử dụng, bị bảo giặt vật dụng khác ngoại trừ y, [vị bảo] cô Ni tu tập sự, [vị bảo] Sa-di-ni, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều học về y cũ.

--oo0oo--

5.1.5. ĐIỀU HỌC VỀ NHẬN LÃNH Y

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, Veluvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khuru-ni Uppalavaṇṇā trú ngụ tại thành Sāvatthi. Khi ấy vào buổi sáng, Tỳ-khuru-ni Uppalavaṇṇā đã mặc y, cầm y bát, rồi đi vào thành Sāvatthi để khát thực. Sau khi đã đi khát thực trong thành Sāvatthi, trong lúc đi khát thực trở về sau bữa ăn, Tỳ-khuru-ni Uppalavaṇṇā đã đi đến khu rừng Andha để nghỉ trưa. Sau khi đi sâu vào trong khu rừng Andha, Tỳ-khuru-ni Uppalavaṇṇā đã ngồi nghỉ trưa ở gốc cây nọ. Vào lúc bấy giờ, bọn trộm cướp khi hành sự được hoàn tất đã giết chết con bò cái, lấy phần thịt, rồi đi vào khu rừng Andha. Thủ lãnh bọn cướp đã nhìn thấy Tỳ-khuru-ni Uppalavaṇṇā đang ngồi nghỉ trưa ở tại gốc cây nọ, sau khi nhìn thấy [nghĩ rằng]: “Nếu lũ con trai và đàn em của ta nhìn thấy, chúng sẽ quấy rầy vị Tỳ-khuru-ni này” nên đã rẽ sang lối khác. Sau đó, vị thủ lãnh bọn cướp ấy đã lấy các miếng thịt ngon nhất ở phần thịt đã được nấu chín, dùng lá buộc thành gói, rồi treo lên ở thân cây không xa Tỳ-khuru-ni Uppalavaṇṇā, nói rằng: “Vị Sa-môn hoặc Bà-la-môn nào nhìn thấy thì hãy lấy đi vật thí này”, rồi đã bỏ đi. Trong khi thủ lãnh bọn cướp ấy đang nói lời nói này, Tỳ-khuru-ni Uppalavaṇṇā đã xuất khỏi thiền định và nghe được. Sau đó, Tỳ-khuru-ni Uppalavaṇṇā đã cầm lấy phần thịt ấy và đi về Ni viện. Sau đó, khi trải qua đêm ấy, Tỳ-khuru-ni Uppalavaṇṇā đã sửa soạn phần thịt ấy, buộc lại thành gói ở thượng y, rồi đã bay lên không trung và hiện ra ở Veluvana.

2. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn đã đi vào làng để khát thực. Đại đức Udāyi là vị ở lại canh giữ trú xá. Khi ấy, Tỳ-khuru-ni Uppalavaṇṇā đã đi đến gặp Đại đức Udāyi, sau khi đến đã nói với Đại đức Udāyi điều này:

- Thừa ngài, đức Thế Tôn ở đâu?
- Này Sur tỳ, đức Thế Tôn đã đi vào làng để khát thực.
- Thừa ngài, xin hãy dâng phần thịt này đến đức Thế Tôn.
- Này Sur tỳ, đức Thế Tôn được hài lòng về cô với phần thịt. Nếu cô có thể biếu tôi cái y nội thì tôi cũng có thể được hài lòng như vậy với cái y nội.
- Thừa ngài, quả thật chúng tôi thân phận là người nữ, có lợi lộc khó khăn. Và đây là cái y thứ năm, cuối cùng¹⁴ của tôi; tôi sẽ không cho.
- Này Sur tỳ, cũng giống như người đã cho con voi thì nên biếu luôn các sợi dây nài; này Sur tỳ, tương tự y như thế, cô đã dâng đức Thế Tôn phần thịt thì hãy biếu tôi cái y nội.

Khi ấy, Tỳ-khuru-ni Uppalavaṇṇā trong khi bị nài ép bởi Đại đức Udāyi nên đã cho cái y nội, rồi đi về Ni viện. Các Tỳ-khuru-ni trong lúc tiếp rước y bát của Tỳ-khuru-ni Uppalavaṇṇā đã nói với Tỳ-khuru-ni Uppalavaṇṇā điều này:

- Thừa Ni sư, y nội của cô đâu rồi?

Tỳ-khuru-ni Uppalavaṇṇā đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khuru-ni. Các Tỳ-khuru-ni phản nản, phê phán, chê bai rằng: “Vì sao ngài Đại đức Udāyi lại nhận lãnh y từ tay Tỳ-khuru-ni? Là người nữ, có lợi lộc thật khó khăn!” Sau đó, các Tỳ-khuru-ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khuru.

3. Các Tỳ-khuru nào ít ham muốn, các vị ấy phản nản, phê phán, chê bai rằng: “Vì sao Đại đức Udāyi lại nhận lãnh y của Tỳ-khuru-ni?” Sau đó, các vị Tỳ-khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Này Udāyi, nghe nói người nhận lãnh y của Tỳ-khuru-ni, có đúng không vậy?
- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.
- Này Udāyi, là nữ thân quyền của người hay không phải là nữ thân quyền?
- Bạch Thế Tôn, không phải là nữ thân quyền.
- Này kẻ rò đại, người nam không phải là thân quyền không biết điều gì thích hợp hay không thích hợp, điều gì đúng hay không đúng đối với người nữ không phải là thân quyền. Này kẻ rò đại, trong trường hợp ấy, sao người lại nhận lãnh y từ tay Tỳ-khuru-ni không phải là thân quyền? Này kẻ rò đại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị Tỳ-khuru nào nhận lãnh y từ tay Tỳ-khuru-ni không phải là thân quyền thì [y ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pācittiya.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khuru như thế.

[Sự quy định căn bản]

¹⁴ Ngoài ba y như các Tỳ-khuru là y hai lớp (*sanghātī*), thượng y (*uttarasagām*) và y nội (*antaravāsakam*), Tỳ-khuru-ni còn có thêm hai y nữa là áo lót (*saṃkaccikam*) và vải choàng tắm (*udakasāṭikam*). Xin xem *TTTĐPGVN*, tập 11, tr. 923; *TTPV*, tập 7, Cv. II, chương X, tr. 515.

4. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khuru trong lúc ngần ngại không nhận lãnh y trao đổi của các Tỳ-khuru-ni. Các Tỳ-khuru-ni phản nản, phê phán, chê bai rằng: “Vì sao các ngài Đại đức lại không nhận lãnh y trao đổi của chúng tôi?” Các Tỳ-khuru đã nghe được các Tỳ-khuru-ni ấy phản nản, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khuru rằng:

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép nhận lãnh vật trao đổi của năm hạng là Tỳ-khuru, Tỳ-khuru-ni, vị Ni tu tập sự, Sa-di, Sa-di-ni. Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép nhận lãnh vật trao đổi của năm hạng này. Và nay các Tỳ-khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị Tỳ-khuru nào nhận lãnh y từ tay Tỳ-khuru-ni không phải là thân quyền thì [y ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pācittiya, ngoại trừ sự trao đổi.”

[Sự quy định thứ hai]

5. Vị nào: Là bất cứ vị nào...(nt)...

Tỳ-khuru:...(nt)... Vị này là “vị Tỳ-khuru” được đề cập trong ý nghĩa này.

[Người nữ] không phải là thân quyền nghĩa là người nữ không có sự liên hệ họ hàng cho đến bảy thế hệ tổ tiên từ dòng bên mẹ hoặc từ dòng bên cha.

Tỳ-khuru-ni nghĩa là người nữ đã được tu lên bậc trên ở cả hai hội chúng.

Y nghĩa là bất cứ loại y nào thuộc về sáu loại y [có kích thước] tối thiểu cần phải chú nguyện để dùng chung.

Ngoại trừ sự trao đổi: Trừ ra sự trao đổi.

6. Vị nhận lãnh, trong lúc thực hiện thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do sự đạt được thì phạm vào tội *Nissaggiya*, [y ấy] cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và nay các Tỳ-khuru, nên được xả bỏ như vậy:...(nt)... “Bạch các ngài, y này của tôi đã được nhận lãnh từ tay của Tỳ-khuru-ni không phải là thân quyền, ngoại trừ sự trao đổi, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ y này đến hội chúng.”...(nt)... hội chúng nên cho lại...(nt)... chư Đại đức nên cho lại...(nt)... “Tôi cho lại Đại đức.”

7. Không phải là thân quyền, nhận biết không phải là thân quyền, vị nhận lãnh y từ tay thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*, ngoại trừ sự trao đổi. Không phải là thân quyền, có sự hoài nghi, vị nhận lãnh y từ tay thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*, ngoại trừ sự trao đổi. Không phải là thân quyền, [lầm] tưởng là thân quyền, vị nhận lãnh y từ tay thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*, ngoại trừ sự trao đổi. Vị nhận lãnh y từ tay của cô Ni tu lên bậc trên ở một hội chúng thì phạm tội *Dukkaṭa*, ngoại trừ sự trao đổi. Là thân quyền, [lầm] tưởng không phải là thân quyền,...(nt)... phạm tội *Dukkaṭa*. Là thân quyền, có sự hoài nghi,...(nt)... phạm tội *Dukkaṭa*. Là thân quyền, nhận biết là thân quyền,...(nt)... thì vô tội.

8. Của vị [Tỳ-khuru-ni] là thân quyến, sự trao đổi vật lớn bằng vật nhỏ hoặc là vật nhỏ bằng vật lớn, vị Tỳ-khuru lấy do sự thân thiết, lấy có tính cách tạm thời, lấy vật phụ tùng khác ngoại trừ y, của cô Ni tu tập sự, của Sa-di-ni, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều học về nhận lãnh y.

--oo0oo--

5.1.6. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC YÊU CẦU NGƯỜI KHÔNG PHẢI LÀ THÂN QUYẾN

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, là rành rẽ về thuyết giảng giáo pháp. Vào lúc bấy giờ, có người con trai nhà đại phú nọ đã đi đến gặp Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, sau khi đến đã đánh lễ Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, rồi ngồi xuống ở một bên. Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho người con trai nhà đại phú ấy đang ngồi một bên bằng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, người con trai nhà đại phú ấy đã nói với Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya điều này:

– Thưa ngài, xin ngài nói ra nhu cầu mà chúng tôi có khả năng để dâng đến ngài Đại đức, tức là vật dụng như y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và thuốc men chữa bệnh.

– Nay đạo hữu, nếu đạo hữu có ý định bố thí thì hãy dâng một trong hai¹⁵ tấm vải này.

2. – Thưa ngài, thật là kỳ cục cho các người con trai gia đình danh giá chúng tôi lại đi chỉ mặc một tấm vải! Thưa ngài, xin chờ đợi đến khi tôi đi về nhà, khi đã về nhà rồi, tôi sẽ gởi đến hoặc là một trong hai tấm vải này, hoặc là đẹp hơn hai tấm này.

Đến lần thứ nhì, ...(nt)... Đến lần thứ ba, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, đã nói với người con trai nhà đại phú ấy điều này:

– Nay đạo hữu, nếu người có ý định bố thí thì hãy dâng một trong hai tấm vải này.

– Thưa ngài, thật là kỳ cục cho các người con trai gia đình danh giá chúng tôi lại đi chỉ mặc một tấm vải! Thưa ngài, xin chờ đợi đến khi tôi đi về nhà, khi đã về nhà rồi, tôi sẽ gởi đến hoặc là một trong hai tấm vải này, hoặc là đẹp hơn hai tấm này.

¹⁵ *Ito*: Nghĩa là “từ đây”, ám chỉ vải đang được mặc trên người ấy. Theo câu chuyện, được biết người ấy đang mặc hai tấm vải nên ghi lại như trên (ND).

– Nay đạo hữu, người nói lời thỉnh cầu mà không chịu bố thí, việc gì khiến người không có ý định bố thí lại nói lời thỉnh cầu vậy?

Khi ấy, người con trai nhà đại phú ấy trong lúc bị nài ép bởi Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, nên đã cho một tấm vải rồi đi. Dân chúng sau khi nhìn thấy người con trai nhà đại phú ấy đã nói điều này:

– Nay công tử, sao ngài lại đi đến chỉ mặc một tấm vải?

3. Khi ấy, người con trai nhà đại phú ấy đã kể lại sự việc ấy cho những người ấy. Những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Các Sa-môn Thích tử này thật ham muốn quá độ, không tự biết đủ. Không dễ gì mà thực hiện sự thỉnh cầu đúng pháp đối với những người này! Tại sao trong lúc được người con trai nhà đại phú thực hiện sự thỉnh cầu đúng pháp, các vị ấy lại lấy đi tấm vải choàng?” Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vì sao Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, lại yêu cầu người con trai nhà đại phú về y?” Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay Upananda, nghe nói người yêu cầu người con trai nhà đại phú về y, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

– Nay Upananda, là thân quyến của người hay không phải là thân quyến?

– Bạch Thế Tôn, không phải là thân quyến.

– Nay kẻ rò dại, người không phải là thân quyến không biết điều gì thích hợp hay không thích hợp, điều gì đúng hay không đúng đối với người không phải là thân quyến. Nay kẻ rò dại, trong trường hợp ấy, sao người lại yêu cầu người con trai nhà đại phú về y? Nay kẻ rò dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và nay các Tỳ-khưu, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị Tỳ-khưu nào yêu cầu nam gia chủ hoặc nữ gia chủ không phải là thân quyến về y thì [y ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pācittiya.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

[Sự quy định căn bản]

4. Vào lúc bấy giờ, nhiều vị Tỳ-khưu đi đường xa từ Sāketa đến Sāvattthi. Giữa đường, bọn cướp đã xuất hiện và đã cướp bóc các vị Tỳ-khưu ấy. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy [nghĩ rằng]: “Đức Thế Tôn đã cấm yêu cầu nam gia chủ hoặc nữ gia chủ không phải là thân quyến về y”, trong lúc ngần ngại đã không yêu cầu, rồi lỏa thể như thế đi đến thành Sāvattthi và đánh lễ các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã nói như vậy:

– Nay các Đại đức, các đạo sĩ lửa thể này tốt thật, những người này đánh lễ các Tỳ-khuru.

Các vị ấy đã nói như vậy:

– Nay các Đại đức, chúng tôi không phải là đạo sĩ lửa thể, chúng tôi là Tỳ-khuru.

Các Tỳ-khuru đã nói với Đại đức Upāli điều này:

– Nay Đại đức Upāli, hãy xét hỏi những người này đi.

Trong lúc được xét hỏi bởi Đại đức Upāli, các vị ấy đã kể lại sự việc ấy.

5. Khi ấy, Đại đức Upāli sau khi xét hỏi các Tỳ-khuru ấy đã nói với các Tỳ-khuru điều này:

– Nay các Đại đức, những vị này là những vị Tỳ-khuru, hãy cho y đến những vị ấy.

Các Tỳ-khuru nào ít ham muốn, các vị ấy phản nản, phê phán, chê bai rằng: “Vi sao các Tỳ-khuru lại lửa thể mà đi đến? Sao không dùng cỏ che kín lại, rồi mới nên đi đến?” Sau đó, các vị Tỳ-khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

6. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khuru rằng:

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép vị có y bị cướp đoạt hoặc vị có y bị hư hỏng, được yêu cầu nam gia chủ hoặc nữ gia chủ không phải là thân quyến về y. [Ta cho phép] khi đi đến trú xứ đầu tiên, nếu nơi ấy hội chúng có y thuộc về trú xá, hoặc vải lót giường, hoặc vải trải nền, hoặc bao nệm, thì được lấy vật ấy và choàng lên [nghĩ rằng]: “Khi nhận được y, ta sẽ gởi lại.” Nếu hội chúng không có y thuộc về trú xá, hoặc vải lót giường, hoặc vải trải nền, hoặc bao nệm, thì nên dùng cỏ hoặc lá che kín lại, rồi mới nên đi đến; nhưng không nên lửa thể mà đi đến, vị nào đi đến thì phạm tội *Dukkaṭa*. Và nay các Tỳ-khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị Tỳ-khuru nào yêu cầu nam gia chủ hoặc nữ gia chủ không phải là thân quyến về y thì [y ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pācittiya, ngoại trừ có duyên có. Duyên có trong trường hợp này là vị Tỳ-khuru có y bị cướp đoạt hoặc là có y bị hư hỏng. Đây là duyên có trong trường hợp này.”

[Sự quy định lần hai]

7. **Vị nào:** Là bất cứ vị nào...(nt).

Tỳ-khuru:...(nt)... Vị này là vị Tỳ-khuru được đề cập trong ý nghĩa này.

Không phải là thân quyến nghĩa là người không có sự liên hệ họ hàng cho đến bảy thế hệ tổ tiên từ dòng bên mẹ hoặc từ dòng bên cha.

Nam gia chủ nghĩa là bất cứ người nam nào sống trong căn nhà.

Nữ gia chủ nghĩa là bất cứ người nữ nào sống trong căn nhà.

Y nghĩa là bất cứ loại y nào thuộc về sáu loại y [có kích thước] tối thiểu cần phải chú nguyện để dùng chung.

Ngoại trừ có duyên có: Trừ ra có duyên có.

Y bị cướp đoạt nghĩa là y của vị Tỳ-khuru bị các vị vua, hoặc những kẻ trộm, hoặc những kẻ vô lại cướp đoạt, hoặc bị bất cứ những ai cướp đoạt.

Y bị hư hỏng nghĩa là y của vị Tỳ-khuru bị lửa đốt cháy, hoặc bị nước cuốn trôi, hoặc bị các con chuột hoặc các con mối gặm nhấm, hoặc là cũ kỹ vì sử dụng. Vị yêu cầu, trong lúc thực hiện thì phạm tội *Dukkata*, ngoại trừ có duyên có. Do sự đạt được thì phạm vào *Nissaggiya*, [y ấy] cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và này các Tỳ-khuru, nên được xả bỏ như vậy ...(nt)... “Bạch các ngài, y này của tôi đã được yêu cầu từ gia chủ không phải là thân quyền, ngoại trừ có duyên có, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ y này đến hội chúng.” ...(nt)... hội chúng nên cho lại ...(nt)... chư Đại đức nên cho lại ...(nt)... “Tôi cho lại Đại đức.”

8. Không phải là thân quyền, nhận biết không phải là thân quyền, vị yêu cầu y thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*, ngoại trừ có duyên có. Không phải là thân quyền, có sự hoài nghi, vị yêu cầu y thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*, ngoại trừ có duyên có. Không phải là thân quyền, [lầm] tưởng là thân quyền, vị yêu cầu y thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*, ngoại trừ có duyên có. Là thân quyền, [lầm] tưởng không phải là thân quyền thì phạm tội *Dukkata*. Là thân quyền, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkata*. Là thân quyền, nhận biết là thân quyền thì vô tội.

9. Khi có duyên có, của các thân quyền, của những người nói lời thỉnh cầu, vì nhu cầu của vị khác, bằng vật sở hữu của bản thân, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều học về việc yêu cầu người không phải là thân quyền.

--oo0oo--

5.1.7. ĐIỀU HỌC VỀ VƯỢT QUÁ SỐ Y ẤY

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khuru nhóm Lục Sư sau khi đi đến gặp các Tỳ-khuru là những vị có y bị cướp đoạt rồi nói như vậy:

– Này các Đại đức, đức Thế Tôn đã cho phép vị có y bị cướp đoạt, hoặc là vị có y bị hư hỏng được yêu cầu nam gia chủ hoặc nữ gia chủ không phải là thân quyền về y. Này các Đại đức, vậy chúng ta hãy yêu cầu về y.

– Này các Đại đức, thôi đi. Chúng tôi đã nhận được y rồi.

– Này các Đại đức, chúng tôi yêu cầu vì nhu cầu của các Đại đức.

– Này các Đại đức, các vị hãy yêu cầu.

Sau đó, các Tỳ-khuru nhóm Lục Sư đã đi đến các gia chủ không phải là thân quyến và đã nói điều này:

– Nay các đạo hữu, các vị Tỳ-khuru mới đi đến là những vị có y bị cướp đoạt, hãy dâng y cho các vị ấy, rồi đã yêu cầu nhiều y.

2. Vào lúc bấy giờ, có người đàn ông nọ đang ngồi ở nơi hội họp đã nói với người đàn ông khác điều này:

– Quý ông, các vị Tỳ-khuru mới đi đến là những vị có y bị cướp đoạt, tôi đã dâng y cho các vị ấy.

Vị kia cũng đã nói như vậy:

– Tôi cũng đã dâng rồi.

Một người khác cũng đã nói như vậy:

– Tôi cũng đã dâng rồi.

Những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Tại sao các Sa-môn Thích tử lại không biết sự chùng mực và yêu cầu nhiều y? Các Sa-môn Thích tử sẽ làm việc buôn bán vải hay sẽ lập nên gian hàng?” Các Tỳ-khuru đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khuru nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vì sao các Tỳ-khuru nhóm Lục Sư lại không biết sự chùng mực và yêu cầu nhiều y?” Sau đó, các vị Tỳ-khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

3. – Nay các Tỳ-khuru, nghe nói các người không biết sự chùng mực và yêu cầu nhiều y, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Nay những kẻ rồ dại, vì sao các người lại không biết sự chùng mực và yêu cầu nhiều y vậy? Nay những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và nay các Tỳ-khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Nếu vị ấy được nam gia chủ hoặc nữ gia chủ không phải là thân quyến thỉnh cầu để đem lại với nhiều y, vị Tỳ-khuru ấy nên chấp nhận y trong số ấy với mức tối đa là y nội và thượng y, nếu chấp nhận vượt quá số ấy thì [y ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pācittiya.”

4. Nếu vị ấy: Là vị Tỳ-khuru có y bị đánh cướp.

Không phải là thân quyến nghĩa là người không có sự liên hệ họ hàng cho đến bảy thế hệ tổ tiên từ dòng bên mẹ hoặc từ dòng bên cha.

Nam gia chủ nghĩa là bất cứ người nam nào sống trong căn nhà.

Nữ gia chủ nghĩa là bất cứ người nữ nào sống trong căn nhà.

Với nhiều y: Với các y có số lượng nhiều.

Thỉnh cầu để đem lại: Là [nói rằng]: “Ngài thích bao nhiêu, xin nhận lấy bấy nhiêu.”

Vị Tỳ-khưu ấy nên chấp nhận y trong số ấy với mức tối đa là y nội và thượng y: Nếu ba [y] bị hư hỏng thì nên chấp nhận hai [y], hai [y] bị hư hỏng thì nên chấp nhận một [y], một [y] bị hư hỏng thì không nên chấp nhận.

Nếu chấp nhận vượt quá số ấy: Vị yêu cầu vượt quá số ấy, trong lúc thực hiện thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do sự đạt được thì phạm vào *Nissaggiya*, [y ấy] cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vậy: ...(nt)... “Bạch các ngài, y này của tôi đã được yêu cầu vượt quá số ấy từ gia chủ không phải là thân quyến, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ y này đến hội chúng.” ...(nt)... hội chúng nên cho lại ...(nt)... chư Đại đức nên cho lại ...(nt)... “Tôi cho lại Đại đức.”

5. Không phải là thân quyến, nhận biết không phải là thân quyến, vị yêu cầu y vượt quá số ấy thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Không phải là thân quyến, có sự hoài nghi, ...(nt)... Không phải là thân quyến, [lầm] tưởng là thân quyến, vị yêu cầu y vượt quá số ấy thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Là thân quyến, [lầm] tưởng không phải là thân quyến thì phạm tội *Dukkaṭa*. Là thân quyến, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Là thân quyến, nhận biết là thân quyến thì vô tội.

6. Trong khi mang đi [nói rằng]: “Tôi sẽ mang lại phần còn thừa”, [các thí chủ] dâng cho [nói rằng]: “Phần còn lại là của chính ngài”, [các thí chủ] dâng không vì nguyên nhân [y] bị cướp đoạt, [các thí chủ] dâng không vì nguyên nhân [y] bị hư hỏng, của các thân quyến, của những người đã nói lời thỉnh cầu, bằng vật sở hữu của bản thân, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều học về vượt quá số y ấy.

--oo0oo--

5.1.8. ĐIỀU HỌC THỨ NHẤT VỀ [SỐ TIỀN] ĐÃ ĐƯỢC CHUẨN BỊ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, có người đàn ông nọ đã nói với người vợ điều này:

– Tôi sẽ dâng y đến ngài Đại đức Upananda.

Khi người đàn ông ấy đang nói lời này, có vị Tỳ-khưu nọ là vị hành pháp khát thực đã nghe được. Sau đó, vị Tỳ-khưu ấy đã đi đến gặp Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, sau khi đến đã nói với Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya điều này:

– Này Đại đức Upananda, ngài có phước báu lớn lao. Ở chỗ kia, có người đàn ông nọ đã nói với người vợ điều này: “Tôi sẽ dâng y đến ngài Đại đức Upananda.”

– Này Đại đức, người ấy là người hộ độ cho tôi.

Sau đó, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, đã đi đến gặp người đàn ông ấy, sau khi đến đã nói với người đàn ông ấy điều này:

– Nay đạo hữu, nghe nói đạo hữu có ý định dâng y đến tôi, có đúng không vậy?
– Thưa ngài, tôi cũng có khởi ý như vậy: “Tôi sẽ dâng y đến ngài Đại đức Upananda.”

– Nay đạo hữu, nếu quả thật đạo hữu có ý định dâng y đến tôi thì hãy dâng y có hình thức như vậy. Tôi được dâng y mà tôi sẽ không sử dụng thì tôi sẽ làm gì với y ấy?

2. Sau đó, người đàn ông ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Các Sa-môn Thích tử này thật ham muốn quá độ, không tự biết đủ. Không dễ gì mà dâng y cho những người này! Vì sao ngài Đại đức Upananda khi chưa được tôi thỉnh cầu trước, lại đi đến và đưa ra sự cản dận về y?” Các Tỳ-khưu đã nghe được người đàn ông ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vì sao Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, khi chưa được thỉnh cầu trước, lại đi đến gặp gia chủ và đưa ra sự cản dận về y?” Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay Upananda, nghe nói người khi chưa được thỉnh cầu trước, lại đi đến gặp gia chủ và đưa ra sự cản dận về y, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

– Nay Upananda, là thân quyến của người hay không phải là thân quyến?

– Bạch Thế Tôn, không phải là thân quyến.

– Nay kẻ rò dại, người không phải là thân quyến không biết điều gì thích hợp hay không thích hợp, điều gì đúng hay không đúng đối với người không phải là thân quyến. Nay kẻ rò dại, trong trường hợp ấy, sao người khi chưa được thỉnh cầu trước, lại đi đến gặp gia chủ và đưa ra sự cản dận về y? Nay kẻ rò dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)..... Và nay các Tỳ-khưu, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Trường hợp có số tiền mua y của nam gia chủ hoặc nữ gia chủ không phải là thân quyến đã được chuẩn bị dành riêng cho vị Tỳ-khưu: ‘Với số tiền mua y này, sau khi mua y, tôi sẽ dâng y đến vị Tỳ-khưu tên [như vậy].’ Trong trường hợp ấy, nếu vị Tỳ-khưu ấy khi chưa được thỉnh cầu trước, lại đi đến và đưa ra sự cản dận về y: ‘Quả thật là tốt, với số tiền mua y này, ông hãy mua y có hình thức như vậy và như vậy rồi dâng cho tôi’; vì sự mong muốn y tốt đẹp, [y ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pācittiya.”

3. **Dành riêng cho vị Tỳ-khưu:** Vì nhu cầu của vị Tỳ-khưu, sau khi nghĩ đến vị Tỳ-khưu, rồi có ý định dâng vị Tỳ-khưu.

Không phải là thân quyến nghĩa là người không có sự liên hệ họ hàng cho đến bảy thế hệ tổ tiên từ dòng bên mẹ hoặc từ dòng bên cha.

Nam gia chủ nghĩa là bất cứ người nam nào sống trong căn nhà.

Nữ gia chủ nghĩa là bất cứ người nữ nào sống trong căn nhà.

Số tiền mua y nghĩa là vàng, hoặc là tiền vàng, hoặc là ngọc trai, hoặc là ngọc ma-ni, hoặc là đá quý, hoặc là pha lê, hoặc là vải vóc, hoặc là chỉ sợi, hoặc là bông vải.

Với số tiền mua y này: Với [số tiền] đã được sẵn sàng.

Sau khi mua y: Sau khi trao đổi.

Tôi sẽ dâng: Tôi sẽ cho.

Trong trường hợp ấy, nếu vị Tỳ-khuru ấy: Vị Tỳ-khuru ấy là vị Tỳ-khuru mà số tiền mua y đã được chuẩn bị dành riêng cho.

Chưa được thỉnh cầu trước: Chưa được nói trước rằng: “Thưa ngài, ngài có nhu cầu với loại y như thế nào? Tôi sẽ mua y như thế nào cho ngài?”

Lại đi đến: Sau khi đi đến nhà, sau khi đi đến gặp ở bất cứ nơi nào.

Đưa ra sự căn dặn về y: [Y] hãy dài, hoặc rộng, hoặc chắc, hoặc mịn màng.

Với số tiền mua y này: Với [số tiền] đã được sẵn sàng.

Có hình thức như vậy và như vậy: Là dài, hoặc rộng, hoặc chắc, hoặc mịn màng.

Sau khi mua: Sau khi trao đổi.

[Đạo hữu] hãy dâng cho: Hãy trao cho.

Vì sự mong muốn y tốt đẹp: Có ao ước vật tốt, có ao ước vật giá cao.

4. [Gia chủ] mua [y] dài, hoặc rộng, hoặc chắc, hoặc mịn màng theo lời nói của vị ấy. Trong lúc thực hiện thì [vị ấy] phạm tội *Dukkata*. Do sự đạt được thì phạm vào tội *Nissaggiya*, [y ấy] cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và này các Tỳ-khuru, nên được xả bỏ như vậy: ...(nt)... “Bạch các ngài, y này của tôi khi chưa được thỉnh cầu trước, lại đi đến gia chủ không phải là thân quyến và đã đưa ra sự căn dặn về y, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ y này đến hội chúng.” ...(nt)... hội chúng nên cho lại ...(nt)... chư Đại đức nên cho lại ...(nt)... “Tôi cho lại Đại đức.”

5. Không phải là thân quyến, nhận biết không phải là thân quyến, khi chưa được thỉnh cầu trước, lại đi đến gia chủ và đưa ra sự căn dặn về y thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Không phải là thân quyến, có sự hoài nghi, ...(nt)... Không phải là thân quyến, [làm] tưởng là thân quyến, khi chưa được thỉnh cầu trước, lại đi đến gia chủ và đưa ra sự căn dặn về y thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Là thân quyến, [làm] tưởng không phải là thân quyến thì phạm tội *Dukkata*. Là thân quyến, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkata*. Là thân quyến, nhận biết là thân quyến thì vô tội.

6. Của các thân quyền, của những người đã nói lời thỉnh cầu, vì nhu cầu của vị khác, bằng vật sở hữu của bản thân, vị bảo mua [y] giá thấp đối với người có ý định mua [y] giá cao, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều học thứ nhất về [số tiền] đã được chuẩn bị.

--oo0oo--

5.1.9. ĐIỀU HỌC THỨ NHÌ VỀ [SỐ TIỀN] ĐÃ ĐƯỢC CHUẨN BỊ

1. Lúc bảy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, có người đàn ông nọ đã nói với người đàn ông khác điều này:

– Tôi sẽ dâng y đến ngài Đại đức Upananda.

Người kia cũng đã nói như vậy:

– Tôi cũng sẽ dâng y đến ngài Đại đức Upananda.

Có vị Tỷ-khưu nọ là vị hành pháp khát thực đã nghe được cuộc nói chuyện này của những người đàn ông ấy. Sau đó, vị Tỷ-khưu ấy đã đi đến gặp Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, sau khi đến đã nói với Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya điều này:

– Này Đại đức Upananda, ngài có phước báu lớn lao. Ở chỗ kia, có người đàn ông nọ đã nói với người đàn ông khác điều này: “Tôi sẽ dâng y đến ngài Đại đức Upananda.” Người kia cũng đã nói như vậy: “Tôi cũng sẽ dâng y đến ngài Đại đức Upananda.”

– Này Đại đức, họ là những người hộ độ cho tôi.

2. Sau đó, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, đã đi đến gặp những người đàn ông ấy, sau khi đến đã nói với những người đàn ông ấy điều này:

– Này các đạo hữu, nghe nói các đạo hữu có ý định dâng các y đến tôi, có đúng không vậy?

– Thưa ngài, chúng tôi cũng có khởi ý như vậy: “Chúng tôi sẽ dâng các y đến ngài Đại đức Upananda.”

– Này các đạo hữu, nếu quả thật các đạo hữu có ý định dâng các y đến tôi thì nên dâng y có hình thức như vậy. Tôi được dâng những y mà tôi sẽ không sử dụng thì tôi sẽ làm gì với các y ấy?

3. Khi ấy, những người đàn ông ấy phản nản, phê phán, chê bai rằng: “Các Sa-môn Thích tử này thật ham muốn quá độ, không tự biết đủ. Không dễ gì mà dâng các y cho những người này! Tại sao ngài Đại đức Upananda khi chưa được chúng tôi thỉnh cầu trước, lại đi đến và đưa ra sự cản dận về y?” Các Tỷ-khưu đã nghe được những người đàn ông ấy phản nản, phê phán, chê bai. Các Tỷ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phản nản, phê phán, chê bai rằng: “Vì sao Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, khi chưa được thỉnh cầu trước, lại đi đến gặp các gia chủ và đưa ra sự cản dận về y?”

4. Sau đó, các vị Tỳ-khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này Upananda, nghe nói người khi chưa được thỉnh cầu trước, lại đi đến gặp các gia chủ và đưa ra sự căn dặn về y, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

– Này Upananda, là các thân quyến của người hay không phải là các thân quyến?

– Bạch Thế Tôn, không phải là các thân quyến.

– Này kẻ rò dại, người không phải là thân quyến không biết điều gì thích hợp hay không thích hợp, điều gì đúng hay không đúng đối với những người không phải là thân quyến. Này kẻ rò dại, trong trường hợp ấy, sao người khi chưa được thỉnh cầu trước, lại đi đến gặp các gia chủ và đưa ra sự căn dặn về y vậy? Này kẻ rò dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Trường hợp có các số tiền mua y khác nhau của hai nam gia chủ hoặc [của hai] nữ gia chủ không phải là các thân quyến đã được chuẩn bị dành riêng cho vị Tỳ-khuru: ‘Với các số tiền mua y khác nhau này, sau khi mua các y khác nhau, chúng tôi sẽ dâng các y đến vị Tỳ-khuru tên [như vậy].’ Trong trường hợp ấy, nếu vị Tỳ-khuru ấy khi chưa được thỉnh cầu trước, lại đi đến và đưa ra sự căn dặn về y: ‘Quả thật là tốt, với các số tiền mua y này, quý ông hãy mua y có hình thức như vậy và như vậy, rồi hãy dâng cho tôi, cả hai là với một [y]’; vì sự mong muốn y tốt đẹp, [y ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pācittiya.”

5. Dành riêng cho vị Tỳ-khuru: Vì nhu cầu của vị Tỳ-khuru, sau khi nghĩ đến vị Tỳ-khuru, rồi có ý định dâng vị Tỳ-khuru.

Của hai: Của cả hai.

Không phải là các thân quyến nghĩa là những người không có sự liên hệ họ hàng cho đến bảy thế hệ tổ tiên từ dòng bên mẹ hoặc từ dòng bên cha.

[Các] nam gia chủ nghĩa là bất cứ những người nam nào sống trong căn nhà.

[Các] nữ gia chủ nghĩa là bất cứ những người nữ nào sống trong căn nhà.

Các số tiền mua y nghĩa là nhiều vàng, hoặc là các tiền vàng, hoặc là các ngọc ma-ni, hoặc là các ngọc trai, hoặc là các đá quý, hoặc là các pha lê, hoặc là nhiều vải vóc, hoặc là nhiều chỉ sợi, hoặc là nhiều bông vải.

Với các số tiền mua y này: Với [các số tiền] đã được sẵn sàng.

Sau khi mua y: Sau khi trao đổi.

Chúng tôi sẽ dâng: Chúng tôi sẽ cho.

Trong trường hợp ấy, nếu vị Tỳ-khuru ấy: Vị Tỳ-khuru ấy là vị Tỳ-khuru mà các số tiền mua y đã được chuẩn bị dành riêng cho.

Chưa được thỉnh cầu trước: Chưa được nói trước rằng: “Thưa ngài, ngài có nhu cầu với loại y như thế nào? Chúng tôi sẽ mua y như thế nào cho ngài?”

Lại đi đến: Sau khi đi đến nhà, sau khi đi đến gặp ở bất cứ nơi nào.

Đưa ra sự căn dặn về y: [Y] hãy dài, hoặc rộng, hoặc chắc, hoặc mịn màng.

Với các số tiền mua y này: Với [các số tiền] đã được sẵn sàng.

Có hình thức như vậy và như vậy: Là dài, hoặc rộng, hoặc chắc, hoặc mịn màng.

Sau khi mua: Sau khi trao đổi.

[Quý ông] hãy dâng đến: [Quý ông] hãy trao cho.

Cả hai là với một [y]: Luôn cả hai người là với một [y].

Vì sự mong muốn y tốt đẹp: Có ao ước vật tốt, có ao ước vật giá cao.

6. Họ mua [y] dài, hoặc rộng, hoặc chắc, hoặc mịn màng theo lời nói của vị ấy. Trong lúc thực hiện thì [vị ấy] phạm tội *Dukkaṭa*. Do sự đạt được thì phạm vào tội *Nissaggiya*, [y ấy] cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và này các Tỷ-khưu, nên được xả bỏ như vậy: ...(nt)... “Bạch các ngài, y này của tôi khi chưa được thỉnh cầu trước, lại đi đến các gia chủ không phải là các thân quyến và đã đưa ra sự căn dặn về y, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ y này đến hội chúng.” ...(nt)... hội chúng nên cho lại ...(nt)... chư Đại đức nên cho lại ...(nt)... “Tôi cho lại Đại đức.”

7. Không phải là thân quyến, nhận biết không phải là thân quyến, khi chưa được thỉnh cầu trước, lại đi đến các gia chủ và đưa ra sự căn dặn về y thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Không phải là thân quyến, có sự hoài nghi, ...(nt)... Không phải là thân quyến, [làm] tưởng là thân quyến, khi chưa được thỉnh cầu trước, lại đi đến các gia chủ và đưa ra sự căn dặn về y thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Là thân quyến, [làm] tưởng không phải là thân quyến thì phạm tội *Dukkaṭa*. Là thân quyến, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Là thân quyến, nhận biết là thân quyến thì vô tội.

8. Của các thân quyến, của những người đã nói lời thỉnh cầu, vì nhu cầu của vị khác, bằng vật sở hữu của bản thân, vị bảo mua [y] giá thấp đối với những người có ý định mua [y] giá cao, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều học thứ nhì về [số tiền] đã được chuẩn bị.

--oo0oo--

5.1.10. ĐIỀU HỌC VỀ ĐỨC VUA

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, có vị quan đại thần, là người hộ độ cho Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, đã phái sứ giả đem tiền mua y đến Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, [bảo rằng]: “Hãy mua y với số tiền mua y này, rồi dâng y đến ngài Đại đức Upananda.” Sau đó, người sứ giả ấy đã

đi đến Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, sau khi đến đã nói với Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya điều này:

– Thưa ngài, số tiền mua y này được dành riêng cho Đại đức đã được mang lại. Xin Đại đức hãy nhận lãnh tiền mua y.

Khi được nói như thế, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, đã nói với người sứ giả ấy điều này:

– Nay đạo hữu, chúng tôi không nhận lãnh tiền mua y và chúng tôi chỉ nhận lãnh y đúng phép vào lúc hợp thời.

Khi được nói như thế, người sứ giả ấy đã nói với Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya điều này:

– Vậy có ai là người phục vụ cho Đại đức không?

Vào lúc bấy giờ, có nam cư sĩ nọ đã đi đến tu viện do công việc cần làm nào đó. Khi ấy, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, đã nói với người sứ giả ấy điều này:

– Nay đạo hữu, chính nam cư sĩ này là người phục vụ cho các Tỳ-khưu.

Sau đó, khi đã dặn dò nam cư sĩ ấy, người sứ giả ấy đã đi đến gặp Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, sau khi đến đã nói với Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya điều này:

– Thưa ngài, người phục vụ mà Đại đức chỉ ra đã được tôi dặn dò. Đại đức hãy đi đến lúc đúng thời, người ấy sẽ dâng y cho ngài.

2. Vào lúc bấy giờ, vị quan đại thần ấy đã phái sứ giả đi đến gặp Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya [nhắc rằng]: “Thưa ngài, xin hãy sử dụng y ấy. Chúng tôi muốn y ấy được ngài Đại đức sử dụng.” Khi ấy, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, đã không nói với nam cư sĩ ấy điều gì cả. Đến lần thứ nhì, vị quan đại thần ấy đã phái sứ giả đi đến gặp Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya [nhắc rằng]: “Thưa ngài, xin hãy sử dụng y ấy. Chúng tôi muốn y ấy được ngài Đại đức sử dụng.” Đến lần thứ nhì, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, đã không nói với nam cư sĩ ấy điều gì cả. Đến lần thứ ba, vị quan đại thần ấy đã phái sứ giả đi đến gặp Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya [nhắc rằng]: “Thưa ngài, xin hãy sử dụng y ấy. Chúng tôi muốn y ấy được ngài Đại đức sử dụng.”

3. Vào lúc bấy giờ là ngày hội họp của thị trấn. Và thị trấn đã thực hiện quy định là: “Ai đi đến trễ bị phạt năm mươi tiền.” Khi ấy, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, đã đi đến gặp nam cư sĩ ấy, sau khi đến đã nói với nam cư sĩ ấy điều này:

– Nay đạo hữu, tôi có nhu cầu về y.

– Thưa ngài, xin hãy chờ cho ngày hôm nay. Hôm nay là ngày hội họp của thị trấn. Và thị trấn đã thực hiện quy định là: “Ai đi đến trễ bị phạt năm mươi tiền.”

– Nay đạo hữu, hãy dâng y cho tôi ngay hôm nay. Rồi đã nắm lấy dây thắt lưng [của người ấy].

Khi ấy, nam cư sĩ ấy trong lúc bị Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, ép buộc nên đã mua y cho Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, và đã đi đến trễ. Dân chúng đã nói với nam cư sĩ ấy điều này:

– Nay ông, vì sao ông lại đi đến trễ? Ông đã bị mất năm mươi tiền.

4. Khi ấy, nam cư sĩ ấy đã kể lại sự việc ấy cho những người ấy. Những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Các Sa-môn Thích tử này thật ham muốn quá độ, không tự biết đủ. Không dễ gì mà phục vụ cho những người này! Vì sao Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, khi được nam cư sĩ nói rằng: ‘Thưa ngài, xin hãy chờ cho ngày hôm nay’ lại không chờ đợi?” Các Tỷ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỷ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vì sao Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, khi được nam cư sĩ nói rằng: ‘Thưa ngài, xin hãy chờ cho ngày hôm nay’ lại không chờ đợi?” Sau đó, các vị Tỷ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay Upananda, nghe nói người khi được nam cư sĩ nói rằng: “Thưa ngài, xin hãy chờ cho ngày hôm nay” lại không chờ đợi, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Nay kẻ rò dại, vì sao người khi được nam cư sĩ nói rằng: “Thưa ngài, xin hãy chờ cho ngày hôm nay” lại không chờ đợi? Nay kẻ rò dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và nay các Tỷ-khưu, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Trường hợp đức vua, hoặc quan triều đình, hoặc Bà-la-môn, hoặc gia chủ phái sứ giả đem số tiền mua y dành riêng cho vị Tỷ-khưu [nói rằng]: ‘Hãy mua y với số tiền mua y này, rồi hãy dâng đến vị Tỷ-khưu tên [như vậy].’ Nếu người sứ giả ấy đi đến gặp vị Tỷ-khưu ấy và nói như vậy: ‘Thưa ngài, số tiền mua y này được dành riêng cho Đại đức đã được mang lại. Xin Đại đức hãy nhận lãnh tiền mua y.’ Người sứ giả ấy nên được vị Tỷ-khưu ấy nói như vậy: ‘Này đạo hữu, chúng tôi không nhận lãnh tiền mua y và chúng tôi chỉ nhận lãnh y đúng phép vào lúc hợp thời.’ Nếu người sứ giả ấy nói với vị Tỷ-khưu ấy như vậy: ‘Vậy có ai là người phục vụ cho Đại đức không?’ Nay các Tỷ-khưu, vị Tỷ-khưu có sự cần dùng y nên chỉ ra người phục vụ là người phụ việc chùa hoặc là nam cư sĩ: ‘Này đạo hữu, đây chính là người phục vụ cho các Tỷ-khưu.’ Nếu người sứ giả ấy sau khi đã dặn dò người phục vụ ấy rồi đã đi đến gặp vị Tỷ-khưu ấy nói như vậy: ‘Thưa ngài, người phục vụ mà Đại đức đã chỉ ra đã được tôi dặn dò. Đại đức hãy đi đến lúc đúng thời, người ấy sẽ dâng y cho ngài.’ Nay các Tỷ-khưu, vị Tỷ-khưu có sự cần dùng y sau khi đi đến gặp người phục vụ ấy, rồi nên thông báo, nên nhắc nhở hai hoặc ba lần: ‘Này đạo hữu, tôi có nhu cầu về y.’

Trong khi thông báo, nhắc nhở hai hoặc ba lần, nếu đạt được y ấy, như thế việc này là tốt đẹp; nếu không đạt được thì nên đứng với trạng thái im lặng bốn

lần, năm lần, tối đa là sáu lần. Trong khi đứng với trạng thái im lặng bốn lần, năm lần, tối đa là sáu lần, nếu đạt được y ấy, như thế việc này là tốt đẹp; nếu không đạt được, rồi ra sức vượt quá số lần ấy và đạt được y ấy thì [y ấy] phạm vào tội Nissaggiya và [vị ấy] phạm tội Pācittiya. Nếu không đạt được thì tiền mua y đã được mang lại là của nơi nào thì nên đích thân đi đến nơi ấy, hoặc nên phái sứ giả đi đến [nói rằng]: ‘Này quý vị, các người đã gởi đến số tiền mua y dành riêng cho vị Tỳ-khuru nào, số tiền ấy không có được chút gì lợi ích cho vị Tỳ-khuru ấy. Quý vị hãy thu hồi lại vật của mình, chớ để vật của quý vị bị mất mát.’ Đây là điều đúng đắn trong trường hợp ấy.”

5. Dành riêng cho vị Tỳ-khuru: Vì nhu cầu của vị Tỳ-khuru, sau khi nghĩ đến vị Tỳ-khuru, rồi có ý định dâng vị Tỳ-khuru.

Đức vua nghĩa là người nào cai trị vương quốc.

Quan triều đình nghĩa là người nào nhận lãnh bữa ăn và tiền lương của đức vua.

Bà-la-môn nghĩa là Bà-la-môn do sự sanh ra.

Gia chủ nghĩa là trừ ra các vị vua, các quan triều đình, các Bà-la-môn; những người còn lại gọi là gia chủ.

Số tiền mua y nghĩa là vàng, hoặc là tiền vàng, hoặc là ngọc trai, hoặc ngọc là ma-ni.

Với số tiền mua y này: Với [số tiền] đã được sẵn sàng.

Sau khi mua y: Sau khi trao đổi.

Hãy dâng đến: Hãy trao cho.

Nếu người sứ giả ấy đi đến gặp vị Tỳ-khuru ấy và nói như vậy: “Thưa ngài, số tiền mua y này được dành riêng cho Đại đức đã được mang lại. Xin Đại đức hãy nhận lãnh tiền mua y.” Người sứ giả ấy nên được vị Tỳ-khuru ấy nói như vậy: “Này đạo hữu, chúng tôi không nhận lãnh tiền mua y và chúng tôi chỉ nhận lãnh y đúng phép vào lúc hợp thời.” Nếu người sứ giả ấy nói với vị Tỳ-khuru ấy như vậy: “Vậy có ai là người phục vụ cho Đại đức không?” Này các Tỳ-khuru, vị Tỳ-khuru có sự cần dùng y nên chỉ ra người phục vụ là người phụ việc chùa hoặc là nam cư sĩ: “Này đạo hữu, đây chính là người phục vụ cho các Tỳ-khuru.” Không nên nói: “Hãy trao cho người ấy”; hoặc “Người ấy sẽ cất giữ”; hoặc “Người ấy sẽ trao đổi”; hoặc “Người ấy sẽ mua.”

Nếu người sứ giả ấy sau khi đã dặn dò người phục vụ ấy, rồi đã đi đến gặp vị Tỳ-khuru ấy nói như vậy: “Thưa ngài, người phục vụ mà Đại đức đã chỉ ra đã được tôi dặn dò. Đại đức hãy đi đến lúc đúng thời, người ấy sẽ dâng y cho ngài.” Này các Tỳ-khuru, vị Tỳ-khuru có sự cần dùng y, sau khi đi đến gặp người phục vụ ấy rồi nên thông báo, nên nhắc nhở hai hoặc ba lần: “Này đạo hữu, tôi có nhu cầu về y.” Không nên nói: “Hãy dâng y cho tôi”; “Hãy mang lại y cho tôi”; “Hãy trao đổi y cho tôi”; “Hãy mua y cho tôi.” Nên được nói đến lần thứ nhì. Nên được nói đến lần thứ ba. Nếu đạt được [y], như thế việc này là tốt đẹp. Nếu không đạt

được thì sau khi đi đến nơi ấy, nên đứng với trạng thái im lặng. Không nên ngồi xuống chỗ ngồi. Không nên thọ nhận vật thực. Không nên thuyết pháp. Nếu được hỏi: “Ngài đã đi đến vì lý do gì?” Nên nói rằng: “Này đạo hữu, người hãy biết lấy.” Nếu ngồi xuống chỗ ngồi, hoặc thọ nhận vật thực, hoặc thuyết pháp thì làm hỏng việc đứng. Lần thứ nhì, nên đứng. Lần thứ ba, nên đứng. Sau khi thông báo bốn lần, nên đứng bốn lần. Sau khi thông báo năm lần, nên đứng hai lần. Sau khi thông báo sáu lần thì không nên đứng. Nếu không đạt được, rồi ra sức vượt quá số lần ấy và đạt được y ấy, trong lúc thực hiện thì [vị ấy] phạm tội *Dukkaṭa*. Do sự đạt được thì phạm vào *Nissaggiya*, [y ấy] cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vậy: ...(nt)... “Bạch các ngài, y này của tôi đã đạt được do sự thông báo quá ba lần và đứng quá sáu lần, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ y này đến hội chúng.” ...(nt)... hội chúng nên cho lại. ...(nt)... chư Đại đức nên cho lại ...(nt)... “Tôi cho lại Đại đức.”

Nếu không đạt được thì tiền mua y đã được mang lại là của nơi nào thì nên đích thân đi đến nơi ấy, hoặc nên phái sứ giả đi đến [nói rằng]: “Này quý vị, các người đã gởi đến số tiền mua y dành riêng cho vị Tỳ-khưu nào, số tiền ấy không có được chút gì lợi ích cho vị Tỳ-khưu ấy. Quý vị hãy thu hồi lại vật của mình, chớ để vật của quý vị bị mất mát.”

Đây là điều đúng đắn trong trường hợp ấy: Đây là điều hợp lý trong trường hợp ấy.

6. Với sự thông báo hơn ba lần, với việc đứng hơn sáu lần, nhận biết là đã vượt quá, vị đạt được thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Với sự thông báo hơn ba lần, với việc đứng hơn sáu lần, có sự hoài nghi, vị đạt được thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Với sự thông báo hơn ba lần, với việc đứng hơn sáu lần, [lầm] tưởng là chưa đủ, vị đạt được thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Với sự thông báo chưa đủ ba lần, với việc đứng chưa đủ sáu lần, [lầm] tưởng là đã vượt quá thì phạm tội *Dukkaṭa*. Với sự thông báo chưa đủ ba lần, với việc đứng chưa đủ sáu lần, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Với sự thông báo chưa đủ ba lần, với việc đứng chưa đủ sáu lần, nhận biết là chưa đủ thì vô tội.

7. Với sự thông báo ba lần, với việc đứng sáu lần, với sự thông báo chưa đủ ba lần, với việc đứng chưa đủ sáu lần, [người ấy] dâng khi chưa được thông báo, thí chủ dâng sau khi thông báo, vị bị điên, vị phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều học về đức vua.

Phẩm Y là thứ nhất.

--oo0oo--

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

Kathina đã hết hiệu lực có ba điều, việc giặt và việc nhận lãnh, ba điều nữa về không phải là thân quyến, của cả hai và bởi người sứ giả.

--oo0oo--

5.2. PHẨM TƠ TẮM

5.2.1. ĐIỀU HỌC VỀ TƠ TẮM

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Ālavī, nơi tháp thờ Aggālava. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khuru nhóm Lục Sư đi đến gặp những người làm tơ tằm, rồi nói như vậy:

– Này các đạo hữu, hãy nấu nhiều kén tằm rồi bỏ thí đến chúng tôi; chúng tôi cũng muốn làm tằm trải nằm có trộn lẫn tơ tằm.

Những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Tại sao các Sa-môn Thích tử này sau khi đi đến gặp chúng tôi lại nói như vậy: ‘Này các đạo hữu, hãy nấu nhiều kén tằm rồi bỏ thí đến chúng tôi; chúng tôi cũng muốn làm tằm trải nằm có trộn lẫn tơ tằm.’ Chúng tôi không có lợi nhuận, chúng tôi thu nhập khó khăn, chúng tôi vì lý do nuôi mạng, vì nguyên nhân vợ con mà gây nên việc giết chóc nhiều sinh vật nhỏ bé.”

Các Tỳ-khuru đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khuru nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vì sao các Tỳ-khuru nhóm Lục Sư sau khi đi đến gặp những người làm tơ tằm lại nói như vậy: ‘Này các đạo hữu, hãy nấu nhiều kén tằm rồi bỏ thí đến chúng tôi; chúng tôi cũng muốn làm tằm trải nằm có trộn lẫn tơ tằm?’”

Sau đó, các vị Tỳ-khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khuru, nghe nói các người đi đến gặp những người làm tơ tằm rồi nói như vậy: “Này các đạo hữu, hãy nấu nhiều kén tằm rồi bỏ thí đến chúng tôi; chúng tôi cũng muốn làm tằm trải nằm có trộn lẫn tơ tằm”, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này những kẻ rò dại, vì sao các người sau khi đi đến gặp những người làm tơ tằm lại nói như vậy: “Này các đạo hữu, hãy nấu nhiều kén tằm rồi bỏ thí đến chúng tôi; chúng tôi cũng muốn làm tằm trải nằm có trộn lẫn tơ tằm?” Này những kẻ rò dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị Tỳ-khuru nào bảo làm tằm trải nằm có trộn lẫn tơ tằm thì [vật ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pācittiya.”

2. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khuru: ...(nt)... Vị này là “vị Tỳ-khuru” được đề cập trong ý nghĩa này.

Tắm trái nằm nghĩa là đã được trải ra còn chưa được dệt.

Bảo làm: Vị [tự] làm hoặc bảo làm sau khi đã trộn lẫn vào, cho dầu chỉ một sợi tơ tắm. Trong khi tiến hành thì [vị ấy] phạm tội *Dukkata*. Do sự đạt được thì phạm vào tội *Nissaggiya*, [vật ấy] cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và này các Tỳ-khuru, nên được xả bỏ như vậy: ...(nt)... “Bạch các ngài, tắm trái nằm có trộn lẫn tơ tắm này của tôi đã được bảo làm, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến hội chúng.” ...(nt)... hội chúng nên cho lại ...(nt)... chư Đại đức nên cho lại ...(nt)... “Tôi cho lại Đại đức.”

3. Vị tự mình hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Vị bảo những người khác hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Vị tự mình hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Vị bảo những người khác hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Vị [tự] làm hoặc bảo làm vì nhu cầu của vị khác thì phạm tội *Dukkata*. Sau khi thọ lãnh vật đã được làm bởi người khác, vị thọ dụng thì phạm tội *Dukkata*.

4. Vị làm tắm màn che, hoặc tắm thảm trải nền đất, hoặc tắm vách chắn, hoặc nệm, hoặc gối, vị bị điên, vị phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều học về tơ tắm.

--oo0oo--

5.2.2. ĐIỀU HỌC VỀ THUẦN MÀU ĐEN

1. Lúc bảy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Vesālī, Mahāvana, giảng đường Kūṭāgāra. Vào lúc bảy giờ, các Tỳ-khuru nhóm Lục Sư bảo làm tắm trái nằm bằng lông cừu thuần màu đen. Dân chúng trong khi đi dạo quanh các trú xá nhìn thấy, rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Tại sao các Sa-môn Thích tử này lại bảo làm tắm trái nằm bằng lông cừu thuần màu đen giống như những kẻ tại gia hưởng dục vậy?”

Các Tỳ-khuru đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khuru nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vì sao các Tỳ-khuru nhóm Lục Sư lại bảo làm tắm trái nằm bằng lông cừu thuần màu đen?”

Sau đó, các vị Tỳ-khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khuru, nghe nói các người bảo làm tắm trái nằm bằng lông cừu thuần màu đen, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này những kẻ rồ dại, vì sao các người lại bảo làm tắm trái nằm bằng lông cừu thuần màu đen vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm

tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị Tỳ-khuru nào bảo làm tấm trải nằm bằng lông cừu thuần màu đen thì [vật ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pācittiya.”

2. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khuru: ...(nt)... Vị này là “vị Tỳ-khuru” được đề cập trong ý nghĩa này.

Màu đen nghĩa là có hai loại màu đen: Màu đen do tự nhiên hoặc là màu đen nhuộm.

Tấm trải nằm nghĩa là đã được trải ra còn chưa được dệt.

Bảo làm: Vị [tự] làm hoặc bảo làm. Trong khi tiến hành thì [vị ấy] phạm tội *Dukkaṭa*. Do sự đạt được thì phạm vào tội *Nissaggiya*, [vật ấy] cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và này các Tỳ-khuru, nên được xả bỏ như vậy: ...(nt)... “Bạch các ngài, tấm trải nằm bằng lông cừu thuần màu đen của tôi đã được bảo làm, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến hội chúng.” ...(nt)... hội chúng nên cho lại ...(nt)... chư Đại đức nên cho lại ...(nt)... “Tôi cho lại Đại đức.”

3. Vị tự mình hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Vị bảo những người khác hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Vị tự mình hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Vị bảo những người khác hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Vị [tự] làm hoặc bảo làm vì nhu cầu của vị khác thì phạm tội *Dukkaṭa*. Sau khi thọ lãnh vật đã được làm bởi người khác, vị thọ dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

4. Vị làm tấm màn che, hoặc tấm thảm trải nền đất, hoặc tấm vách chắn, hoặc nệm, hoặc gối, vị bị điên, vị phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều học về thuần màu đen.

--oo0oo--

5.2.3. ĐIỀU HỌC VỀ HAI PHẦN

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khuru nhóm Lục Sư [nghĩ rằng]: “Đức Thế Tôn đã cấm không được bảo làm tấm trải nằm bằng lông cừu thuần màu đen” nên sau khi đã lấy chỉ chút ít màu trắng ở đường biên, rồi bảo làm tấm trải nằm bằng lông cừu thuần màu đen y như thế. Các Tỳ-khuru nào ít ham muốn, các vị ấy phản nản, phê phán, chê bai rằng: “Vì sao các Tỳ-khuru nhóm Lục Sư lại lấy chỉ một chút ít màu trắng ở đường biên, rồi bảo làm tấm trải nằm bằng lông cừu thuần màu đen y như thế?” Sau đó, các vị Tỳ-khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khưu, nghe nói các người lấy chỉ một chút ít màu trắng ở đường biên, rồi bảo làm tám trái nằm bằng lông cừu thuần màu đen y như thế, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Nay những kẻ rồ dại, vì sao các người lại lấy chỉ một chút ít màu trắng ở đường biên, rồi bảo làm tám trái nằm bằng lông cừu thuần màu đen y như thế vậy? Nay những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và nay các Tỳ-khưu, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Trong khi bảo làm tám trái nằm mới, vị Tỳ-khưu nên lấy hai phần lông cừu thuần màu đen, phần thứ ba màu trắng, phần thứ tư màu nâu đỏ. Nếu vị Tỳ-khưu không lấy hai phần lông cừu thuần màu đen, phần thứ ba màu trắng, phần thứ tư màu nâu đỏ, rồi bảo làm tám trái nằm mới thì [vật ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pācittiya.”

2. Mới nghĩa là liên quan việc làm [tám trái nằm] được đề cập đến.

Tám trái nằm nghĩa là đã được trải ra, còn chưa được dệt.

Trong khi bảo làm: Trong khi [tự] làm hoặc trong khi bảo làm.

Nên lấy hai phần lông cừu thuần màu đen: Sau khi đã được mang lại thì nên lấy hai cân¹⁶ lông cừu thuần màu đen.

Phần thứ ba màu trắng: Một cân của màu trắng.

Phần thứ tư màu nâu đỏ: Một cân của màu nâu đỏ.

Nếu vị Tỳ-khưu không lấy hai phần lông cừu thuần màu đen, phần thứ ba màu trắng, phần thứ tư màu nâu đỏ: Sau khi không lấy hai cân lông cừu thuần màu đen, một cân màu trắng, một cân màu nâu đỏ, rồi [tự] làm hoặc bảo làm tám trái nằm mới. Trong khi tiến hành thì [vị ấy] phạm tội *Dukkata*. Do sự đạt được thì phạm vào tội *Nissaggiya*, [vật ấy] cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và nay các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vậy: ...(nt)... “Bạch các ngài, tám trái nằm của tôi đã được bảo làm sau khi đã không lấy hai cân lông cừu thuần màu đen, một cân màu trắng và một cân màu nâu đỏ, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến hội chúng.” ...(nt)... hội chúng nên cho lại ...(nt)... chư Đại đức nên cho lại ...(nt)... “Tôi cho lại Đại đức.”

3. Vị tự mình hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Vị bảo những người khác hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Vị tự mình hoàn tất phần những người khác chưa làm

¹⁶ Cân (*tulā*) là đơn vị đo trọng lượng. Theo cách tính của ngài Mahāsamaṇa Chao ở trong *Vinayamukha* thì 1 *tulā* có trọng lượng của 160.000 hạt gạo.

xong thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Vì bảo những người khác hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Vì [tự] làm hoặc bảo làm vì nhu cầu của vị khác thì phạm tội *Dukkaṭa*. Sau khi thọ lãnh vật đã được làm bởi người khác, vị thọ dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

4. Sau khi lấy một cân màu trắng và một cân màu nâu đỏ rồi làm, sau khi lấy màu trắng nhiều hơn [hoặc] màu nâu đỏ nhiều hơn rồi làm, sau khi lấy thuần màu trắng [hoặc] thuần màu nâu đỏ rồi làm, vị làm tấm màn che, hoặc tấm thảm trải nền đất, hoặc tấm vách chắn, hoặc nệm, hoặc gối, vị bị điên, vị phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều học về hai phần.

--oo0oo--

5.2.4. ĐIỀU HỌC VỀ SÁU NĂM

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khuru bảo làm tấm trải nằm hàng năm. Các vị ấy sống có nhiều sự van xin, có nhiều sự yêu cầu: “Các người hãy bỏ thí các lông cừu. Có nhu cầu với các lông cừu.” Dân chúng phản nản, phê phán, chê bai rằng: “Tại sao các Sa-môn Thích tử lại bảo làm tấm trải nằm hàng năm, rồi sống có nhiều sự van xin, có nhiều sự yêu cầu: ‘Các người hãy bỏ thí các lông cừu. Có nhu cầu với các lông cừu?’ Các tấm trải nằm của chúng tôi bị con cái của chúng tôi tiêu tiểu và bị các con chuột gặm nhấm còn được làm năm sáu năm một lần. Thế mà các Sa-môn Thích tử này lại bảo làm tấm trải nằm hàng năm, rồi sống có nhiều sự van xin, có nhiều sự yêu cầu: ‘Các người hãy bỏ thí các lông cừu. Có nhu cầu với các lông cừu.’”

2. Các Tỳ-khuru đã nghe được những người ấy phản nản, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khuru nào ít ham muốn, các vị ấy phản nản, phê phán, chê bai rằng: “Vì sao các Tỳ-khuru lại bảo làm tấm trải nằm hàng năm, rồi sống có nhiều sự van xin, có nhiều sự yêu cầu: ‘Các người hãy bỏ thí các lông cừu. Có nhu cầu với các lông cừu?’”

Sau đó, các vị Tỳ-khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, nghe nói các Tỳ-khuru bảo làm tấm trải nằm hàng năm, rồi sống có nhiều sự van xin, có nhiều sự yêu cầu: “Các người hãy bỏ thí các lông cừu. Có nhu cầu với các lông cừu”, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Nay các Tỳ-khuru, vì sao những kẻ rò đại ấy lại bảo làm tấm trải nằm hàng năm, rồi sống có nhiều sự van xin, có nhiều sự yêu cầu: “Các người hãy bỏ thí các lông cừu. Có nhu cầu với các lông cừu” vậy? Nay các Tỳ-khuru, sự việc này

không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Sau khi bảo làm tám trái nằm mới, vị Tỳ-khưu nên sử dụng sáu năm. Nếu chưa đủ sáu năm mà cho đi hoặc không cho đi tám trái nằm ấy, rồi bảo làm tám trái nằm mới khác thì [vật ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pācittiya.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

[Sự quy định căn bản]

3. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ ở thành Kosambī bị bệnh. Các thân quyến đã phái người đưa tin đến gặp vị Tỳ-khưu ấy nói rằng:

– Ngài Đại đức hãy đi đến. Chúng tôi sẽ hộ độ.

Các Tỳ-khưu cũng đã nói như vậy:

– Này Đại đức, hãy đi. Các thân quyến sẽ hộ độ Đại đức.

Vị ấy đã nói như vậy:

– Này các Đại đức, điều học đã được đức Thế Tôn quy định rằng: “Sau khi bảo làm tám trái nằm mới, vị Tỳ-khưu nên sử dụng sáu năm.” Và tôi thì bị bệnh nên không thể mang theo tám trái nằm mà ra đi được. Tôi không được thoải mái khi không có tám trái nằm. Tôi sẽ không đi.

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

4. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ban cho sự đồng ý về tám trái nằm đối với vị Tỳ-khưu bị bệnh. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vậy: Vị Tỳ-khưu bị bệnh ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, ngồi chồm hổm, chấp tay lên và nên nói như vậy: “Bạch các ngài, tôi bị bệnh không thể mang theo tám trái nằm mà ra đi được. Bạch các ngài, tôi đây thỉnh cầu hội chúng sự đồng ý về tám trái nằm.” Nên được thỉnh cầu lần thứ nhì. Nên được thỉnh cầu lần thứ ba. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực:

“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vậy] bị bệnh, không thể mang theo tám trái nằm mà ra đi được. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng sự đồng ý về tám trái nằm. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho sự đồng ý về tám trái nằm đến vị Tỳ-khưu tên [như vậy]. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vậy] bị bệnh, không thể mang theo tám trái nằm mà ra đi được. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng sự đồng ý về tám trái nằm. Hội chúng ban cho sự đồng ý về tám trái nằm đến vị Tỳ-khưu tên [như vậy]. Đại đức nào đồng ý việc ban cho sự đồng ý về tám trái nằm đến vị Tỳ-khưu tên [như vậy] xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Sự đồng ý về tấm trải nằm đã được hội chúng ban cho đến vị Tỳ-khuru tên [như vậy]. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

5. Và này các Tỳ-khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Sau khi bảo làm tấm trải nằm mới, vị Tỳ-khuru nên sử dụng sáu năm. Nếu chưa đủ sáu năm mà cho đi hoặc không cho đi tấm trải nằm ấy, rồi bảo làm tấm trải nằm mới khác thì [vật ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pācittiya, ngoại trừ có sự đồng ý của các Tỳ-khuru.”

[Sự quy định lần hai]

6. Mới nghĩa là có liên quan việc làm [tấm trải nằm] được đề cập đến.

Tấm trải nằm nghĩa là đã được trải ra còn chưa được dệt.

Sau khi bảo làm: Sau khi [tự] làm hoặc sau khi bảo [người khác] làm.

Nên sử dụng sáu năm: Nên sử dụng tối đa là sáu năm.

Nếu chưa đủ sáu năm: Còn ít hơn sáu năm.

Cho đi tấm trải nằm ấy: Sau khi cho đến những người khác.

Hoặc không cho đi: Sau khi không cho đến bất cứ ai.

Ngoại trừ có sự đồng ý của các Tỳ-khuru: Trừ ra có sự đồng ý của các Tỳ-khuru.

7. Vị [tự] làm hoặc bảo làm tấm trải nằm mới khác. Trong khi tiến hành thì [vị ấy] phạm tội *Dukkaṭa*. Do sự đạt được thì phạm vào tội *Nissaggiya*, [vật ấy] cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và này các Tỳ-khuru, nên được xả bỏ như vậy: ...(nt)... “Bạch các ngài, tấm trải nằm của tôi đã được bảo làm chưa đủ sáu năm, giờ cần được xả bỏ, ngoại trừ có sự đồng ý của các Tỳ-khuru. Tôi xả bỏ vật này đến hội chúng.” ...(nt)... hội chúng nên cho lại ...(nt)... chư Đại đức nên cho lại ...(nt)... “Tôi cho lại Đại đức.”

8. Vị tự mình hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Vị bảo những người khác hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Vị tự mình hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Vị bảo những người khác hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*.

9. Vị làm khi được sáu năm, vị làm khi đã quá sáu năm, vị làm hoặc bảo làm vì nhu cầu của vị khác, vị nhận được [tấm trải nằm] đã được làm bởi người khác rồi sử dụng, vị làm tấm màn che, hoặc tấm thảm trải nền đất, hoặc tấm vách chắn, hoặc nệm, hoặc gối, với sự đồng ý của các Tỳ-khuru, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều học về sáu năm.

--oo0oo--

5.2.5. ĐIỀU HỌC VỀ TÁM LÓT NGÔI VÀ TÁM TRÁI NẪM

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các Tỷ-khưu rằng:

– Này các Tỷ-khưu, Ta muốn thiền tịnh trong ba tháng. Không ai đi đến gặp Ta, ngoại trừ một vị mang lại vật thực.

– Bạch ngài, xin vâng. Các vị Tỷ-khưu ấy đã trả lời đức Thế Tôn.

Và quả thật, không có vị nào đi đến gặp đức Thế Tôn, ngoại trừ một vị mang lại vật thực. Vào lúc bấy giờ, hội chúng ở Sāvatti đã thực hiện quy định là: “Này các Đại đức, đức Thế Tôn muốn thiền tịnh trong ba tháng. Không ai được đi đến gặp đức Thế Tôn, ngoại trừ một vị mang lại vật thực. Vị nào đi đến gặp đức Thế Tôn nên bị buộc sám hối tội *Pācittiya*.”

2. Khi ấy, Đại đức Upasena, con trai của Vaṅganta cùng tập thể đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi Đại đức Upasena, con trai của Vaṅganta đã ngồi xuống ở một bên, đức Thế Tôn đã nói điều này:

– Này Upasena, sức khỏe có khá không? Mọi việc có được tốt đẹp không? Các người đi đường xa có được ít mệt nhọc không?

– Bạch Thế Tôn, sức khỏe khá. Bạch Thế Tôn, mọi việc tốt đẹp. Bạch Ngài, chúng con đi đường xa được ít mệt nhọc.

3. Vào lúc bấy giờ, vị Tỷ-khưu đệ tử của Đại đức Upasena, con trai của Vaṅganta, ngồi xuống không xa đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với vị Tỷ-khưu ấy điều này:

– Này Tỷ-khưu, đối với người, các *y paṃsukūla* có dễ chịu không?

– Bạch Ngài, đối với con, các *y paṃsukūla* không có dễ chịu.

– Này Tỷ-khưu, vậy tại sao người lại là vị hành pháp sử dụng *y paṃsukūla*?

– Bạch Ngài, thầy tể độ của con là vị hành pháp sử dụng *y paṃsukūla*; như thế, con cũng là vị hành pháp sử dụng *y paṃsukūla*.

Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với Đại đức Upasena, con trai của Vaṅganta điều này:

– Này Upasena, tập thể này quả là có niềm tin đối với người. Này Upasena, người hướng dẫn tập thể thế nào?

– Bạch Ngài, ai cầu xin con sự tu lên bậc trên thì con nói với người ấy như vậy: “Này đạo hữu, ta là vị hành pháp ở rừng, hành pháp đi khát thực, hành pháp sử dụng *y paṃsukūla*, nếu người cũng sẽ là vị hành pháp ở rừng, hành pháp đi khát thực, hành pháp sử dụng *y paṃsukūla* như thế thì ta sẽ cho người tu lên bậc trên.” Nếu đồng ý với con thì con cho tu lên bậc trên, nếu không đồng ý với con thì con không cho tu lên bậc trên. Vị nào cầu xin con pháp nương nhờ thì con nói với vị ấy như vậy: “Này Đại đức, ta là vị hành pháp ở rừng, hành

pháp đi khát thực, hành pháp sử dụng y *pamsukūla*, nếu người cũng sẽ là vị hành pháp ở rừng, hành pháp đi khát thực, hành pháp sử dụng y *pamsukūla* như thế thì ta sẽ ban cho người pháp nương nhờ.” Nếu đồng ý với con thì con ban cho pháp nương nhờ, nếu không đồng ý với con thì con không ban cho pháp nương nhờ. Bạch Ngài, con hướng dẫn tập thể như thế.

– Nay Upasena, tốt lắm, tốt lắm! Nay Upasena, người hướng dẫn tập thể tốt lắm. Nay Upasena, người có biết về quy định của hội chúng ở Sāvatti không?

– Bạch Ngài, con quả thật không biết về quy định của hội chúng ở Sāvatti.

– Nay Upasena, hội chúng ở Sāvatti đã thực hiện quy định là: “Này các Đại đức, đức Thế Tôn muốn thiền tịnh trong ba tháng. Không ai được đi đến gặp đức Thế Tôn, ngoại trừ một vị mang lại vật thực. Vị nào đi đến gặp đức Thế Tôn nên bị buộc sám hối tội *Pācittiya*.”

– Bạch Ngài, hội chúng ở Sāvatti sẽ được biết tiếng bởi quy định của chính họ. Chúng con sẽ không quy định điều không được quy định hoặc sẽ không hủy bỏ điều đã được quy định. Chúng con sẽ thọ trì và thực hành các điều học theo như đã được quy định.

– Nay Upasena, tốt lắm, tốt lắm! Không nên quy định điều không được quy định hoặc không nên hủy bỏ điều đã được quy định. Nên thọ trì và thực hành các điều học theo như đã được quy định. Nay Upasena, Ta cho phép các vị Tỳ-khưu nào là những vị hành pháp ở rừng, hành pháp đi khát thực, hành pháp sử dụng y *pamsukūla*, hãy để các vị ấy đi đến diện kiến Ta một cách thoải mái.

4. Vào lúc bảy giờ, nhiều vị Tỳ-khưu đứng bên ngoài cổng ra vào [nghĩ rằng]: “Chúng ta sẽ buộc Đại đức Upasena, con trai của Vaṅganta sám hối tội *Pācittiya*.” Sau đó, Đại đức Upasena, con trai của Vaṅganta cùng tập thể đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã nói với Đại đức Upasena, con trai của Vaṅganta điều này:

– Nay Đại đức Upasena, Đại đức có biết quy định của hội chúng ở Sāvatti không?

– Nay các Đại đức, đức Thế Tôn đã nói với tôi như vậy: “Nay Upasena, người có biết về quy định của hội chúng ở Sāvatti không?” “Bạch Ngài, con quả không biết về quy định của hội chúng ở thành Sāvatti.” “Nay Upasena, hội chúng ở Sāvatti đã thực hiện quy định là: ‘Này các Đại đức, đức Thế Tôn muốn thiền tịnh trong ba tháng. Không ai được đi đến gặp đức Thế Tôn, ngoại trừ một vị mang lại vật thực. Vị nào đi đến gặp đức Thế Tôn nên bị buộc sám hối tội *Pācittiya*.’” “Bạch Ngài, hội chúng ở Sāvatti sẽ được biết tiếng bởi quy định của chính họ. Chúng con sẽ không quy định điều không được quy định hoặc sẽ không hủy bỏ điều đã được quy định. Chúng con sẽ thọ trì và thực hành các điều học theo như đã được quy định.” Nay các Đại đức, đức Thế Tôn đã cho phép rằng: “Các vị Tỳ-khưu nào là những vị hành pháp ở rừng, hành pháp đi khát thực, hành pháp sử dụng y *pamsukūla*, hãy để các vị ấy đi đến diện kiến Ta một cách thoải mái.”

5. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy [bàn bạc rằng]: “Đại đức Upasena đã nói rằng: ‘Không nên quy định điều không được quy định hoặc không nên hủy bỏ điều đã được quy định. Nên thọ trì và thực hành các điều học theo như đã được quy định’ có phải là sự thật không vậy?” Các Tỳ-khưu đã nghe rằng: “Nghe nói đức Thế Tôn đã cho phép rằng: ‘Các vị Tỳ-khưu nào là những vị hành pháp ở rừng, hành pháp đi khát thực, hành pháp sử dụng y *pamsukūla*, hãy để các vị ấy đi đến diện kiến Ta một cách thoải mái.’” Các vị ấy ao ước được diện kiến đức Thế Tôn nên đã quăng bỏ các tấm trải nằm và thọ trì pháp của vị ở trong rừng, pháp của vị đi khát thực, pháp của vị sử dụng y *pamsukūla*. Sau đó, đức Thế Tôn trong khi đi dạo quanh các chỗ trú ngụ cùng với nhiều vị Tỳ-khưu đã nhìn thấy các tấm trải nằm bị quăng bỏ chỗ này, chỗ nọ, sau khi nhìn thấy đã hỏi các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, những tấm trải nằm bị quăng bỏ chỗ này, chỗ nọ là của vị nào vậy?

Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, Ta sẽ quy định điều học cho các Tỳ-khưu vì mười điều lợi ích: Nhằm đem lại sự tốt đẹp cho hội chúng, nhằm đem lại sự an lạc cho hội chúng, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Trong khi bảo thực hiện tấm lót ngồi, vị Tỳ-khưu nên lấy một gang tay của đức Thiện Thệ ở phần xung quanh của tấm lót cũ để hoại vẻ đẹp. Nếu vị Tỳ-khưu không lấy một gang tay của đức Thiện Thệ ở phần xung quanh của tấm lót cũ mà bảo làm tấm lót ngồi mới thì [vật ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pācittiya.”

6. Tấm lót ngồi nghĩa là có đường viền quanh được nói đến.

Tấm trải nằm nghĩa là đã được trải ra còn chưa được dệt.

Sau khi bảo làm: Sau khi [tự] làm hoặc sau khi bảo [người khác] làm.

Tấm lót cũ nghĩa là đã được ngồi dầu chỉ một lần, đã được nằm dầu chỉ một lần.

Nên lấy một gang tay của đức Thiện Thệ ở phần xung quanh để hoại vẻ đẹp: Sau khi cắt vòng tròn hoặc vuông vức rồi nên trải ra ở một góc, hoặc sau khi tháo rời rồi nên trải ra.

Nếu vị Tỳ-khưu không lấy một gang tay của đức Thiện Thệ ở phần xung quanh của tấm lót cũ: Sau khi không lấy một gang tay của đức Thiện Thệ ở phần xung quanh của tấm lót cũ rồi [tự] làm hoặc bảo làm tấm lót ngồi mới, trong khi tiến hành thì [vị ấy] phạm tội *Dukkata*. Do sự đạt được thì phạm vào tội *Nissaggiya*, [vật ấy] cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm,

hoặc đến cá nhân. Và này các Tỳ-khuru, nên được xả bỏ như vậy: ...(nt)... “Bạch các ngài, tấm lót ngồi này của tôi đã được bảo làm sau khi không lấy một gang tay của đức Thiện Thệ ở phần xung quanh của tấm lót cũ, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến hội chúng.” ...(nt)... hội chúng nên cho lại ...(nt)... chư Đại đức nên cho lại ...(nt)... “Tôi cho lại Đại đức.”

7. Vị tự mình hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Vị bảo những người khác hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Vị tự mình hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Vị bảo những người khác hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Vị [tự làm] hoặc bảo làm vì nhu cầu của vị khác thì phạm tội *Dukkaṭa*.

8. Sau khi đã lấy một gang tay của đức Thiện Thệ ở phần xung quanh của tấm lót cũ rồi làm; trong khi không có, đã lấy ít hơn rồi làm; trong khi không có, đã không lấy rồi làm; vị nhận được [tấm lót ngồi] đã được làm bởi người khác rồi sử dụng; vị làm tấm màn che, hoặc tấm thảm trải nền đất, hoặc tấm vách chắn, hoặc nệm, hoặc gối; vị bị điên; vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều học về tấm lót ngồi và tấm trải nằm.

--oo0oo--

5.2.6. ĐIỀU HỌC VỀ CÁC LÔNG CỪU

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ khi đang đi đến thành Sāvatthi trong xứ Kosala, ở giữa đường có các lông cừu đã được phát sanh. Khi ấy, vị Tỳ-khuru ấy đã dùng thượng y gói các lông cừu ấy lại thành gói rồi đi. Dân chúng sau khi nhìn thấy vị Tỳ-khuru ấy đã chế giễu rằng: “Thưa ngài, chúng được mua bao nhiêu? Lợi nhuận sẽ là bao nhiêu?” Trong khi bị những người ấy chế giễu, vị Tỳ-khuru ấy đã trở nên xấu hổ. Sau đó, khi đến thành Sāvatthi, vị Tỳ-khuru ấy đã đứng thẳng người ném các lông cừu ấy xuống. Các Tỳ-khuru đã nói với vị Tỳ-khuru ấy như vậy:

– Này Đại đức, vì sao Đại đức lại đứng thẳng người ném các lông cừu này xuống vậy?

– Này các Đại đức, như thế là vì nguyên nhân các lông cừu này mà tôi đã bị dân chúng chế giễu.

– Này Đại đức, thế Đại đức đã mang những lông cừu này khoảng bao xa vậy?

– Này các Đại đức, hơn ba do-tuần.¹⁷

¹⁷ Từ điển của Childers ghi rằng: 1 *yojana* là vào khoảng 12 *miles*, còn từ điển của *Pali Text Society* lại ghi là khoảng 7 *miles*. Trong khi đó *The Buddhist Monastic Code* của Thanissaro Bhikkhu cho biết: 1 *yojana* = 10 *miles* = 16km.

Các Tỳ-khuru nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vì sao vị Tỳ-khuru lại mang các lông cừu hơn ba do-tuần?” Sau đó, các vị Tỳ-khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay Tỳ-khuru, nghe nói người mang các lông cừu hơn ba do-tuần, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Nay kẻ rô đại, vì sao người lại mang các lông cừu hơn ba do-tuần vậy? Nay kẻ rô đại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và nay các Tỳ-khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị Tỳ-khuru trong khi đi đường xa, có các lông cừu được phát sanh, vị Tỳ-khuru mong muốn thì nên thọ lãnh. Sau khi thọ lãnh, nên dùng tay mang tối đa ba do-tuần khi không có người mang. Nếu mang vượt quá khoảng cách ấy, cho dầu không có người mang vác thì [vật ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pācittiya.”

2. Vị Tỳ-khuru trong khi đi đường xa: Là vị đang đi đường.

Các lông cừu được phát sanh: Là được phát sanh từ hội chúng, hoặc từ nhóm, hoặc từ thân quyến, hoặc từ bạn bè, hoặc từ vật quăng bỏ, hoặc từ vật sở hữu của bản thân.

Mong muốn: Với vị đang ước muốn.

Thì nên thọ lãnh, sau khi thọ lãnh thì nên dùng tay mang tối đa ba do-tuần: Nên dùng tay mang nhiều nhất ba do-tuần.

Khi không có người mang vác: Không có người nào khác khuân vác: Hoặc là người nữ, hoặc là người nam, hoặc là người tại gia, hoặc là vị xuất gia.

Nếu mang vượt quá khoảng cách ấy, cho dầu không có người mang vác: Vượt quá ba do-tuần bước thứ nhất thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vượt quá ba do-tuần bước thứ nhì thì phạm vào tội *Nissaggiya Pācittiya*. Đứng trong khoảng ba do-tuần và làm rơi ngoài ba do-tuần thì phạm vào tội *Nissaggiya Pācittiya*. Sau khi để ở trên xe hoặc trong gói đồ của người khác mà họ không hay biết, vị vượt quá ba do-tuần thì [các lông cừu ấy] phạm vào tội *Nissaggiya*, cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và nay các Tỳ-khuru, nên được xả bỏ như vậy: ...(nt)... “Bạch các ngài, các lông cừu này của tôi đã vượt quá ba do-tuần, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ các vật này đến hội chúng.” ...(nt)... hội chúng nên cho lại ...(nt)... chư Đại đức nên cho lại ...(nt)... “Tôi cho lại Đại đức.”

3. Hơn ba do-tuần, nhận biết là đã hơn, vị vượt qua thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Hơn ba do-tuần, có sự hoài nghi, vị vượt qua thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Hơn ba do-tuần, [lầm] tưởng là chưa hơn, vị vượt qua thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Khi chưa hơn ba do-tuần, [lầm] tưởng là đã hơn thì phạm

tội *Dukkaṭa*. Khi chưa hơn ba do-tuần, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi chưa hơn ba do-tuần, nhận biết là chưa hơn thì vô tội.

4. Vị mang đi ba do-tuần, vị mang đi kém ba do-tuần, vị mang đi ba do-tuần rồi mang lui lại, sau khi đi ba do-tuần vị có ý định tìm trú xứ rồi mang hơn khoảng cách đó, vị nhận lại vật bị cướp rồi mang đi, vị nhận lại vật đã sám hối ung xả [và được cho lại] rồi mang đi, vị bảo người khác mang, vị mang vật đã là thành phẩm, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều học về các lông cừu.

--oo0oo--

5.2.7. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC BẢO GIẶT LÔNG CỪU

1. Lúc bảy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự giữa dân chúng dòng Sakya, trong thành Kapilavatthu, tu viện Nigrodha. Vào lúc bảy giờ, các Tỳ-khuru nhóm Lục Sư bảo các Tỳ-khuru-ni giặt, bảo nhuộm và bảo chải các lông cừu. Trong khi giặt, trong khi nhuộm và trong khi chải các lông cừu, các Tỳ-khuru-ni xao lãng việc đọc tụng, việc vấn hỏi, [việc tu tập] tăng thượng giới, tăng thượng tâm, tăng thượng tuệ. Khi ấy, bà Mahāpajāpati Gotamī đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn, rồi đứng ở một bên. Đức Thế Tôn đã nói với bà Mahāpajāpati Gotamī đang đứng một bên điều này:

– Này Gotamī, chắc hẳn các Tỳ-khuru-ni sống không có xao lãng, tinh cần và bản thân có nỗ lực?

– Bạch Ngài, sự không xao lãng của các Tỳ-khuru-ni từ đâu có được khi các ngài Đại đức nhóm Lục Sư bảo các Tỳ-khuru-ni giặt, bảo nhuộm và bảo chải các lông cừu? Trong khi giặt, trong khi nhuộm và trong khi chải các lông cừu, các Tỳ-khuru-ni xao lãng việc đọc tụng, việc vấn hỏi, [việc tu tập] tăng thượng giới, tăng thượng tâm, tăng thượng tuệ.

2. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho bà Mahāpajāpati Gotamī bằng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, bà Mahāpajāpati Gotamī đã đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh rồi ra đi. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khuru lại và đã hỏi các Tỳ-khuru nhóm Lục Sư rằng:

– Này các Tỳ-khuru, nghe nói các người bảo các Tỳ-khuru-ni giặt, bảo nhuộm và bảo chải các lông cừu, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

– Này các Tỳ-khuru, là các nữ thân quyến của các người hay không phải là các nữ thân quyến?

– Bạch Thế Tôn, không phải là các nữ thân quyến.

– Nay những kẻ rò đại, những người nam không phải là thân quyến không biết điều gì thích hợp hay không thích hợp, điều gì làm hài lòng hay không làm hài lòng những người nữ không phải là thân quyến. Nay những kẻ rò đại, trong trường hợp ấy, sao các người lại bảo các Tỳ-khuru-ni không phải là thân quyến giặt, bảo nhuộm, và bảo chải các lông cừu vậy? Nay những kẻ rò đại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và nay các Tỳ-khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị Tỳ-khuru nào bảo Tỳ-khuru-ni không phải là thân quyến giặt, hoặc bảo nhuộm, hoặc bảo chải các lông cừu thì [vật ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pācittiya.”

3. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khuru: ...(nt)... Vị này là “vị Tỳ-khuru” được đề cập trong ý nghĩa này.

[Người nữ] không phải là thân quyến nghĩa là người nữ không có sự liên hệ họ hàng cho đến bảy thế hệ tổ tiên từ dòng bên mẹ hoặc từ dòng bên cha.

Tỳ-khuru-ni nghĩa là người nữ đã được tu lên bậc trên ở cả hai hội chúng.

4. Vị chỉ thị rằng: “Hãy giặt” thì phạm tội *Dukkaṭa*, [các lông cừu] đã được giặt thì phạm vào tội *Nissaggiya*. Vị chỉ thị rằng: “Hãy nhuộm” thì phạm tội *Dukkaṭa*, [các lông cừu] đã được nhuộm thì phạm vào tội *Nissaggiya*. Vị chỉ thị rằng: “Hãy chải” thì phạm tội *Dukkaṭa*, [các lông cừu] đã được chải thì phạm vào tội *Nissaggiya*, nên được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và nay các Tỳ-khuru, nên được xả bỏ như vậy: “Bạch các ngài, các lông cừu này của tôi đã được bảo Tỳ-khuru-ni không phải là thân quyến giặt, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ [các lông cừu] này đến hội chúng.” ...(nt)... hội chúng nên cho lại ...(nt)... chư Đại đức nên cho lại ...(nt)... “Tôi cho lại Đại đức.”

5. Không phải là thân quyến, nhận biết không phải là thân quyến, vị bảo giặt các lông cừu thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Không phải là thân quyến, nhận biết không phải là thân quyến, vị bảo giặt, bảo nhuộm các lông cừu thì phạm tội *Dukkaṭa* với tội *Nissaggiya*. Không phải là thân quyến, nhận biết không phải là thân quyến, vị bảo giặt, bảo chải các lông cừu thì phạm tội *Dukkaṭa* với tội *Nissaggiya*. Không phải là thân quyến, nhận biết không phải là thân quyến, vị bảo giặt, bảo nhuộm, bảo chải các lông cừu thì phạm hai tội *Dukkaṭa* với tội *Nissaggiya*.

6. Không phải là thân quyến, nhận biết không phải là thân quyến, vị bảo nhuộm các lông cừu thì phạm tội *Nissaggiya*. Không phải là thân quyến, nhận biết không phải là thân quyến, vị bảo nhuộm, bảo chải ...(nt)... vị bảo nhuộm, bảo giặt các lông cừu thì phạm tội *Dukkaṭa* với tội *Nissaggiya*. ...(nt)... vị bảo nhuộm, bảo chải, bảo giặt các lông cừu thì phạm hai tội *Dukkaṭa* với tội *Nissaggiya*.

7. Không phải là thân quyến, nhận biết không phải là thân quyến, vị bảo chải các lông cừu thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Không phải là thân quyến,

nhận biết không phải là thân quyến, vị bảo chải, bảo giặt ...(nt)... vị bảo chải, bảo nhuộm các lông cừu thì phạm tội *Dukkata* với tội *Nissaggiya*.(nt)... vị bảo chải, bảo giặt, bảo nhuộm các lông cừu thì phạm hai tội *Dukkata* với tội *Nissaggiya*.

8. Không phải là thân quyến, có sự hoài nghi, ...(nt)... Không phải là thân quyến, [lầm] tưởng là thân quyến, ...(nt)... Vị bảo giặt các lông cừu của vị khác thì phạm tội *Dukkata*. Vị bảo cô Ni tu lên bậc trên từ một hội chúng giặt thì phạm tội *Dukkata*. Là thân quyến, [lầm] tưởng không phải là thân quyến thì phạm tội *Dukkata*. Là thân quyến, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkata*. Là thân quyến, nhận biết là thân quyến thì vô tội.

9. Khi vị [Tỳ-khuru-ni] là thân quyến đang giặt có vị [Tỳ-khuru-ni] thứ nhì không phải là thân quyến [phụ giúp], vị [Tỳ-khuru-ni] giặt khi chưa được nói, vị bảo giặt vật đã là thành phẩm chưa được sử dụng, [vị bảo] cô Ni tu tập sự, [vị bảo] Sa-di-ni, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều học về việc bảo giặt lông cừu.

--oo0oo--

5.2.8. ĐIỀU HỌC VỀ VÀNG BẠC

1. Lúc bảy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, Veluvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bảy giờ, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya là vị thường tới lui với gia đình nọ và là vị nhận bữa ăn thường kỳ. Khi nào gia đình ấy có được vật thực loại cứng hoặc loại mềm, phần chia trong số đó được để dành cho Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya. Vào lúc bảy giờ, gia đình ấy có được miếng thịt nhằm lúc chiều tối. Trong số đó, phần chia của Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya được để dành lại. Đến canh cuối của đêm, đứa bé trai của gia đình ấy thức dậy khóc lóc rằng:

– Hãy cho con thịt.

Khi ấy, người đàn ông ấy đã nói với người vợ điều này:

– Hãy cho đứa bé phần chia của ngài Đại đức. Sau khi mua phần khác, tôi sẽ dâng ngài.

Rồi người đàn ông ấy đã cho đứa bé phần thịt ấy.

2. Sau đó, vào buổi sáng, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, đã mặc y, cầm y bát đi đến gia đình ấy, sau khi đến đã ngồi xuống trên chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Khi ấy, người đàn ông ấy đã đi đến gặp Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, sau khi đến đã đánh lễ Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, người đàn ông ấy đã nói với Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya điều này:

– Thưa ngài, hôm qua lúc chiều tối có được miếng thịt. Trong số đó, phần chia của ngài Đại đức đã được để dành. Thưa ngài, vào canh cuối của đêm, đứa

bé trai này đã thức dậy khóc lóc rằng: “Hãy cho con thật.” Phần chia của ngài Đại đức đã được cho đến đưa bé. Thưa ngài, với một đồng tiền thì vật gì hãy được mang lại?¹⁸

- Nay đạo hữu, đồng tiền đã được ta từ bỏ.
- Thưa ngài, đúng vậy. Đã được từ bỏ.
- Nay đạo hữu, hãy trao cho ta chính đồng tiền ấy.

3. Khi ấy, người đàn ông ấy đã trao đồng tiền cho Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Chúng tôi nhận lãnh vàng bạc như thế nào thì các Sa-môn Thích tử này thọ lãnh vàng bạc y như thế.” Các Tỳ-khuru đã nghe được người đàn ông ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khuru nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vì sao Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya lại thọ lãnh vàng bạc?” Sau đó, các vị Tỳ-khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay Upananda, nghe nói người thọ lãnh vàng bạc, có đúng không vậy?
- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Nay kẻ rồ dại, vì sao người lại thọ lãnh vàng bạc vậy? Nay kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị Tỳ-khuru nào nhận lấy hoặc bảo nhận lấy hoặc ưng thuận vàng bạc đã được mang đến thì [vật ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pācittiya.”

4. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khuru: ...(nt)... Vị này là “vị Tỳ-khuru” được đề cập trong ý nghĩa này.

Vàng nghĩa là màu da của bậc Đạo sư được nói đến.

Bạc nghĩa là đồng tiền *kahāpaṇa*, tiền *māsaka* bằng đồng, tiền *māsaka* bằng gỗ, tiền *māsaka* bằng nhựa cánh kiến, những vật nào dùng trong việc buôn bán.

Nhận lấy: Bản thân cầm lấy thì phạm vào tội *Nissaggiya Pācittiya*.

Bảo nhận lấy: Bảo người khác cầm lấy thì phạm vào tội *Nissaggiya Pācittiya*.

Hoặc ưng thuận [vàng bạc] đã được mang đến: Đối với [vàng bạc] đã được mang đến [nói rằng]: “Vật này hãy là của ngài”, vị ưng thuận thì phạm vào tội *Nissaggiya*, nên được xả bỏ ở giữa hội chúng. Và này các Tỳ-khuru, nên được xả bỏ như vậy: Vị Tỳ-khuru ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các Tỳ-khuru trưởng thượng, ngồi chồm hổm, chấp tay lên và nên nói như vậy: “Bạch các ngài, tôi đã thọ lãnh vàng bạc, vật này nên được tôi xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến hội chúng.” Sau khi xả bỏ, nên sám hối

¹⁸ Nếu dựa vào câu chuyện này thì giá trị của 1 *pāḍa* hoặc 5 *māsaka* (= 1/4 *kahāpaṇa*) vào thời bấy giờ không cao lắm, xin xem lại *Pārājika* điều hai (ND).

tội. Tội nên được ghi nhận bởi vị Tỳ-khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực. Nếu có người phụ việc chùa hoặc nam cư sĩ đi đến nơi ấy thì nên nói với người ấy rằng: “Này đạo hữu, hãy nhận biết vật này.” Nếu người ấy nói rằng: “Với vật này, hãy để cho vật gì được mang lại?” Không nên nói rằng: “Hãy mang lại vật này hoặc vật này.” Nên đề cập đến vật được phép là bơ lỏng, hoặc dầu ăn, hoặc mật ong, hoặc đường mía. Nếu người ấy sau khi dùng [vàng bạc] ấy trao đổi và đem lại vật được phép thì tất cả nên thọ dụng, trừ ra vị đã thọ lãnh vàng bạc. Nếu điều ấy có thể đạt được như vậy, như thế việc này là tốt đẹp; nếu không thể đạt được thì nên nói với người ấy rằng: “Này đạo hữu, hãy quăng bỏ vật này.” Nếu người ấy quăng bỏ, như thế việc này là tốt đẹp; nếu [người ấy] không quăng bỏ thì nên chỉ định vị quăng bỏ vàng bạc là vị Tỳ-khuru hội đủ năm điều kiện: Là vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, không thể bị chi phối bởi sự sân hận, không thể bị chi phối bởi sự si mê, không thể bị chi phối bởi sự sợ hãi, là vị biết vật đã được quăng bỏ hoặc chưa được quăng bỏ. Và này các Tỳ-khuru, nên chỉ định như vậy: Trước hết, vị Tỳ-khuru nên được yêu cầu; sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị Tỳ-khuru tên [như vậy], là vị quăng bỏ vàng bạc. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định vị Tỳ-khuru tên [như vậy], là vị quăng bỏ vàng bạc. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định vị Tỳ-khuru tên [như vậy], là vị quăng bỏ vàng bạc xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Vị Tỳ-khuru tên [như vậy] đã được hội chúng chỉ định là vị quăng bỏ vàng bạc. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

5. Vị Tỳ-khuru đã được chỉ định ấy, sau khi đã không làm dấu hiệu rồi nên ném đi. Nếu sau khi đã làm dấu hiệu rồi ném đi thì phạm tội *Dukkata*. Vàng bạc, nhận biết là vàng bạc, vị thọ lãnh vàng bạc thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Vàng bạc, có sự hoài nghi, vị thọ lãnh vàng bạc thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Vàng bạc, [lầm] tưởng không phải là vàng bạc, vị thọ lãnh vàng bạc thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Không phải là vàng bạc, [lầm] tưởng là vàng bạc thì phạm tội *Dukkata*. Không phải là vàng bạc, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkata*. Không phải là vàng bạc, nhận biết không phải là vàng bạc thì vô tội.

6. Sau khi nhặt lấy hoặc bảo nhặt lấy ở trong khuôn viên tu viện hoặc ở trong chỗ ngụ, vị giữ lại [nghĩ rằng]: “Là của ai, người ấy sẽ mang đi”, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều học về vàng bạc.

--oo0oo--

5.2.9. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC TRAO ĐỔI BẰNG VÀNG BẠC

1. Lúc bảy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, các Tỷ-khưu nhóm Lục Sư tiến hành việc trao đổi bằng vàng bạc dưới nhiều hình thức. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vì sao các Sa-môn Thích tử lại tiến hành việc trao đổi bằng vàng bạc dưới nhiều hình thức, giống như những kẻ tại gia hưởng dục vậy?” Các Tỷ-khưu đã nghe được dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỷ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vì sao các Tỷ-khưu nhóm Lục Sư lại tiến hành việc trao đổi bằng vàng bạc dưới nhiều hình thức?” Sau đó, các vị Tỷ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Nay các Tỷ-khưu, nghe nói các người tiến hành việc trao đổi bằng vàng bạc dưới nhiều hình thức, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Nay những kẻ rồ dại, vì sao các người lại tiến hành việc trao đổi bằng vàng bạc dưới nhiều hình thức? Nay những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và nay các Tỷ-khưu, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị Tỷ-khưu nào tiến hành việc trao đổi bằng vàng bạc dưới nhiều hình thức thì [vật ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pācittiya.”

2. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỷ-khưu: ...(nt)... Vị này là “vị Tỷ-khưu” được đề cập trong ý nghĩa này.

Dưới nhiều hình thức nghĩa là vật đã chế biến, vật chưa chế biến, vật đã chế biến và chưa chế biến. **Đã chế biến** nghĩa là làm thành vật [trang sức] ở đầu, làm thành vật [trang sức] ở cổ, làm thành vật [trang sức] ở tay, làm thành vật [trang sức] ở bàn chân, làm thành vật [trang sức] ở hông. **Chưa chế biến** nghĩa là việc làm thành khối được nói đến. **Đã chế biến và chưa chế biến** nghĩa là cả hai điều ấy.

Vàng bạc nghĩa là có màu sắc của bạc Đạo sư, là đồng tiền *kahāpaṇa*, tiền *māsaka* bằng đồng, tiền *māsaka* bằng gỗ, tiền *māsaka* bằng nhựa cánh kiến, những vật nào dùng trong việc buôn bán.

Tiến hành: Vị trao đổi vật đã chế biến với vật đã chế biến thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Vị trao đổi vật chưa chế biến với vật đã chế biến thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Vị trao đổi vật đã chế biến và chưa chế biến với vật đã chế biến thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Vị trao đổi vật đã chế biến với vật chưa chế biến thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Vị trao đổi vật chưa chế biến với vật chưa chế biến thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Vị trao đổi vật đã chế biến và chưa chế biến với vật chưa chế biến thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Vị trao đổi vật đã chế biến với vật đã chế biến và chưa chế biến thì phạm tội

Nissaggiya Pācittiya. Vị trao đổi vật chưa chế biến với vật đã chế biến và chưa chế biến thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Vị trao đổi vật đã chế biến và chưa chế biến với vật đã chế biến và chưa chế biến thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Nên được xả bỏ ở giữa hội chúng. Và này các Tỳ-khuru, nên được xả bỏ như vậy: Vị Tỳ-khuru ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các Tỳ-khuru trưởng thượng, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vậy: “Bạch các ngài, tôi đã tiến hành việc trao đổi bằng vàng bạc dưới nhiều hình thức, vật này nên được tôi xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến hội chúng.” Sau khi xả bỏ, nên sám hối tội. Tội nên được ghi nhận bởi vị Tỳ-khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực. Nếu có người phụ việc chùa hoặc nam cư sĩ đi đến nơi ấy thì nên nói với người ấy rằng: “Này đạo hữu, hãy nhận biết vật này.” Nếu người ấy nói rằng: “Với vật này, hãy để cho vật gì được mang lại?” Không nên nói rằng: “Hãy mang lại vật này hoặc vật này.” Nên đề cập đến vật được phép là bơ lỏng, hoặc dầu ăn, hoặc mật ong, hoặc đường mía. Nếu người ấy sau khi dùng [vàng bạc] ấy trao đổi và đem lại vật được phép thì tất cả nên thọ dụng, trừ ra vị đã thọ lãnh vàng bạc. Nếu điều ấy có thể đạt được như vậy, như thế, việc này là tốt đẹp; nếu không thể đạt được thì nên nói với người ấy rằng: “Này đạo hữu, hãy quăng bỏ vật này.” Nếu người ấy quăng bỏ, như thế, việc này là tốt đẹp; nếu [người ấy] không quăng bỏ thì nên chỉ định vị quăng bỏ vàng bạc là vị Tỳ-khuru hội đủ năm điều kiện: Là vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, không thể bị chi phối bởi sự sân hận, không thể bị chi phối bởi sự si mê, không thể bị chi phối bởi sự sợ hãi, là vị biết vật đã được quăng bỏ hoặc chưa được quăng bỏ. Và này các Tỳ-khuru, nên chỉ định như vậy: Trước hết, vị Tỳ-khuru nên được yêu cầu; sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị Tỳ-khuru tên [như vậy], là vị quăng bỏ vàng bạc. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định vị Tỳ-khuru tên [như vậy], là vị quăng bỏ vàng bạc. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định vị Tỳ-khuru tên [như vậy], là vị quăng bỏ vàng bạc xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Vị Tỳ-khuru tên [như vậy] đã được hội chúng chỉ định là vị quăng bỏ vàng bạc. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

3. Vị Tỳ-khuru đã được chỉ định ấy, sau khi đã không làm dấu hiệu rồi nên ném đi. Nếu sau khi đã làm dấu hiệu rồi ném đi thì phạm tội *Dukkaṭa*.

4. Vàng bạc, nhận biết là vàng bạc, vị trao đổi vàng bạc thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Vàng bạc, có sự hoài nghi, vị trao đổi vàng bạc thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Vàng bạc, [lầm] tưởng không phải là vàng bạc, vị

trao đổi vàng bạc thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Không phải là vàng bạc, [lầm] tưởng là vàng bạc, vị trao đổi vàng bạc thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Không phải là vàng bạc, có sự hoài nghi, vị trao đổi vàng bạc thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Không phải là vàng bạc, nhận biết không phải là vàng bạc, vị trao đổi vàng bạc thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Không phải là vàng bạc, [lầm] tưởng là vàng bạc thì phạm tội *Dukkata*. Không phải là vàng bạc, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkata*. Không phải là vàng bạc, nhận biết không phải là vàng bạc thì vô tội.

5. Vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều học về việc trao đổi bằng vàng bạc.

--oo0oo--

5.2.10. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC MUA BÁN

1. Lúc bảy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya là rành rẽ về việc may y. Vị ấy đã làm y hai lớp được nhuộm khéo léo và được sửa soạn khéo léo từ các loại vải cũ, sau khi làm xong đã khoác vào. Khi ấy, có vị du sĩ ngoại đạo nọ mặc tấm choàng trị giá cao đã đi đến gặp Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, sau khi đến đã nói với Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya điều này:

– Này Đại đức, y hai lớp này của ngài đẹp thật. Hãy đổi cho tôi với tấm choàng này.

– Này đạo hữu, hãy biết lấy.

– Này Đại đức, được rồi. Tôi biết mà.

– Này đạo hữu, tốt thôi.

Rồi [họ] đã trao đổi. Sau đó, vị du sĩ ngoại đạo ấy đã khoác lên y hai lớp ấy, rồi đi đến tu viện của các du sĩ ngoại đạo. Các du sĩ ngoại đạo đã nói với vị du sĩ ngoại đạo ấy điều này:

– Này huynh đệ, y hai lớp này của người đẹp thật. Người nhận được từ đâu vậy?

– Này các huynh đệ, đã được trao đổi bằng tấm choàng kia của tôi.

– Này huynh đệ, y hai lớp này của người sẽ được bao nhiêu ngày? Chính tấm choàng kia của người mới giá trị.

2. Khi ấy, vị du sĩ ngoại đạo ấy [nghĩ rằng]: “Các du sĩ ngoại đạo đã nói sự thật. Y hai lớp này của ta sẽ được bao nhiêu ngày? Chính tấm choàng kia của ta mới giá trị”, rồi đã đi đến gặp Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, sau khi đến đã nói với Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya điều này:

– Nay Đại đức, đây là y hai lớp của Đại đức. Hãy cho lại tôi tấm choàng.

– Nay đạo hữu, không phải ta đã nói với đạo hữu rằng: “Nay đạo hữu, hãy biết lấy.” Ta sẽ không cho lại.

3. Khi ấy, vị du sĩ ngoại đạo ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Ngay cả người tại gia còn cho lại vật ấy đến người tại gia có sự luyến tiếc. Sao vị xuất gia lại không cho lại vị xuất gia?” Các Tỳ-khuru đã nghe được vị du sĩ ngoại đạo ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khuru nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vì sao Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya lại tiến hành việc mua bán với du sĩ ngoại đạo?” Sau đó, các vị Tỳ-khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay Upananda, nghe nói người tiến hành việc mua bán với du sĩ ngoại đạo, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Nay kẻ rồ dại, vì sao người lại tiến hành việc mua bán với du sĩ ngoại đạo vậy? Nay kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và nay các Tỳ-khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị Tỳ-khuru nào tiến hành việc mua bán dưới nhiều hình thức thì [vật ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội *Pācittiya*.”

4. **Vị nào:** Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khuru: ...(nt)... Vị này là “vị Tỳ-khuru” được đề cập trong ý nghĩa này.

Dưới nhiều hình thức nghĩa là các vật dụng như là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, thuốc men chữa bệnh, thậm chí cục bột tắm, gỗ chà răng, nắm chỉ rời.

Tiến hành việc mua bán: [Nói rằng]: “Hãy cho vật này với vật này, hãy mang lại vật này với vật này, hãy trao đổi vật này với vật này, hãy mua vật này với vật này”, vị tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi nào có vật được mua và vật được bán, [tức là] vật của bản thân được đến tay người kia và vật của người kia được đến tay của bản thân thì phạm vào tội *Nissaggiya*, nên được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và nay các Tỳ-khuru, nên được xả bỏ như vậy: ...(nt)... “Bạch các ngài, tôi đã tiến hành việc mua bán dưới nhiều hình thức, vật này nên được tôi xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến hội chúng.” ...(nt)... hội chúng nên cho lại ...(nt)... chư Đại đức nên cho lại ...(nt)... “Tôi cho lại Đại đức.”

5. Việc mua bán, nhận biết là việc mua bán thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Việc mua bán, có sự hoài nghi thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Việc mua bán, [lầm] tưởng không phải là việc mua bán thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Không phải là việc mua bán, [lầm] tưởng là việc mua bán thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không phải là việc mua bán, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không phải là việc mua bán, nhận biết không phải là việc mua bán thì vô tội.

6. Vị hỏi trị giá [của vật], vị chỉ bảo người làm cho đúng phép, vị nói rằng: “Chúng ta có vật này, chúng ta cần vật này và vật này”, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều học về việc mua bán.

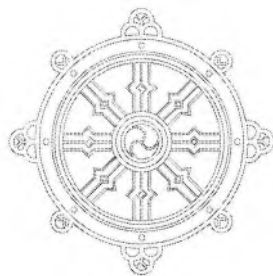
Phẩm Tơ tằm là thứ nhì.

--oo0oo--

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

Tơ tằm, thuần [màu đen], hai phần, sáu năm, tằm lót ngồi, hai điều về lông cừu, về việc nhận lấy, cả hai dưới nhiều hình thức.

--oo0oo--



5.3. PHẨM BÌNH BÁT

5.3.1. ĐIỀU HỌC VỀ BÌNH BÁT

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngụ tại thành Sāvattthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khuru nhóm Lục Sư thực hiện việc tích trữ nhiều bình bát. Dân chúng trong khi đi dạo quanh các trú xá nhìn thấy rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Tại sao các Sa-môn Thích tử lại tích trữ nhiều bình bát? Các Sa-môn Thích tử sẽ làm việc buôn bán bình bát hay sẽ lập nên gian hàng gốm sứ?”

Các Tỳ-khuru đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khuru nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vì sao các Tỳ-khuru nhóm Lục Sư lại cất giữ bình bát phụ trội?” Sau đó, các vị Tỳ-khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khuru, nghe nói các người cất giữ bình bát phụ trội, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này những kẻ rò dại, vì sao các người lại cất giữ bình bát phụ trội vậy? Này những kẻ rò dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị Tỳ-khuru nào cất giữ bình bát phụ trội thì [bình bát ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pācittiya.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khuru như thế.

[Sự quy định căn bản]

--oo0oo--

2. Vào lúc bấy giờ, có bình bát phụ trội được phát sanh đến Đại đức Ānanda. Đại đức Ānanda có ý định dâng bình bát ấy đến Đại đức Sāriputta. Và Đại đức Sāriputta ngụ tại Sāketa. Khi ấy, Đại đức Ānanda đã khởi ý điều này: “Điều học đã được đức Thế Tôn quy định là: ‘Không được cất giữ bình bát phụ trội’, và bình bát phụ trội này đã được phát sanh đến ta. Và ta có ý định dâng bình bát này đến Đại đức Sāriputta mà Đại đức Sāriputta cư ngụ ở Sāketa; vậy ta nên thực hành như thế nào?” Sau đó, Đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

3. – Này Ānanda, bao lâu nữa Sāriputta sẽ đi đến đây?

– Bạch Thế Tôn, ngày thứ chín hoặc ngày thứ mười.

Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khuru rằng:

– Này các Tỳ-khuru, Ta cho phép cất giữ bình bát phụ trội tối đa mười ngày. Và này các Tỳ-khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“*Bình bát phụ trội nên được cất giữ tối đa mười ngày. Vượt quá hạn ấy thì [bình bát ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pācittiya.*”

[Sự quy định lần hai]

4. **Tối đa mười ngày:** Là nên được cất giữ [hoặc sử dụng] nhiều nhất mười ngày.

Bình bát phụ trội nghĩa là chưa được chú nguyện để dùng riêng, chưa được chú nguyện để dùng chung.

Bình bát nghĩa là có hai loại bình bát: Bình bát sắt và bình bát đất. **Bình bát có ba dạng:** Bình bát cỡ lớn, bình bát cỡ vừa, bình bát cỡ nhỏ. Bình bát cỡ lớn, nghĩa là chứa được một nửa *ālhaka* cơm,¹⁹ một phần tư vật thực là thức ăn tương xứng với phần [cơm] ấy. **Bình bát cỡ vừa** nghĩa là chứa được một *nālīka* cơm, một phần tư vật thực là thức ăn tương xứng với phần [cơm] ấy. **Bình bát cỡ nhỏ** nghĩa là chứa được một *pattha*²⁰ cơm, một phần tư vật thực là thức ăn tương xứng với phần [cơm] ấy. Lớn hơn các cỡ ấy không phải là bình bát, nhỏ hơn không phải là bình bát.

Vượt quá hạn ấy thì [bình bát ấy] nên được xả bỏ: Đến lúc hừng đông ngày thứ mười một thì phạm vào tội *Nissaggiya*. [Bình bát ấy] cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và này các Tỳ-khuru, nên được xả bỏ như vậy: Vị Tỳ-khuru ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các Tỳ-khuru trưởng thượng, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vậy: “Bạch các ngài, bình bát này của tôi đã quá hạn mười ngày, cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ bình bát này đến hội chúng.” Sau khi xả bỏ, nên sám hối tội. Tội nên được ghi nhận bởi vị Tỳ-khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực và bình bát đã xả bỏ nên được cho lại.

“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Bình bát này thuộc về vị Tỳ-khuru tên [như vậy], là vật phạm vào tội *Nissaggiya* đã được xả bỏ đến hội

¹⁹ *Adḍhāḥakodanam* (*adḍha-ālhaka-odanam*). *Adḍha* là một nửa, *ālhaka* là đơn vị đo thể tích, *odanam* là cơm đã được nấu. Tuy nhiên, nên hiểu là “cơm đã được nấu từ 1/2 *ālhaka* gạo” (*VinA*. III. 703), chứ không phải “lượng cơm là 1/2 *ālhaka*.” Người Việt chúng ta cũng nói: Ăn hết 1 lon, là ăn hết 1 lon gạo chứ không phải 1 lon cơm, ngài Mahāsamaṇa Chao cũng giải thích tương tự; trong khi đó, dịch giả I. B. Horner dịch theo ý sau, nghĩa là “lượng cơm là 1/2 *ālhaka*.”

²⁰ Theo ngài Mahāsamaṇa Chao giải thích ở *Vinayamukha* thì 1 *ālhaka* = 4 *nālī*/*nālīka* = 8 *pattha* (1 *nālī* = 2 *pattha*). *Pattha* là lượng chứa do hai tay bưng lại. Khi dùng các lượng 1/2 *ālhaka*, 1 *nālī*, 1 *pattha* gạo rồi nấu lên thành cơm thì các lượng cơm ấy theo thứ tự là sức chứa đựng của ba loại bình bát cỡ lớn, cỡ vừa và cỡ nhỏ.

chúng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho lại bình bát này đến vị Tỳ-khuru tên [như vậy].”

Vị Tỳ-khuru ấy nên đi đến nhiều vị Tỳ-khuru, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các Tỳ-khuru trưởng thượng, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vậy: “Thưa các ngài, bình bát này của tôi đã quá hạn mười ngày cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến các Đại đức.” Sau khi xả bỏ, nên sám hối tội. Tội nên được ghi nhận bởi vị Tỳ-khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực và bình bát đã xả bỏ nên được cho lại.

“Xin chư Đại đức hãy lắng nghe tôi. Bình bát này thuộc về vị Tỳ-khuru tên [như vậy], là vật phạm vào tội *Nissaggiya* đã được xả bỏ đến chư Đại đức. Nếu là thời điểm thích hợp cho chư Đại đức, chư Đại đức nên cho lại bình bát này đến vị Tỳ-khuru tên [như vậy].”

5. Vị Tỳ-khuru ấy nên đi đến một vị Tỳ-khuru, đắp thượng y một bên vai, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vậy: “Thưa Đại đức, bình bát này của tôi đã quá hạn mười ngày, cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ bình bát này đến Đại đức.” Sau khi xả bỏ, nên sám hối tội. Tội nên được ghi nhận bởi vị Tỳ-khuru ấy và bình bát đã xả bỏ nên được cho lại: “Tôi cho lại Đại đức bình bát này.”

6. Khi quá hạn mười ngày, nhận biết là đã quá hạn thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Khi quá hạn mười ngày, có sự hoài nghi thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Khi quá hạn mười ngày, [lầm] tưởng là chưa quá hạn thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Khi chưa được chú nguyện để dùng riêng, [lầm] tưởng là đã được chú nguyện để dùng riêng thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Khi chưa được chú nguyện để dùng chung, [lầm] tưởng là đã được chú nguyện để dùng chung thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Khi chưa được phân phát, [lầm] tưởng là đã được phân phát thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Khi không bị mất trộm, [lầm] tưởng là đã bị mất trộm thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Khi không bị hư hỏng, [lầm] tưởng là đã bị hư hỏng thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Khi không bị bể, [lầm] tưởng là đã bị bể thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Khi không bị cướp, [lầm] tưởng là đã bị cướp thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Bình bát phạm vào tội *Nissaggiya*, không xả bỏ rồi sử dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi chưa quá hạn mười ngày, [lầm] tưởng là đã quá hạn thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi chưa quá hạn mười ngày, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi chưa quá hạn mười ngày, nhận biết là chưa quá hạn thì vô tội.

7. Trong thời hạn mười ngày, vị chú nguyện để dùng riêng, vị chú nguyện để dùng chung, vị phân phát, [bình bát] bị mất trộm, [bình bát] bị hư hỏng, [bình bát] bị bể, [những người khác] cướp rồi lấy đi, [các vị khác] lấy đi do sự thân thiết, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

8. Vào lúc bảy giờ, các Tỳ-khuru nhóm Lục Sư không cho lại bình bát đã được xả bỏ. Các Tỳ-khuru đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, không nên không cho lại bình bát đã được xả bỏ; vị nào không cho lại thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Dứt điều học về bình bát.

--oo0oo--

5.3.2. ĐIỀU HỌC VỀ CHƯA ĐỦ NĂM MIẾNG VÁ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự giữa dân chúng dòng Sakya, trong thành Kapilavatthu, tu viện Nigrodha. Vào lúc bấy giờ, có người thợ làm đồ gốm nọ đã thỉnh cầu các Tỳ-khuru rằng: “Các ngài Đại đức nào có nhu cầu về bình bát, tôi sẽ dâng bình bát.” Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khuru không biết chừng mực và yêu cầu nhiều bình bát. Những vị có các bình bát nhỏ thì yêu cầu các bình bát lớn. Những vị có các bình bát lớn thì yêu cầu các bình bát nhỏ. Khi ấy, trong lúc làm nhiều bình bát cho các Tỳ-khuru, người thợ làm đồ gốm ấy không thể làm hàng khác để bán nên không nuôi nổi bản thân, ngay cả vợ con của người này cũng phải chịu khổ sở. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Tại sao các Sa-môn Thích tử này lại không biết chừng mực và yêu cầu nhiều bình bát? Người này trong lúc làm nhiều bình bát cho các vị này, không thể làm hàng khác để bán nên không nuôi nổi bản thân, ngay cả vợ con của người này cũng phải chịu khổ sở.” Các Tỳ-khuru đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khuru nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vì sao các Tỳ-khuru lại không biết chừng mực và yêu cầu nhiều bình bát?”

2. Sau đó, các vị Tỳ-khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, nghe nói các người không biết chừng mực và yêu cầu nhiều bình bát, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Nay các Tỳ-khuru, vì sao những kẻ rồ dại ấy lại không biết chừng mực và yêu cầu nhiều bình bát vậy? Nay các Tỳ-khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khuru rằng:

– Nay các Tỳ-khuru, không nên yêu cầu bình bát, vị nào yêu cầu thì phạm tội *Dukkaṭa*.

3. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ có bình bát bị bể. Khi ấy, vị Tỳ-khuru ấy [nghĩ rằng]: “Đức Thế Tôn đã cấm đoán yêu cầu bình bát”, trong lúc ngần ngại không yêu cầu, rồi đi khát thực bằng hai bàn tay. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Tại sao các Sa-môn Thích tử lại đi khát thực bằng hai bàn tay giống như là các ngoại đạo vậy?” Các Tỳ-khuru đã nghe được những người

ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khuru rằng:

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép vị có bình bát bị hư hỏng hoặc bình bát bị bể được yêu cầu về bình bát.

4. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khuru nhóm Lục Sư [nghĩ rằng]: “Đức Phật đã cho phép vị có bình bát bị hư hỏng hoặc bình bát bị bể được yêu cầu về bình bát”, các vị ấy với [bình bát] bị bể chỉ chút ít, bị lủng chỉ chút ít, chỉ với chút ít bị trầy lại không biết chừng mực và yêu cầu nhiều bình bát. Khi ấy, trong lúc làm nhiều bình bát cho các Tỳ-khuru, người thợ làm đồ gốm ấy giống như trước đây, không thể làm hàng khác để bán nên không nuôi nổi bản thân, ngay cả vợ con của người này cũng phải chịu khổ sở. Tương tự y như thế, dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Tại sao các Sa-môn Thích tử lại không biết chừng mực và yêu cầu nhiều bình bát? Người này trong lúc làm nhiều bình bát cho các vị này, không thể làm hàng khác để bán nên không nuôi nổi bản thân, ngay cả vợ con của người này cũng phải chịu khổ sở.”

5. Các Tỳ-khuru đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khuru nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vì sao các Tỳ-khuru nhóm Lục Sư với [bình bát] bị bể chỉ chút ít, bị lủng chỉ chút ít, chỉ với chút ít bị trầy lại không biết chừng mực và yêu cầu nhiều bình bát?” Sau đó, các vị Tỳ-khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, nghe nói các người với [bình bát] bị bể chỉ chút ít, bị lủng chỉ chút ít, bị nứt chỉ chút ít, chỉ với chút ít bị trầy lại không biết chừng mực và yêu cầu nhiều bình bát, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Nay những kẻ rồ dại, vì sao các người với [bình bát] bị bể chỉ chút ít, bị lủng chỉ chút ít, bị nứt chỉ chút ít, chỉ với chút ít bị trầy lại không biết chừng mực và yêu cầu nhiều bình bát vậy? Nay những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và nay các Tỳ-khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị Tỳ-khuru nào với bình bát chưa đủ năm miếng và mà kiếm thêm bình bát mới khác thì [bình bát mới ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pācittiya. Vị Tỳ-khuru ấy nên xả bỏ bình bát ấy đến tập thể các Tỳ-khuru. Và cái nào là bình bát cuối cùng của tập thể các Tỳ-khuru ấy, cái ấy nên trao đến vị Tỳ-khuru ấy: ‘Này Tỳ-khuru, đây là bình bát của người, nên giữ lấy cho đến khi bể.’ Đây là điều đúng đắn trong trường hợp ấy.”

6. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khuru: ...(nt)... Vị này là “vị Tỳ-khuru” được đề cập trong ý nghĩa này.

Chưa đủ năm miếng vá nghĩa là bình bát không có miếng vá, hoặc một miếng vá, hoặc hai miếng vá, hoặc ba miếng vá, hoặc bốn miếng vá. **Bình bát không chỗ đắp vá** nghĩa là bình bát không có lỗ thủng rộng hai ngón tay.²¹

Bình bát có chỗ đắp vá nghĩa là bình bát có lỗ thủng rộng hai ngón tay.

Bình bát mới nghĩa là liên quan việc yêu cầu được đề cập đến.

Kiểm thêm: Vị yêu cầu, trong khi tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do sự đặt được thì phạm vào tội *Nissaggiya*, [bình bát ấy] cần được xả bỏ ở giữa hội chúng. Tất cả các Tỳ-khuru nên mang theo bình bát đã chú nguyện và tự hội lại. Không nên chú nguyện bình bát kém cỏi [nghĩ rằng]: “Ta sẽ lấy bình bát cao giá.” Nếu vị chú nguyện bình bát kém cỏi [nghĩ rằng]: “Ta sẽ lấy bình bát cao giá” thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Và này các Tỳ-khuru, nên được xả bỏ như vậy: Vị Tỳ-khuru ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các Tỳ-khuru trưởng thượng, ngồi chồm hổm, chấp tay lên và nên nói như vậy: “Bạch các ngài, bình bát này của tôi đã được kiểm thêm khi bình bát chưa đủ năm miếng vá, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ bình bát này đến hội chúng.” Sau khi xả bỏ, nên sám hối tội. Tội nên được ghi nhận bởi vị Tỳ-khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực.

Nên chỉ định vị chuyển đổi bình bát là vị Tỳ-khuru hội đủ năm điều kiện: Là vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, không thể bị chi phối bởi sự sân hận, không thể bị chi phối bởi sự si mê, không thể bị chi phối bởi sự sợ hãi, là vị biết vật đã được lấy hay chưa được lấy. Và này các Tỳ-khuru, nên chỉ định như vậy: Trước hết, vị Tỳ-khuru cần được yêu cầu; sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị Tỳ-khuru tên [như vậy] là vị chuyển đổi bình bát. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định vị Tỳ-khuru tên [như vậy] là vị chuyển đổi bình bát. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định vị Tỳ-khuru tên [như vậy] là vị chuyển đổi bình bát xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Vị Tỳ-khuru tên [như vậy] đã được hội chúng chỉ định là vị chuyển đổi bình bát. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

Bình bát nên được chuyển đổi bởi vị Tỳ-khuru đã được chỉ định ấy. Nên nói với vị Trưởng lão rằng: “Thưa ngài, xin Trưởng lão nhận lấy bình bát.” Nếu vị Trưởng lão nhận lấy, bình bát của vị Trưởng lão nên được chuyển đổi đến vị thứ nhì. Và không nên vì lòng thương hại vị ấy mà không nhận lấy, vị nào không

²¹ *Dvaṅgula* (hai lòng tay): *Āṅgula* là chiều dài của lòng tay, tương đương độ dài của 7 hạt gạo (*VibhA*. 343). *The Buddhist Monastic Code* cho biết: Độ dài của hai lòng tay (*dvaṅgula*) khoảng 2 inches = 5,08cm.

nhận lấy²² thì phạm tội *Dukkata*. Vị không có bình bát không được chuyển đổi. Nên được chuyển đổi cho đến vị mới tu của hội chúng theo đúng phương thức ấy. Và cái nào là bình bát cuối cùng của tập thể các Tỳ-khuru ấy, cái ấy nên trao đến vị Tỳ-khuru ấy: “Này Tỳ-khuru, đây là bình bát của người, nên giữ lấy cho đến khi bẻ.” Vị Tỳ-khuru ấy không nên để xuống bình bát ấy không đúng chỗ, không nên sử dụng sai với cách thức dùng,²³ không nên phân phát đi [nghĩ rằng]: “Làm thế nào bình bát này bị trộm, hoặc bị hư hỏng, hoặc bị bẻ?” Nếu để xuống không đúng chỗ, hoặc sử dụng sai với cách thức dùng, hoặc phân phát thì phạm tội *Dukkata*.

Đây là điều đúng đắn trong trường hợp ấy: Đây là điều hợp lý trong trường hợp ấy.

7. Với bình bát không miếng vá, vị kiểm thêm bình bát không miếng vá thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Với bình bát không miếng vá, vị kiểm thêm bình bát một miếng vá ... bình bát hai miếng vá ... bình bát ba miếng vá ... bình bát bốn miếng vá thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*.

8. Với bình bát một miếng vá, vị kiểm thêm bình bát không miếng vá ... bình bát một miếng vá ... bình bát hai miếng vá ... bình bát ba miếng vá ... bình bát bốn miếng vá thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*.

9. Với bình bát hai miếng vá, vị kiểm thêm bình bát không miếng vá ... bình bát một miếng vá ... bình bát hai miếng vá ... bình bát ba miếng vá ... bình bát bốn miếng vá thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*.

10. Với bình bát ba miếng vá, vị kiểm thêm bình bát không miếng vá ... bình bát một miếng vá ... bình bát hai miếng vá ... bình bát ba miếng vá ... bình bát bốn miếng vá thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*.

11. Với bình bát bốn miếng vá, vị kiểm thêm bình bát không miếng vá ... bình bát một miếng vá ... bình bát hai miếng vá ... bình bát ba miếng vá ... bình bát bốn miếng vá thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*.

12. Với bình bát không miếng vá, vị kiểm thêm bình bát không chỗ đắp vá. Với bình bát không miếng vá, vị kiểm thêm bình bát một chỗ đắp vá ... bình bát hai chỗ đắp vá ... bình bát ba chỗ đắp vá ... bình bát bốn chỗ đắp vá thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*.

13. Với bình bát một miếng vá, vị kiểm thêm bình bát không chỗ đắp vá ... bình bát một chỗ đắp vá ... bình bát hai chỗ đắp vá ... bình bát ba chỗ đắp vá ... bình bát bốn chỗ đắp vá thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*.

²² Theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa thì vị nào vì lòng thương hại mà không nhận lấy thì mới phạm tội *Dukkata*, còn vị tự biết đủ [nghĩ rằng]: “Bình bát khác cho tôi làm gì?” rồi không nhận lấy thì vô tội (*VinA*. III. 708).

²³ Ngài Buddhaghosa giải thích rằng: “Không nên sử dụng sai với cách thức dùng, ví dụ như nấu cơm, nấu cháo, nấu thuốc nhuộm, v.v... Tuy nhiên, khi đi đường xa, nếu bị bệnh và không có vật gì để nấu thì nên bôi đất sét ở bên ngoài rồi nấu cháo hoặc nấu nước” (*VinA*. III. 709).

14. Với bình bát hai miếng vá, vị kiểm thêm bình bát không chỗ đắp vá ... bình bát một chỗ đắp vá ... bình bát hai chỗ đắp vá ... bình bát ba chỗ đắp vá ... bình bát bốn chỗ đắp vá thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*.

15. Với bình bát ba miếng vá, vị kiểm thêm bình bát không chỗ đắp vá ... bình bát một chỗ đắp vá ... bình bát hai chỗ đắp vá ... bình bát ba chỗ đắp vá ... bình bát bốn chỗ đắp vá thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*.

16. Với bình bát bốn miếng vá, vị kiểm thêm bình bát không chỗ đắp vá ... bình bát một chỗ đắp vá ... bình bát hai chỗ đắp vá ... bình bát ba chỗ đắp vá ... bình bát bốn chỗ đắp vá thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*.

17. Với bình bát không chỗ đắp vá, vị kiểm thêm bình bát không miếng vá ... bình bát một miếng vá ... bình bát hai miếng vá ... bình bát ba miếng vá ... bình bát bốn miếng vá ... Với bình bát một chỗ đắp vá, ... Với bình bát hai chỗ đắp vá, ... Với bình bát ba chỗ đắp vá, ... Với bình bát bốn chỗ đắp vá, vị kiểm thêm bình bát không miếng vá ... bình bát một miếng vá ... bình bát hai miếng vá ... bình bát ba miếng vá ... bình bát bốn miếng vá ... Với bình bát không chỗ đắp vá, vị kiểm thêm bình bát không chỗ đắp vá ... bình bát một chỗ đắp vá ... bình bát hai chỗ đắp vá ... bình bát ba chỗ đắp vá ... bình bát bốn chỗ đắp vá thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*.

18. Với bình bát một chỗ đắp vá, vị kiểm thêm bình bát không chỗ đắp vá ... bình bát một chỗ đắp vá ... bình bát hai chỗ đắp vá ... bình bát ba chỗ đắp vá ... bình bát bốn chỗ đắp vá thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*.

19. Với bình bát hai chỗ đắp vá, ... Với bình bát ba chỗ đắp vá, vị kiểm thêm bình bát không chỗ đắp vá ... bình bát một chỗ đắp vá ... bình bát hai chỗ đắp vá ... bình bát ba chỗ đắp vá ... bình bát bốn chỗ đắp vá thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*.

20. Với bình bát bốn chỗ đắp vá, vị kiểm thêm bình bát không chỗ đắp vá ... bình bát một chỗ đắp vá ... bình bát hai chỗ đắp vá ... bình bát ba chỗ đắp vá ... bình bát bốn chỗ đắp vá thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*.

21. Vị có bình bát bị hư hỏng, vị có bình bát bị bể, đối với các thân quyến, đối với những người đã nói lời thỉnh cầu, vì nhu cầu của vị khác, bằng vật sở hữu của bản thân, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều học về chưa đủ năm miếng vá.

--oo0oo--

5.3.3. ĐIỀU HỌC VỀ DƯỢC PHẨM

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngụ tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Pilindivaccha ở thành Rājagaha có ý muốn làm chỗ trú ngụ nên cho người dọn sạch sẽ hang núi. Khi ấy, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã đi đến gặp Đại đức Pilindivaccha,

sau khi đến đã đánh lễ Đại đức Pilindivaccha rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã nói với Đại đức Pilindivaccha điều này:

- Thưa ngài, ngài Trưởng lão cho làm cái gì vậy?
- Tâu Đại vương, tôi có ý muốn làm chỗ trú ngụ nên cho người dọn sạch sẽ hang núi.
- Thưa ngài, ngài có nhu cầu về người giúp việc tu viện không?
- Tâu Đại vương, đức Thế Tôn chưa có cho phép về người giúp việc tu viện.
- Thưa ngài, như thế thì ngài hãy hỏi đức Thế Tôn, rồi báo cho trăm biết.
- Tâu Đại vương, xin vâng.

Đại đức Pilindivaccha đã đáp lời đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha.

Khi ấy, Đại đức Pilindivaccha đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha bằng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được Đại đức Pilindivaccha chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Đại đức Pilindivaccha, hướng vai phải nhiều quanh rồi ra đi.

2. Sau đó, Đại đức Pilindivaccha đã phái sứ giả đi đến gặp đức Thế Tôn [thưa rằng]: “Bạch Ngài, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha có ý muốn ban cho người giúp việc tu viện. Bạch Ngài, vậy nên thực hành như thế nào?” Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khuru lại, đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khuru rằng:

- Này các Tỳ-khuru, Ta cho phép người giúp việc tu viện.

Đến lần thứ nhì, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã đi đến gặp Đại đức Pilindivaccha, sau khi đến đã đánh lễ Đại đức Pilindivaccha rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã nói với Đại đức Pilindivaccha điều này:

- Thưa ngài, người giúp việc tu viện có được đức Thế Tôn cho phép không?
- Tâu Đại vương, đã được rồi.
- Thưa ngài, như vậy thì trăm ban cho ngài Đại đức người giúp việc tu viện.

Rồi sau khi hứa với Đại đức Pilindivaccha về người giúp việc tu viện, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã không ghi nhớ. Sau một thời gian dài, đức Vua khi phục hồi lại ký ức, đã bảo viên quan đại thần nọ là vị tổng quản rằng:

- Này khanh, người giúp việc tu viện đã được trăm hứa với ngài Đại đức, người giúp việc tu viện ấy đã được ban cho chưa?
- Tâu Bệ hạ, người giúp việc tu viện chưa được ban đến ngài Đại đức.
- Này khanh, tính đến đêm nay là đã bao lâu rồi vậy?

Khi ấy, viên quan đại thần ấy sau khi tính đếm số lượng đêm, rồi đã tâu với đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha điều này:

– Tâu Bệ hạ, năm trăm đêm.

– Nay khanh, như vậy thì hãy ban cho ngài Đại đức năm trăm người giúp việc tu viện.

– Tâu Bệ hạ, xin vâng.

Rồi vị quan đại thần đã vâng lệnh đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, dâng đến Đại đức Pilindivaccha năm trăm người giúp việc tu viện. Một ngôi làng riêng biệt đã được thiết lập. Họ đã gọi nơi ấy là “Ngôi làng của những người giúp việc tu viện.” Họ đã gọi nơi làng ấy là “Ngôi làng Pilinda.”

3. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Pilindivaccha là vị thường hay lui tới ngôi làng ấy. Khi ấy vào buổi sáng, Đại đức Pilindivaccha đã mặc y, cầm y bát, rồi đi vào ngôi làng Pilinda để khát thực. Vào lúc bấy giờ, trong ngôi làng ấy có lễ hội. Những đứa trẻ được trang điểm, đeo vòng hoa và đùa giỡn.

4. Khi ấy, Đại đức Pilindivaccha trong lúc đi khát thực theo từng nhà ở làng Pilinda đã đi đến căn nhà của người giúp việc tu viện nọ, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Vào lúc bấy giờ, cô bé gái con của người đàn bà giúp việc tu viện ấy nhìn thấy những đứa trẻ khác được trang điểm, đeo vòng hoa, nên đã òa khóc:

– Cho con vòng hoa, cho con đồ trang sức.

Khi ấy, Đại đức Pilindivaccha đã nói với người đàn bà giúp việc tu viện ấy điều này:

– Vì sao bé gái này khóc vậy?

– Thưa ngài, bé gái này nhìn thấy những đứa trẻ khác được trang điểm, đeo vòng hoa, nên đã òa khóc: “Cho con vòng hoa, cho con đồ trang sức.” Chúng tôi lâm cảnh khó khăn, lấy đâu ra vòng hoa, lấy đâu ra đồ trang sức?

Khi ấy, Đại đức Pilindivaccha đã cầm lấy vòng cổ nọ, rồi nói với người đàn bà giúp việc tu viện ấy điều này:

–Vậy thì hãy đội vòng cổ này lên đầu của bé gái ấy đi.

Khi ấy, người đàn bà giúp việc tu viện ấy đã cầm lấy vòng cổ ấy rồi đội lên đầu của đứa bé gái ấy. Vòng cổ ấy đã trở thành vòng hoa bằng vàng đẹp đẽ, xinh xắn, duyên dáng; trong nội cung của đức vua cũng không có được vòng hoa bằng vàng như thế ấy. Dân chúng đã trình báo lên đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha rằng:

– Tâu Bệ hạ, trong nhà của người giúp việc tu viện kia có vòng hoa bằng vàng đẹp đẽ, xinh xắn, duyên dáng; trong nội cung của đức vua cũng không có được vòng hoa bằng vàng như thế ấy. Đối với kẻ lâm cảnh khó khăn ấy thì lấy đâu ra? Chắc chắn là có được do trộm cắp.

Khi ấy, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã ra lệnh bắt giữ gia đình của người giúp việc tu viện ấy.

5. Đến lần thứ nhì, vào buổi sáng, Đại đức Pilindivaccha đã mặc y, cầm y bát, rồi đi vào ngôi làng Pilinda để khát thực. Trong khi đi khát thực tuần tự từng nhà ở ngôi làng Pilinda, Đại đức Pilindivaccha đã đi đến căn nhà của người giúp việc tu viện ấy, sau khi đến đã hỏi những người hàng xóm rằng:

- Gia đình của người giúp việc tu viện này đã đi đâu?
- Thưa ngài, họ đã bị đức vua ra lệnh bắt giữ vì nguyên nhân vòng hoa bằng vàng ấy.

6. Khi ấy, Đại đức Pilindivaccha đã đi đến ngự viện của đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Khi ấy, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã đi đến gặp Đại đức Pilindivaccha, sau khi đến đã đánh lễ Đại đức Pilindivaccha rồi ngồi xuống ở một bên. Đại đức Pilindivaccha đã nói với đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đang ngồi một bên điều này:

- Tâu Đại vương, vì sao gia đình của người giúp việc tu viện lại bị ra lệnh bắt giữ?
- Thưa ngài, trong nhà của người giúp việc tu viện ấy có vòng hoa bằng vàng đẹp đẽ, xinh xắn, duyên dáng; trong nội cung của trăm cũng không có được vòng hoa bằng vàng như thế ấy. Đối với kẻ lâm cảnh khó khăn ấy thì lấy đâu ra? Chắc chắn là có được do trộm cắp.

Khi ấy, Đại đức Pilindivaccha đã chú nguyện rằng: “Cung điện của đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha là vàng”; cung điện ấy đã trở thành hoàn toàn làm bằng vàng.

- Tâu Đại vương, do đâu Đại vương lại có nhiều vàng đến thế này?
- Thưa ngài, trăm đã hiểu rồi. Việc ấy là năng lực thần thông của chính ngài Đại đức.

Rồi đức vua đã ra lệnh thả gia đình người giúp việc tu viện ấy.

7. Dân chúng [đồn rằng]: “Nghe nói ngài Đại đức Pilindivaccha đã phô bày điều kỳ diệu của thần thông là pháp thượng nhân trước triều thần có cả đức vua nữa” nên đã hoan hỷ, có niềm tin cao độ, rồi đã đem đến dâng Đại đức Pilindivaccha năm loại dược phẩm như là bơ lỏng, bơ đặc, dầu ăn, mật ong, đường mía. Và theo lẽ tự nhiên, Đại đức Pilindivaccha trở thành vị thọ lãnh năm loại dược phẩm và phân phát cho hội chúng mỗi khi được thọ lãnh. Và hội chúng của vị ấy trở nên dư dả. Rồi tiếp tục được thọ lãnh, các vị chứa đầy các hũ và các chum rồi để riêng ra; các vị chứa đầy các túi lọc nước và các túi xách rồi treo lên ở các cửa sổ. Các loại dược phẩm ấy đã bị rỉ xuống, chảy ra và vẫn ở nguyên chỗ. Các trú xá đã có chuột xuất hiện rải rác, rồi tràn ngập. Dân chúng trong khi đi dạo quanh các trú xá nhìn thấy rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

“Các Sa-môn Thích tử này là những người tích trữ đồ đạc trong nhà giống như là đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha vậy!” Các Tỳ-khuru đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khuru nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vì sao các Tỳ-khuru lại chấp nhận sự thặng dư như thế này?”

8. Sau đó, các vị Tỳ-khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, nghe nói các Tỳ-khuru chấp nhận sự thặng dư như thế ấy, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Nay các Tỳ-khuru, vì sao những kẻ rò dại ấy lại chấp nhận sự thặng dư như thế ấy? Nay các Tỳ-khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và nay các Tỳ-khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Các loại được phẩm nào được dùng cho các Tỳ-khuru bị bệnh như là bơ lỏng, bơ đặc, dầu ăn, mật ong, đường mía. Các thứ ấy sau khi thọ lãnh nên được thọ dụng với sự cất giữ tối đa là bảy ngày. Vượt quá hạn ấy thì nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pācittiya.”

9. Các loại được phẩm nào được dùng cho các Tỳ-khuru bị bệnh: Bơ lỏng, nghĩa là bơ lỏng từ loài bò, hoặc là bơ lỏng từ loài dê, hoặc là bơ lỏng từ loài trâu, hoặc là bơ lỏng của các loài thú nào có thịt được phép [thọ dụng].²⁴

Bơ đặc nghĩa là bơ đặc của chính các loài thú ấy.

Dầu ăn nghĩa là dầu mè, dầu hạt mù tạt, dầu có chứa mật ong, dầu cây *eraṇḍa*, dầu từ mỡ thú.

Mật ong nghĩa là mật của loài ong.

Đường mía nghĩa là được sản xuất từ cây mía.

Các thứ ấy sau khi thọ lãnh nên được thọ dụng với sự cất giữ tối đa là bảy ngày: Nên được thọ dụng nhiều nhất là bảy ngày.

Vượt quá hạn ấy thì nên được xả bỏ: Đến lúc hừng đông vào ngày thứ tám thì phạm vào tội *Nissaggiya*, [được phẩm ấy] cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và nay các Tỳ-khuru, nên được xả bỏ như vậy: ...(nt)... “Bạch các ngài, được phẩm này của tôi đã vượt quá hạn bảy ngày, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến hội chúng.” ...(nt)... hội chúng nên cho lại ...(nt)... chư Đại đức nên cho lại ...(nt)... “Tôi cho lại Đại đức.”

10. Khi quá hạn bảy ngày, nhận biết là đã quá hạn thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Khi quá hạn bảy ngày, có sự hoài nghi thì phạm tội *Nissaggiya*

²⁴ Vị Tỳ-khuru không được dùng mười loại thịt: Thịt người, thịt voi, thịt ngựa, thịt chó, thịt rắn, thịt sư tử, thịt hổ, thịt beo, thịt gấu, thịt chó sói (*TTTĐPGVN*, tập 11, tr. 283-87; *TTPV*, tập 5, Mv. II, chương VI, tr. 37-42).

Pācittiya. Khi quá hạn bảy ngày, [lầm] tưởng là chưa quá hạn thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Khi chưa quyết định, [lầm] tưởng là đã quyết định thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*.

11. Khi chưa được phân phát, [lầm] tưởng là đã phân phát, ... Khi không bị mất trộm, [lầm] tưởng là đã bị mất trộm, ... Khi không bị hư hỏng, [lầm] tưởng là đã bị hư hỏng, ... Khi không bị cháy, [lầm] tưởng là đã bị cháy, ... Khi không bị cướp, [lầm] tưởng là đã bị cướp thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*.

12. Sau khi nhận lại vật đã xả bỏ, không nên sử dụng bằng cách dùng ở trên cơ thể, không nên nuốt vào. Nên sử dụng cho đèn hoặc sơn màu đen. Vị Tỳ-khuru khác có thể sử dụng bằng cách dùng ở trên cơ thể, [nhưng] không nên nuốt vào.

13. Khi chưa quá hạn bảy ngày, [lầm] tưởng là đã quá hạn thì phạm tội *Dukkata*. Khi chưa quá hạn bảy ngày, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkata*. Khi chưa quá hạn bảy ngày, nhận biết là chưa quá hạn thì vô tội.

14. Trong thời hạn bảy ngày, vị quyết định;²⁵ vị phân phát; [được phẩm] bị mất trộm; [được phẩm] bị hư hỏng; [được phẩm] bị cháy; [những người khác] cướp rồi lấy đi; [các vị khác] lấy đi do sự thân thiết; vị không mong mỏi với vật đã được hy sinh, đã được từ bỏ, đã được dứt bỏ đến người chưa tu lên bậc trên, sau khi cho rồi được lại và thọ dụng; vị bị điên; vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều học về được phẩm.

--oo0oo--

5.3.4. ĐIỀU HỌC VỀ VẢI CHOÀNG TẮM MƯA

1. Lúc bảy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, vải choàng tắm mưa đã được đức Thế Tôn cho phép đến các Tỳ-khuru. Các Tỳ-khuru nhóm Lục Sư [nghĩ rằng]: “Vải choàng tắm mưa đã được đức Thế Tôn cho phép” nên đã tìm kiếm y choàng tắm mưa trước thời hạn, sau khi làm trước thời hạn rồi mặc vào, đến khi vải choàng tắm mưa đã cũ thì [các vị] lỏa thể và để mưa làm ướt thân hình. Các Tỳ-khuru nào ít ham muốn, các vị ấy phản nản, phê phán, chê bai rằng: “Vì sao các Tỳ-khuru nhóm Lục Sư lại tìm kiếm y choàng tắm mưa trước thời hạn, sau khi làm trước thời hạn rồi mặc vào, đến khi vải choàng tắm mưa đã cũ thì [các vị] lỏa thể và để mưa làm ướt thân hình?” Sau đó, các vị Tỳ-khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, nghe nói các người tìm kiếm y choàng tắm mưa trước thời hạn, sau khi làm trước thời hạn rồi mặc vào, đến khi vải choàng tắm mưa đã cũ thì [các người] lỏa thể và để mưa làm ướt thân hình, có đúng không vậy?

²⁵ Ví dụ như khi được phát sanh dầu ăn thì được cất giữ trong thời hạn bảy ngày, trường hợp quyết định làm dầu bôi ở đầu, thuốc thoa tay chân và vết thương thì không phạm tội. Lý do là vì khi sử dụng làm thuốc thoa nên trở thành vật có thể cất giữ đến hết đời (*VinA*. III. 718).

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Nay những kẻ rồ dại, vì sao các người lại tìm kiếm y choàng tắm mưa trước thời hạn, sau khi làm trước thời hạn rồi mặc vào, đến khi vải choàng tắm mưa đã cũ thì [các người] lại lỏa thể và để mưa làm ướt thân hình vậy? Nay các Tỷ-khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và nay các Tỷ-khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“[Biết rằng]: ‘Mùa nóng còn lại là một tháng’, vị Tỷ-khuru nên tìm kiếm y choàng tắm mưa. [Biết rằng]: ‘Mùa nóng còn lại là nửa tháng’, vị làm xong thì nên mặc. Nếu [biết rằng]: ‘Mùa nóng còn lại là hơn một tháng’, rồi tìm kiếm y choàng tắm mưa, [nếu biết rằng]: ‘Mùa nóng còn lại là hơn nửa tháng’, sau khi làm xong rồi mặc vào thì [y ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pācittiya.”

2. [Biết rằng]: “Mùa nóng còn lại là một tháng”, vị Tỷ-khuru nên tìm kiếm y choàng tắm mưa: Nên đi đến gặp những người nào trước đây dâng y choàng tắm mưa và nên nói như vậy: “Là thời điểm của vải choàng tắm mưa, là lúc của vải choàng tắm mưa, những người khác cũng dâng y choàng tắm mưa.” Không nên nói rằng: “Hãy dâng y choàng tắm mưa cho tôi, hãy mang lại y choàng tắm mưa cho tôi, hãy sắm y choàng tắm mưa cho tôi, hãy mua y choàng tắm mưa cho tôi.”

[Biết rằng]: “Mùa nóng còn lại là nửa tháng”, vị làm xong thì nên mặc: Khi mùa nóng còn lại là nửa tháng, sau khi làm xong thì nên mặc.

Nếu [biết rằng]: “Mùa nóng còn lại là hơn một tháng”: Khi mùa nóng còn lại là trội hơn một tháng, vị tìm kiếm y choàng tắm mưa thì phạm vào tội *Nissaggiya*.

[Nếu biết rằng]: “Mùa nóng còn lại là hơn nửa tháng”: Khi mùa nóng còn lại là trội hơn nửa tháng, vị làm xong và mặc vào thì phạm vào tội *Nissaggiya*. [Y ấy] cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và nay các Tỷ-khuru, nên được xả bỏ như vậy: ...(nt)... “Bạch các ngài, y choàng tắm mưa này của tôi đã được tìm kiếm khi mùa nóng còn lại là hơn một tháng, sau khi làm xong đã được mặc khi mùa nóng còn lại là hơn nửa tháng, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ [y] này đến hội chúng.” ...(nt)... hội chúng nên cho lại ...(nt)... chư Đại đức nên cho lại ...(nt)... “Tôi cho lại Đại đức.”

3. Khi mùa nóng còn lại là hơn một tháng, nhận biết là còn hơn [một tháng], vị tìm kiếm y choàng tắm mưa thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Khi mùa nóng còn lại là hơn một tháng, có sự hoài nghi, vị tìm kiếm y choàng tắm mưa thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Khi mùa nóng còn lại là hơn một tháng, [lầm] tưởng là ít hơn [một tháng], vị tìm kiếm y choàng tắm mưa thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*.

4. Khi mùa nóng còn lại là hơn nửa tháng, nhận biết là còn hơn [nửa tháng], vị làm xong rồi mặc vào thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Khi mùa nóng còn

lại là hơn nửa tháng, có sự hoài nghi, vị làm xong rồi mặc vào thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Khi mùa nóng còn lại là hơn nửa tháng, [lầm] tưởng là ít hơn [nửa tháng], vị làm xong rồi mặc vào thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*.

5. Nếu có y choàng tắm mưa mà lỏa thể và để mưa làm ướt thân hình thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi mùa nóng còn lại là ít hơn một tháng, [lầm] tưởng là nhiều hơn [một tháng] thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi mùa nóng còn lại là ít hơn một tháng, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi mùa nóng còn lại là ít hơn một tháng, nhận biết là ít hơn [một tháng] thì vô tội.

6. Khi mùa nóng còn lại là ít hơn nửa tháng, [lầm] tưởng là nhiều hơn [nửa tháng] thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi mùa nóng còn lại là ít hơn nửa tháng, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi mùa nóng còn lại là ít hơn nửa tháng, nhận biết là ít hơn [nửa tháng] thì vô tội.

7. Vị tìm kiếm y choàng tắm mưa khi [biết rằng]: “Mùa nóng còn lại là một tháng”; vị làm xong và mặc vào khi [biết rằng]: “Mùa nóng còn lại là nửa tháng”; vị tìm kiếm y choàng tắm mưa khi [biết rằng]: “Mùa nóng còn lại là ít hơn một tháng”; vị làm xong và mặc vào khi [biết rằng]: “Mùa nóng còn lại là ít hơn nửa tháng”; khi y choàng tắm mưa đã được tìm kiếm thì mùa mưa bị trễ, khi y choàng tắm mưa đã được mặc vào thì mùa mưa bị trễ, nên giặt rồi cất lại và nên mặc lúc đúng thời; vị có y bị cướp đoạt; vị có y bị mất trộm; khi có sự cố;²⁶ vị bị điên; vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Đứt điều học về vải choàng tắm mưa.

--oo0oo--

5.3.5. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC GIẶT LẠI Y

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, nói với vị Tỳ-khưu là đệ tử của người anh điều này:

- Nay Đại đức, hãy đến. Chúng ta sẽ ra đi, du hành trong xứ sở.
- Thưa ngài, tôi sẽ không đi. Y của tôi thì mảnh mai.
- Nay Đại đức, hãy đến. Ta sẽ cho người y.

Rồi [Đại đức Upananda] đã cho y đến vị ấy.

Vị Tỳ-khưu ấy đã nghe được rằng: “Nghe nói đức Thế Tôn sẽ ra đi, du hành trong xứ sở.” Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: “Giờ đây, ta sẽ không ra đi, du hành trong xứ sở với Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya nữa, ta sẽ ra đi, du hành trong xứ sở với đức Thế Tôn.” Sau đó, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya đã nói với vị Tỳ-khưu ấy điều này:

²⁶ Chú giải cho một ví dụ là vị mặc y choàng tắm trị giá cao trong khi tắm sẽ có sự nguy hiểm về trộm cướp (*VinA*. III. 723).

– Này Đại đức, hãy đến. Giờ đây, chúng ta sẽ ra đi, du hành trong xứ sở.

– Thưa ngài, tôi sẽ không ra đi, du hành trong xứ sở với ngài. Tôi sẽ ra đi, du hành trong xứ sở với đức Thế Tôn.

– Này Đại đức, y mà ta đã cho người là sẽ ra đi, du hành trong xứ sở với ta.

Rồi [Đại đức Upananda] nổi giận, bất bình, đã giật lại y.

2. Sau đó, vị Tỳ-khưu ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phản nản, phê phán, chê bai rằng: “Vì sao Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, sau khi tự mình cho y đến vị Tỳ-khưu lại nổi giận, bất bình rồi giật lại?” Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này Upananda, nghe nói người sau khi tự mình cho y đến vị Tỳ-khưu lại nổi giận, bất bình rồi giật lại, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này kẻ rồ dại, vì sao người sau khi tự mình cho y đến vị Tỳ-khưu lại nổi giận, bất bình rồi giật lại vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị Tỳ-khưu nào sau khi tự mình cho y đến vị Tỳ-khưu lại nổi giận, bất bình rồi giật lại, hoặc bảo giật lại thì [y ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pācittiya.”

3. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là “vị Tỳ-khưu” được đề cập trong ý nghĩa này.

Đến vị Tỳ-khưu: Là đến vị Tỳ-khưu khác.

Tự mình: Sau khi đích thân cho.

Ý nghĩa là bất cứ loại y nào thuộc về sáu loại y [có kích thước] tối thiểu cần phải chú nguyện để dùng chung.

Nổi giận, bất bình: Không được hài lòng, có tâm bức bối, sanh khởi lòng cay cú.

Giật lại: Tự mình giật lại thì phạm vào tội *Nissaggiya*.

Bảo giật lại: Ra lệnh người khác thì phạm tội *Dukkaṭa*. Được ra lệnh một lần, [vị nghe lệnh] dẫu giật lại nhiều lần, [vị ra lệnh] phạm [chỉ một] tội *Nissaggiya*. [Y ấy] cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vậy: ...(nt)... “Bạch các ngài, y này của tôi sau khi tự mình cho đến vị Tỳ-khưu rồi đã giật lại, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ [y] này đến hội chúng.” ...(nt)... hội chúng nên cho lại ...(nt)... chư Đại đức nên cho lại ...(nt)... “Tôi cho lại Đại đức.”

4. Người đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, sau khi tự mình cho y lại nổi giận, bắt bình rồi giặt lại, hoặc bảo giặt lại thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Người đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, ...(nt)... Người đã tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là chưa tu lên bậc trên, sau khi tự mình cho y lại nổi giận, bắt bình rồi giặt lại, hoặc bảo giặt lại thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*.

5. Sau khi cho vật dụng khác lại nổi giận, bắt bình rồi giặt lại, hoặc bảo giặt lại thì phạm tội *Dukkata*. Sau khi cho y hoặc vật dụng khác đến người chưa tu lên bậc trên lại nổi giận, bắt bình rồi giặt lại, hoặc bảo giặt lại thì phạm tội *Dukkata*. Người chưa tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là đã tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkata*. Người chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkata*. Người chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkata*.

6. Vị kia cho lại, hoặc lấy trong khi thân thiết với vị kia, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều học về việc giặt lại y.

--oo0oo--

5.3.6. ĐIỀU HỌC VỀ YÊU CẦU CHỈ SỢI

1. Lúc bảy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, Veluvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bảy giờ, các Tỷ-khuru nhóm Lục Sư trong thời hạn làm y đã yêu cầu nhiều chỉ sợi. Thậm chí, khi y đã làm xong vẫn còn lại nhiều chỉ sợi. Khi ấy, các Tỷ-khuru nhóm Lục Sư đã khởi ý điều này: “Này các Đại đức, chúng ta hãy yêu cầu thêm chỉ sợi khác nữa, rồi bảo các thợ dệt dệt thành y.” Sau đó, các Tỷ-khuru nhóm Lục Sư đã yêu cầu thêm chỉ sợi khác nữa, rồi bảo các thợ dệt dệt thành y. Thậm chí, khi y đã được dệt xong, vẫn còn lại nhiều chỉ sợi. Đến lần thứ nhì, các Tỷ-khuru nhóm Lục Sư đã yêu cầu thêm chỉ sợi khác nữa, rồi bảo các thợ dệt dệt thành y. Thậm chí, khi y đã được dệt xong, vẫn còn lại nhiều chỉ sợi. Đến lần thứ ba, các Tỷ-khuru nhóm Lục Sư đã yêu cầu thêm chỉ sợi khác nữa, rồi bảo các thợ dệt dệt thành y. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Tại sao các Sa-môn Thích tử lại tự mình yêu cầu chỉ sợi, rồi bảo các thợ dệt dệt thành y?”

2. Các Tỷ-khuru đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỷ-khuru nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vì sao các Tỷ-khuru nhóm Lục Sư lại tự mình yêu cầu chỉ sợi, rồi bảo các thợ dệt dệt thành y?” Sau đó, các vị Tỷ-khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỷ-khuru, nghe nói các người tự mình yêu cầu chỉ sợi, rồi bảo các thợ dệt dệt thành y, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Đây những kẻ rồ dại, vì sao các người lại tự mình yêu cầu chỉ sợi, rồi bảo các thợ dệt dệt thành y vậy? Đây những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và đây các Tỷ-khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“*Vị Tỷ-khuru nào tự mình yêu cầu chỉ sợi, rồi bảo các thợ dệt dệt thành y thì [y ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pācittiya.*”

3. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỷ-khuru: ...(nt)... Vị này là “vị Tỷ-khuru” được đề cập trong ý nghĩa này.

Tự mình: Sau khi đích thân yêu cầu.

Chỉ sợi nghĩa là sáu loại chỉ sợi: Loại bằng sợi lanh, loại bằng bông vải, loại bằng tơ lụa, loại bằng sợi len, loại bằng gai thô, loại bằng chỉ bò.

[Bối] các thợ dệt: Vị bảo các người làm công việc dệt vải [ra công] dệt, trong lúc thực hiện, [vị ấy] phạm tội *Dukkaṭa*. Do sự đạt được thì phạm vào tội *Nissaggiya*, [y ấy] cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và đây các Tỷ-khuru, nên được xả bỏ như vậy: ...(nt)... “Bạch các ngài, y này của tôi đã được tự mình yêu cầu chỉ sợi, rồi đã bảo các thợ dệt dệt thành, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ [y] này đến hội chúng.” ...(nt)... hội chúng nên cho lại ...(nt)... chư Đại đức nên cho lại ...(nt)... “Tôi cho lại Đại đức.”

4. Khi đã bảo dệt, nhận biết là đã bảo dệt thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Khi đã bảo dệt, có sự hoài nghi thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Khi đã bảo dệt, [lầm] tưởng là chưa bảo dệt thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*.

5. Khi chưa bảo dệt, [lầm] tưởng là đã bảo dệt thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi chưa bảo dệt, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi chưa bảo dệt, nhận biết là chưa bảo dệt thì vô tội.

6. [Yêu cầu chỉ sợi] để may y, trong trường hợp mạng vá, trường hợp dây thắt lưng, dây buộc ở vai, túi mang bình bát, đồ lọc nước, của các thân quyến, của những người đã nói lời thỉnh cầu, vì nhu cầu của vị khác, bằng vật sở hữu của bản thân, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều học về yêu cầu chỉ sợi.

--oo0oo--

5.3.7. ĐIỀU HỌC QUAN TRỌNG VỀ THỢ DỆT

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, có người đàn ông nọ sắp sửa đi vắng nhà đã nói với người vợ điều này:

– Hãy cân chỉ sợi rồi giao cho người thợ dệt kia, bảo dệt y rồi cắt lấy, khi nào về, tôi sẽ dâng y đến ngài Đại đức Upananda.

Trong khi người đàn ông ấy đang nói lời này, có vị Tỳ-khưu nọ là vị hành pháp khất thực đã nghe được. Sau đó, vị Tỳ-khưu ấy đã đi đến gặp Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, sau khi đến đã nói với Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya điều này:

– Nay Đại đức Upananda, ngài có phước báu lớn lao. Ở chỗ kia, có người đàn ông nọ sắp sửa đi vắng nhà đã nói với người vợ điều này: “Hãy cân chỉ sợi rồi giao cho người thợ dệt kia, bảo dệt y rồi cất lấy, khi nào về, tôi sẽ dâng y đến ngài Đại đức Upananda.”

– Nay Đại đức, đúng vậy. Ông ấy là người hộ độ cho tôi.

Người thợ dệt ấy cũng là người hộ độ cho Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya.

2. Sau đó, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya đã đi đến gặp người thợ dệt ấy, sau khi đến đã nói với người thợ dệt ấy điều này:

– Nay đạo hữu, y này được dệt dành riêng cho tôi. Hãy làm [y ấy] dài, rộng, chặt chẽ, hãy dệt cho khéo, dệt cho đều đặn, khéo cào, khéo chải.

– Thưa ngài, những người này đã cân chỉ sợi rồi giao cho tôi [nói rằng]: “Hãy dệt y với số chỉ sợi này.” Thưa ngài, không thể làm dài, hay rộng, hay chặt chẽ. Thưa ngài, có thể làm là dệt cho khéo, dệt cho đều đặn, khéo cào và khéo chải.

– Nay đạo hữu, người hãy làm dài, rộng và chặt chẽ. Sẽ không bị thiếu hụt về chỉ sợi cho người.

3. Sau đó, người thợ dệt ấy sau khi đưa vào máy dệt số chỉ sợi đã được mang lại, rồi đã đi đến gặp người đàn bà ấy, sau khi đến đã nói với người đàn bà ấy điều này:

– Thưa bà, có nhu cầu về chỉ sợi.

– Nay ông, không phải tôi đã nói với ông rằng: “Hãy dệt y với số chỉ sợi này.”

– Thưa bà, sự thật là tôi đã được bà nói rằng: “Hãy dệt y với số chỉ sợi này”; tuy nhiên, ngài Đại đức Upananda đã nói với tôi như vậy: “Nay đạo hữu, người hãy làm dài, rộng và chặt chẽ. Sẽ không bị thiếu hụt về chỉ sợi cho người.”

Khi ấy, người đàn bà ấy đã cho số lượng chỉ sợi lần sau y như số lượng lần thứ nhất.

4. Rồi Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya đã nghe được rằng: “Nghe nói người đàn ông ấy đi vắng nhà vừa mới trở về.” Sau đó, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya đã đi đến tư gia của người đàn ông ấy, sau khi đến đã ngồi xuống trên chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Khi ấy, người đàn ông ấy đã đi đến gặp Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, sau khi đến đã đánh lễ Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, người đàn ông ấy đã nói với người vợ điều này:

– Có phải y ấy đã được dệt?

– Ông à, đúng vậy. Y ấy đã được dặt.

– Hãy đem lại. Tôi sẽ dâng y cho ngài Đại đức Upananda.

Sau đó, người đàn bà ấy đã đem y ấy đến đưa cho chồng và đã kể lại sự việc ấy. Khi ấy, người đàn ông ấy sau khi dâng y đến Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Các Sa-môn Thích tử này thật ham muốn quá độ, không tự biết đủ. Không dễ gì mà dâng y cho những người này! Vì sao ngài Đại đức Upananda khi chưa được thỉnh cầu trước, lại đi đến gặp các thợ dệt và đưa ra sự cản dận về y?”

5. Các Tỳ-khưu đã nghe được người đàn ông ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vì sao Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya khi chưa được thỉnh cầu trước, lại đi đến gặp các thợ dệt của gia chủ và đưa ra sự cản dận về y?” Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này Upananda, nghe nói người khi chưa được thỉnh cầu trước, đã đi đến gặp các thợ dệt của gia chủ và đưa ra sự cản dận về y, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

– Này Upananda, là thân quyến của người hay không phải là thân quyến?

– Bạch Thế Tôn, không phải là thân quyến.

– Này kẻ rồ dại, người không phải là thân quyến không biết điều gì thích hợp hay không thích hợp, điều gì đúng hay không đúng đối với người không phải là thân quyến. Này kẻ rồ dại, trong trường hợp ấy, sao người khi chưa được thỉnh cầu trước, lại đi đến gặp các thợ dệt của gia chủ không phải là thân quyến và đưa ra sự cản dận về y? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Trường hợp có nam gia chủ hoặc nữ gia chủ không phải là thân quyến bảo các thợ dệt dệt thành y dành riêng cho vị Tỳ-khưu. Trong trường hợp ấy, nếu vị Tỳ-khưu ấy khi chưa được thỉnh cầu trước, lại đi đến gặp các thợ dệt và đưa ra sự cản dận về y: ‘Này đạo hữu, y này được dệt dành riêng cho tôi. Hãy làm [y ấy] dài, rộng, chắc chắn, hãy dệt cho khéo, dệt cho đều đặn, khéo cào, khéo chải. Có lẽ chúng tôi có thể biếu xén các ông vật gì đó.’ Và sau khi nói như vậy, nếu vị Tỳ-khưu ấy biếu xén vật gì đó, dầu chỉ là đồ ăn khát thực thì [y ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pācittiya.”

6. **Dành riêng cho vị Tỳ-khưu:** Vì nhu cầu của vị Tỳ-khưu, lấy vị Tỳ-khưu làm đối tượng, rồi có ý định dâng đến vị Tỳ-khưu.

Không phải là thân quyến nghĩa là người không có sự liên hệ họ hàng cho đến bảy thế hệ tổ tiên từ dòng bên mẹ hoặc từ dòng bên cha.

Nam gia chủ nghĩa là bất cứ người nam nào sống trong căn nhà.

Nữ gia chủ nghĩa là bất cứ người nữ nào sống trong căn nhà.

[Bỏ] các thợ dệt: [Bỏ] các người làm công việc dệt vải.

Y nghĩa là bất cứ loại y nào thuộc về sáu loại y [có kích thước] tối thiểu cần phải chú nguyện để dùng chung.

Bảo dệt: Bảo đan lại.

Trong trường hợp ấy, nếu vị Tỳ-khuru ấy: Vị Tỳ-khuru ấy là vị Tỳ-khuru mà y được dệt dành riêng cho.

Khi chưa được thỉnh cầu trước: Chưa được nói trước rằng: “Thưa ngài, ngài có nhu cầu với loại y như thế nào? Tôi sẽ dệt cho ngài y như thế nào?”

Đi đến gặp các thợ dệt: Sau khi đi đến nhà, sau khi đi đến gặp ở bất cứ nơi nào.

Đưa ra sự căn dặn về y: [Nói rằng]: “Này đạo hữu, y này được dệt dành riêng cho tôi. Hãy làm [y ấy] dài, rộng, dày, hãy dệt cho khéo, dệt cho đều đặn, khéo cào, khéo chải.”

Có lẽ chúng tôi có thể biểu xén các ông vật gì đó. Và sau khi nói như vậy, nếu vị Tỳ-khuru ấy biểu xén vật gì đó, dầu chỉ là đồ ăn khát thực: Đồ ăn khát thực nghĩa là cháo, bữa ăn, vật thực cứng, cục bột tẩm, gỗ chà răng, nắm chỉ rời, ngay cả nói pháp.

7. [Người thợ dệt] làm [y] dài, hoặc rộng, hoặc chặt chẽ theo lời nói của vị ấy; trong khi tiến hành thì [vị ấy] phạm tội *Dukkata*. Do sự đạt được thì phạm vào tội *Nissaggiya*, [y ấy] cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và này các Tỳ-khuru, nên được xả bỏ như vậy: ...(nt)... “Bạch các ngài, y này của tôi khi chưa được thỉnh cầu trước, lại đi đến các thợ dệt của gia chủ không phải là thân quyến và đã đưa ra sự căn dặn về y, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ y này đến hội chúng.” ...(nt)... hội chúng nên cho lại ...(nt)... chư Đại đức nên cho lại ...(nt)... “Tôi cho lại Đại đức.”

8. Không phải là thân quyến, nhận biết không phải là thân quyến, vị khi chưa được thỉnh cầu trước, lại đi đến các thợ dệt của gia chủ và đưa ra sự căn dặn về y thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Không phải là thân quyến, có sự hoài nghi, ...(nt)... Không phải là thân quyến, [lầm] tưởng là thân quyến, vị khi chưa được thỉnh cầu trước, lại đi đến các thợ dệt của gia chủ và đưa ra sự căn dặn về y thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*.

9. Là thân quyến, [lầm] tưởng không phải là thân quyến thì phạm tội *Dukkata*. Là thân quyến, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkata*. Là thân quyến, nhận biết là thân quyến thì vô tội.

10. Của các thân quyến, của những người đã nói lời thỉnh cầu, vì nhu cầu của vị khác, bằng vật sở hữu của bản thân, vị bảo dệt [y] có giá trị thấp đối với người có ý định dệt [y] có giá trị cao, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều học quan trọng về thợ dệt.

--oo0oo--

5.3.8. ĐIỀU HỌC VỀ Y ĐẶC BIỆT

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, có vị quan đại thần nọ sắp sửa đi xa đã phái sứ giả đi đến gặp các Tỷ-khưu [nhấn rằng]:

– Các Đại đức hãy đi đến. Tôi sẽ dâng y của mùa [an cư] mưa.

Các vị Tỷ-khưu [nghĩ rằng]: “Y của mùa [an cư] mưa đã được đức Thế Tôn cho phép đến các vị đã trải qua mùa [an cư] mưa”, rồi trong lúc ngần ngại đã không đi đến. Khi ấy, vị quan đại thần ấy phản nản, phê phán, chê bai rằng: “Vì sao các Đại đức khi được tôi phái sứ giả đến mời lại không đi đến? Bởi vì tôi đi việc quân đội, việc sống khó biết, việc chết khó hay.” Các Tỷ-khưu đã nghe được vị quan đại thần ấy phản nản, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỷ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỷ-khưu rằng:

– Nay các Tỷ-khưu, Ta cho phép thọ lãnh y đặc biệt rồi để riêng.

2. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỷ-khưu [nghĩ rằng]: “Y đặc biệt đã được đức Thế Tôn cho phép thọ lãnh rồi để riêng.” Các vị ấy sau khi thọ lãnh y đặc biệt rồi đã để vượt quá thời hạn về y. Các y ấy được buộc thành đồng, treo ở sào máng y. Đại đức Ānanda trong khi đi dạo quanh các trú xá đã nhìn thấy các y ấy được buộc thành đồng, treo ở sào máng y, sau khi nhìn thấy đã nói với các Tỷ-khưu rằng:

– Nay các Đại đức, các y đã được buộc thành đồng, treo ở sào máng y là của vị nào vậy?

– Nay Đại đức, là các y đặc biệt của chúng tôi.

– Nay các Đại đức, vậy các y này đã được để riêng bao lâu rồi?

Khi ấy, các vị Tỷ-khưu ấy đã kể lại cho Đại đức Ānanda về việc [y] đã được để riêng như thế nào. Đại đức Ānanda phản nản, phê phán, chê bai rằng: “Tại sao các Tỷ-khưu sau khi thọ lãnh y đặc biệt lại để vượt quá thời hạn về y?” Sau đó, Đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

3. – Nay các Tỷ-khưu, nghe nói các Tỷ-khưu sau khi thọ lãnh y đặc biệt lại để vượt quá thời hạn về y, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Nay các Tỷ-khưu, vì sao những kẻ rồ dại ấy sau khi thọ lãnh y đặc biệt lại để vượt quá thời hạn về y vậy? Nay các Tỷ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và nay các Tỷ-khưu, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Khi còn mười ngày là đến ngày rằm *Kattika* của ba tháng,²⁷ trường hợp vị Tỳ-khuru có y đặc biệt phát sanh, vị Tỳ-khuru nghĩ rằng là [y] đặc biệt rồi nên thọ lãnh, sau khi thọ lãnh nên để riêng cho đến hết thời hạn về y. Nếu để riêng vượt quá hạn ấy thì [y ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội *Pācittiya*.”

4. Khi còn mười ngày là đến: Mười ngày là sẽ đến lễ *Pavāraṇā*.

Ngày rằm *Kattika* của ba tháng: Lễ *Pavāraṇā* là *Kattika* được nói đến.

Y đặc biệt nghĩa là người có ý định đi vào quân đội, hoặc có ý định đi xa, hoặc là bị bệnh, hoặc là mang thai, hoặc là người không có niềm tin đã được sanh khởi niềm tin, hoặc là người không mộ đạo đã được sanh khởi lòng mộ đạo. Nếu người ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khuru [nói rằng]: “Các Đại đức hãy đi đến. Tôi sẽ dâng y của mùa [an cư] mưa.” Y này gọi là y đặc biệt.

Vị Tỳ-khuru nghĩ rằng, là [y] đặc biệt rồi nên thọ lãnh, sau khi thọ lãnh nên để riêng cho đến hết thời hạn về y: Sau khi ghi nhận rằng: “Đây là y đặc biệt”, rồi nên để riêng.

Thời hạn về y nghĩa là khi *Kaṭhina* không được thành tựu thì một tháng cuối của mùa mưa. Khi *Kaṭhina* được thành tựu thì năm tháng.²⁸

Nếu để riêng vượt quá hạn ấy: Khi *Kaṭhina* không được thành tựu, vị vượt qua ngày cuối cùng của mùa mưa thì phạm vào tội *Nissaggiya*. Khi *Kaṭhina* được thành tựu, vị vượt qua ngày hết hiệu lực *Kaṭhina* thì phạm vào tội *Nissaggiya*, [y ấy] cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và này các Tỳ-khuru, nên được xả bỏ như vậy: ...(nt)... “Bạch các ngài, y đặc biệt này của tôi đã vượt quá thời hạn về y, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ y này đến hội chúng.” ...(nt)... hội chúng nên cho lại ...(nt)... chư Đại đức nên cho lại ...(nt)... “Tôi cho lại Đại đức.”

5. Y đặc biệt, nhận biết là y đặc biệt, vị để vượt quá thời hạn về y thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Y đặc biệt, có sự hoài nghi, vị để vượt quá thời hạn về y thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Y đặc biệt, [lầm] tưởng không phải là y đặc biệt, vị để vượt quá thời hạn về y thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Khi chưa chú nguyện để dùng riêng, [lầm] tưởng là đã chú nguyện để dùng riêng, ... Khi chưa chú nguyện để dùng chung, [lầm] tưởng là đã chú nguyện để dùng chung, ... Khi chưa được phân phát, [lầm] tưởng là đã phân phát, ... Khi không bị mất trộm, [lầm] tưởng là đã bị mất trộm, ... Khi không bị hư hỏng, [lầm] tưởng là đã bị hư hỏng, ... Khi không bị cháy, [lầm] tưởng là đã bị cháy, ... Khi không

²⁷ *Kattikatamāsipunnāma* (ngày rằm *Kattika* của 3 tháng): Tương đương rằm tháng Chín âm lịch Việt Nam là ngày cuối cùng của mùa [an cư] mưa thời kỳ đầu, ngày này còn là ngày làm lễ *Pavāraṇā* của các vị Tỳ-khuru đã trải qua mùa [an cư] mưa thời kỳ đầu. Còn *Kattikacatumāsipunnāma* (ngày rằm *Kattika* của 4 tháng) tương đương rằm tháng Mười âm lịch (ND).

²⁸ “Thời hạn về y” nghĩa là khi *Kaṭhina* không được thành tựu thì 1 tháng cuối của mùa mưa, tương đương 16 tháng Chín âm lịch đến hết rằm tháng Mười âm lịch; thời gian này còn là thời kỳ dâng y *Kaṭhina*. Nếu *Kaṭhina* được thành tựu thì thời hạn về y được kéo dài đến khi nào *Kaṭhina* còn hiệu lực, hoặc đến hết rằm tháng Hai năm sau, tức là thời hạn 5 tháng (ND).

bị cướp, [lầm] tưởng là đã bị cướp, vì để vượt quá thời hạn về y thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*.

6. Y phạm vào tội *Nissaggiya*, không xả bỏ rồi sử dụng thì phạm tội *Dukkata*. Không phải là y đặc biệt, [lầm] tưởng là y đặc biệt thì phạm tội *Dukkata*. Không phải là y đặc biệt, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkata*. Không phải là y đặc biệt, nhận biết không phải là y đặc biệt thì vô tội.

7. Trong thời hạn [về y], vị chủ nguyện để dùng riêng, vị chủ nguyện để dùng chung, vị phân phát, [y] bị mất trộm, [y] bị hư hỏng, [y] bị cháy, [những người khác] cướp rồi lấy đi, [các vị khác] lấy đi do sự thân thiết, vị bị điên, vị phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều học về y đặc biệt.

--oo0oo--

5.3.9. ĐIỀU HỌC VỀ [CHỖ NGỤ] NGUY HIỂM

1. Lúc bảy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, các vị Tỷ-khưu đã trải qua mùa [an cư] mưa sống ở những chỗ trú ngụ trong các khu rừng. Bọn trộm cướp tháng *Kattika* [nghĩ rằng]: “Các Tỷ-khưu đạt được lợi lộc” nên đã quấy nhiễu. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỷ-khưu rằng: “Này các Tỷ-khưu, Ta cho phép vị sống ở những chỗ trú ngụ trong các khu rừng được để lại một y nào đó của ba y ở trong xóm nhà.”

2. Vào lúc bảy giờ, các Tỷ-khưu [nghĩ rằng]: “Đức Thế Tôn đã cho phép vị sống ở những chỗ trú ngụ trong các khu rừng được để lại một y nào đó của ba y ở trong xóm nhà”, rồi để lại một y nào đó của ba y ở trong xóm nhà và xa lìa hơn sáu đêm. Các y ấy bị mất, bị hư hỏng, bị cháy, bị các con chuột gặm nhấm. Các Tỷ-khưu trở nên mặc vải tàn tạ và y phục thô xấu. Các Tỷ-khưu đã nói như vậy:

– Này các Đại đức, tại sao các vị lại trở nên mặc vải tàn tạ và y phục thô xấu?

Khi ấy, các vị Tỷ-khưu ấy đã kể lại sự việc cho các Tỷ-khưu. Các Tỷ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phản nản, phê phán, chê bai rằng: “Vì sao các Tỷ-khưu sau khi để lại một y nào đó của ba y ở trong xóm nhà lại xa lìa hơn sáu đêm?”

3. Sau đó, các vị Tỷ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỷ-khưu, nghe nói các Tỷ-khưu sau khi để lại một y nào đó của ba y ở trong xóm nhà lại xa lìa hơn sáu đêm, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này các Tỷ-khưu, vì sao những kẻ rồ dại ấy sau khi để lại một y nào đó của ba y ở trong xóm nhà lại xa lìa hơn sáu đêm vậy? Này các Tỷ-khưu, sự việc

này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Khi mùa [an cư] mưa đã qua ngày rằm Kattika, trường hợp có những chỗ trú ngụ ở trong rừng được xác định là có sự nguy hiểm, có sự kinh hoàng, và vị Tỳ-khuru đang sống ở các chỗ trú ngụ có hình thức như thế, khi mong mỗi có thể để lại một y nào đó của ba y ở trong xóm nhà. Nếu vị Tỳ-khuru ấy có lý do nào đó đưa đến việc xa lìa y ấy, vị Tỳ-khuru ấy nên xa lìa y ấy tối đa là sáu đêm. Nếu xa lìa vượt quá hạn ấy, ngoại trừ có sự đồng ý của các Tỳ-khuru, thì [y ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pācittiya.”

4. Khi mùa [an cư] mưa đã qua: Là mùa mưa đã được trải qua.

Ngày rằm Kattika: Ngày rằm Kattika của bốn tháng được đề cập đến.²⁹

Những chỗ trú ngụ ở trong rừng: Chỗ trú ngụ ở trong rừng, nghĩa là cách [căn nhà] cuối cùng khoảng cách năm trăm cây cung.³⁰

Có sự nguy hiểm nghĩa là trong tu viện hoặc trong vùng phụ cận tu viện, chỗ cắm trại của bọn cướp được thấy, chỗ ăn được thấy, chỗ đứng được thấy, chỗ ngồi được thấy, chỗ nằm được thấy.

Có sự kinh hoàng nghĩa là trong tu viện hoặc trong vùng phụ cận tu viện, dân chúng bị giết bởi bọn cướp được thấy, bị cướp giật được thấy, bị đánh đập được thấy.

Vị Tỳ-khuru đang sống ở các chỗ trú ngụ có hình thức như thế: Là vị Tỳ-khuru đang sống ở các chỗ trú ngụ có hình thức như vậy.

Khi mong mỗi: Khi ước muốn.

Một y nào đó của ba y: Hoặc là y hai lớp, hoặc là thượng y, hoặc là y nội.

Có thể để lại ở trong xóm nhà: Có thể để lại ở vùng xung quanh ngôi làng là khu vực đi khát thực.

Nếu vị Tỳ-khuru ấy có lý do nào đó đưa đến việc xa lìa y ấy: Nếu có lý do, nếu có nguyên nhân.

Vị Tỳ-khuru ấy nên xa lìa y ấy tối đa là sáu đêm: Nên xa lìa nhiều nhất là sáu đêm.

Ngoại trừ có sự đồng ý của các Tỳ-khuru: Trừ ra có sự đồng ý của các Tỳ-khuru

Nếu xa lìa vượt quá hạn ấy: Khi hừng đông ngày thứ bảy mọc lên thì phạm vào tội *Nissaggiya*, [y ấy] cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và này các Tỳ-khuru, nên được xả bỏ như vậy: ...(nt)... “Bạch các ngài, y này của tôi đã bị xa lìa quá sáu đêm, giờ cần được xả bỏ, ngoại trừ có

²⁹ Theo âm lịch của Việt Nam là rằm tháng Mười.

³⁰ *The Buddhist Monastic Code* cho biết: Khoảng cách của 500 cây cung độ chừng 1km.

sự đồng ý của các Tỳ-khưu. Tôi xả bỏ y này đến hội chúng.”...(nt)... hội chúng nên cho lại...(nt)... chư Đại đức nên cho lại...(nt)... “Tôi cho lại Đại đức.”

5. Khi quá hạn sáu đêm, nhận biết là đã quá hạn, vị xa lìa thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*, ngoại trừ có sự đồng ý của các Tỳ-khưu. Khi quá hạn sáu đêm, có sự hoài nghi, vị xa lìa thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*, ngoại trừ có sự đồng ý của các Tỳ-khưu. Khi quá hạn sáu đêm, [lầm] tưởng là chưa quá hạn, vị xa lìa thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*, ngoại trừ có sự đồng ý của các Tỳ-khưu. Khi chưa nguyện xả, [lầm] tưởng là đã nguyện xả, ... Khi chưa phân phát, [lầm] tưởng là đã phân phát, ... Khi không bị mất trộm, [lầm] tưởng là đã bị mất trộm, ... Khi không bị hư hỏng, [lầm] tưởng là đã bị hư hỏng, ... Khi không bị cháy, [lầm] tưởng là đã bị cháy, ... Khi không bị cướp, [lầm] tưởng là đã bị cướp, vị xa lìa thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*, ngoại trừ có sự đồng ý của các Tỳ-khưu.

6. Y phạm vào tội *Nissaggiya*, không xả bỏ rồi sử dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi chưa quá hạn sáu đêm, [lầm] tưởng là đã quá hạn thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi chưa quá hạn sáu đêm, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi chưa quá hạn sáu đêm, nhận biết là chưa quá hạn thì vô tội.

7. Vị xa lìa sáu đêm, vị xa lìa kém sáu đêm, sau khi xa lìa sáu đêm vị ấy đi vào lại trong ranh giới của làng cư ngụ rồi ra đi, vị nguyện xả trong đêm thứ sáu, vị phân phát, [y] bị mất trộm, [y] bị hư hỏng, [y] bị cháy, [những người khác] cướp rồi lấy đi, [các vị khác] lấy đi do sự thân thiết, với sự đồng ý của các Tỳ-khưu, vị bị diên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều học về [chỗ ngụ] nguy hiểm.

--oo0oo--

5.3.10. ĐIỀU HỌC VỀ “ĐÃ ĐƯỢC KHẲNG ĐỊNH”

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, trong thành Sāvatthi có bữa trai phạn, có dâng y đến hội chúng của phường hội nọ được chuẩn bị [thông báo rằng]: “Sau khi mời thọ thực, chúng tôi sẽ dâng y.” Khi ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục sư đã đi đến gặp phường hội ấy, sau khi đến đã nói với phường hội ấy điều này:

- Này các đạo hữu, hãy dâng các y này cho chúng tôi.
- Thưa các ngài, chúng tôi sẽ không dâng, bữa trai phạn có dâng y đến hội chúng hàng năm của chúng tôi đã được thông báo.
- Này các đạo hữu, hội chúng có nhiều thí chủ, hội chúng có nhiều cơ hội. Chúng tôi sống ở đây nương nhờ vào quý vị, trông ngóng nơi quý vị. Nếu quý vị sẽ không bỏ thí đến chúng tôi, giờ còn ai sẽ bỏ thí cho chúng tôi? Này các đạo hữu, hãy dâng các y này cho chúng tôi.

Khi ấy, trong lúc bị các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư ép buộc, phường hội ấy đã dâng y được chuẩn bị như thế đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư, rồi dâng vật thực đến hội chúng. Những vị Tỳ-khưu nào biết được bữa trai phạn có dâng y đến hội chúng đã được chuẩn bị mà không biết được là: “[Y] đã được dâng đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư”, những vị ấy đã nói như vậy:

2. – Này các đạo hữu, hãy dâng y đến hội chúng.

– Thừa các ngài, không có y như đã chuẩn bị, các ngài Đại đức nhóm Lục Sư đã thuyết phục dâng cho bản thân.

Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phản nản, phê phán, chê bai rằng: “Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư dầu biết lợi lộc đã được khẳng định là dâng đến hội chúng lại thuyết phục dâng cho bản thân?” Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các người dầu biết lợi lộc đã được khẳng định là dâng đến hội chúng vẫn thuyết phục dâng cho bản thân, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này những kẻ rồ dại, vì sao các người dầu biết lợi lộc đã được khẳng định là dâng đến hội chúng lại thuyết phục dâng cho bản thân vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị Tỳ-khưu nào dầu biết lợi lộc đã được khẳng định là dâng đến hội chúng vẫn thuyết phục dâng cho bản thân thì [vật ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pācittiya.”

3. **Vị nào:** Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là “vị Tỳ-khưu” được đề cập trong ý nghĩa này.

Biết nghĩa là tự mình biết, hoặc những người khác nói cho vị ấy, hoặc người ấy nói.

[Dâng đến] hội chúng nghĩa là đã được dâng đến, đã được giao hẳn cho hội chúng.

Lợi lộc nghĩa là các vật dụng như là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và thuốc men chữa bệnh, ngay cả cục bột tắm, gỗ chà răng, nắm chỉ ròi.

Đã được khẳng định là dâng đến nghĩa là lời nói đã được phát ra rằng: “Chúng tôi sẽ dâng, chúng tôi sẽ làm.”

4. Vị thuyết phục dâng cho bản thân, trong khi tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do sự đạt được thì phạm vào tội *Nissaggiya*, [vật ấy] cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vậy: ...(nt)... “Bạch các ngài, vật này của tôi đã được thuyết phục dâng cho bản thân, dầu biết lợi lộc đã được khẳng định là dâng đến hội

chúng, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến hội chúng.”...(nt)... hội chúng nên cho lại...(nt)... chư Đại đức nên cho lại...(nt)... “Tôi cho lại Đại đức.”

5. Khi đã được khẳng định, nhận biết là đã được khẳng định, vị thuyết phục dâng cho bản thân thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Khi đã được khẳng định, có sự hoài nghi, vị thuyết phục dâng cho bản thân thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi đã được khẳng định, [lầm] tưởng là chưa được khẳng định, vị thuyết phục dâng cho bản thân thì vô tội. Khi đã được khẳng định là dâng đến hội chúng, vị thuyết phục dâng đến hội chúng khác hoặc bảo tháp thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi đã được khẳng định là dâng đến bảo tháp, vị thuyết phục dâng đến bảo tháp khác, hoặc hội chúng, hoặc nhóm, hoặc cá nhân thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi đã được khẳng định là dâng cho cá nhân, vị thuyết phục dâng cho cá nhân khác, hoặc hội chúng, hoặc nhóm, hoặc bảo tháp thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi chưa được khẳng định, [lầm] tưởng là đã được khẳng định thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi chưa được khẳng định, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi chưa được khẳng định, nhận biết là chưa được khẳng định thì vô tội.

6. Khi được hỏi rằng: “Chúng tôi dâng nơi nào?” vị nói rằng: “Nơi nào mà pháp bố thí của quý vị có thể đạt được sự hữu dụng, hoặc có thể được làm vật sửa chữa, hoặc có thể tồn tại lâu dài, hoặc nơi nào tâm của quý vị hoan hỷ thì hãy dâng nơi đó”, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều học về “đã được khẳng định.”

Phẩm Bình bát là thứ ba.

--oo0oo--

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

Hai điều về bình bát, được phẩm, thuộc mùa mưa, việc lấy lại [y] là thứ năm. Tự mình, việc bảo dật, [y] đặc biệt, sự nguy hiểm và thuộc về hội chúng.

--oo0oo--

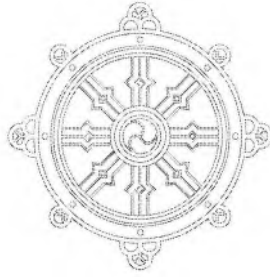
Bạch chư Đại đức, ba mươi điều *Nissaggiya Pācittiya* đã được đọc tụng xong. Trong các điều ấy, tôi hỏi các Đại đức rằng: “Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này?” Đến lần thứ nhì, tôi hỏi rằng: “Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này?” Đến lần thứ ba, tôi hỏi rằng: “Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này?” Các Đại đức được thanh tịnh nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

[[Y] phụ trội, chỉ một đêm, [y] ngoài hạn kỳ, việc giặt y cũ, việc nhận lãnh ấy nữa, việc yêu cầu và vượt quá số y ấy, luôn cả hai điều về chưa được thỉnh cầu, và về việc nhắc nhở đến lần thứ ba.

Được trộn lẫn, luôn cả thuần [màu đen], có cân lượng, hàng năm, tám trải lót cũ, và việc mang đi các lông cừu, việc giặt [lông cừu], luôn cả vàng bạc, và hai việc [trao đổi với mua bán] dưới nhiều hình thức.

Bình bát phụ trội, chưa đủ [năm] miếng vá, được phẩm, vải choàng [tắm mưa], việc giặt lại [y] vì bị nổi giận, hai điều về thợ dệt, và với ý đặc biệt, với việc xa lìa sáu đêm, sự thuyết phục dâng cho bản thân.]³¹

Dứt ba mươi điều.
DÚT *PĀRĀJIKAPĀLI*.
 --oo0oo--



³¹ Những câu kệ phụ trội này chỉ được thấy ở tạng Tích Lan.

